Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ

Tưởng niệm

VĂN HÀO NHẤT LINH—NGUYỄN TƯỜNG TAM

20

THÁNG 7.2013

quangduc.com

Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 20
THÁNG 7.2013

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: **803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A.** — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Chúc Thiền**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hảo**
Hình bìa: **Đặng thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:*
  (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, *trang 2*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 3*
- **TIẾNG MÕ KINH CẦU, BÊN ÁN SƯƠNG LAM** *(thơ Thắng Hoan), tr. 8*
- **TẢN MẠN TRƯỜNG HẠ 2013** *(thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8*
- **THÔNG BÁO LỄ HIỆP KỴ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ – NGÀY VỀ NGUỒN VII** *(HT. Thích Nguyên An), trang 9*
- **TÍNH KHẾ LÝ VÀ KHẾ CƠ TRONG KINH KIM CANG** *(Tuệ Sỹ), trang 10*
- **DẶM LÒNG, BỂ DÂU, GIỌT LỆ LUÂN HỒI** *(thơ Mặc Phương Tử), trang 11*
- **SEN VÀ CÁ** *(Tuệ Như), trang 12*
- **ĐỨC PHẬT CỦA THẾ KỶ** *(Thị Giới), trang 13*
- **KHỔNG ĐỀ** *(thơ Bạch Xuân Phẻ), tr. 13*
- **HẠNH KHIÊM TỐN** *(Ngọc Bảo), tr. 13*
- **HÌNH ẢNH LỄ TƯỞNG NIỆM 50 NĂM BT QUẢNG ĐỨC TỰ THIÊU**, *trang 16*
- **MỞ CÁNH CỬA TÂM HỒN BẠN** *(TN Khánh Năng dịch), trang 18*
- **ĐÊM CHÙA HẢI ẤN** *(thơ Đồng Thiện), trang 19*
- **PHỐ THỊ** *(thơ Du Tâm Lãng Tử), tr. 19*
- **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC** *(HT. Thích Trí Chơn dịch), tr. 20*
- **HOÀI NIỆM NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM VÀ CẢM ĐỀ GIÒNG SÔNG THANH THỦY** *(Vũ Hoàng Chương), trang 22*
- **HÌNH ẢNH ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN GHPGVNTNHK** *(Thanh Huy), trang 25*
- **TRÁNH XA ÁC KHẨU** *(Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 26*
- **VÔ THƯỜNG, CHỊ** *(thơ Nguyên Hậu), trang 28*
- **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ - Giải đáp thắc mắc** *(Huỳnh Tấn Lê), trang 29*
- **CẢM NGHĨ VỀ "NGỌN LỬA QUẢNG ĐỨC" CÁCH ĐÂY 50 NĂM** *(Đào Văn Bình), trang 30*
- **HAI VẺ ĐẸP CỦA NHẤT LINH** *(Nguyễn Tường Thiết), trang 32*
- **TRẢI LÒNG** *(thơ Tôn Nữ Thanh Yên), trang 34*
- **TƯỞNG NIỆM NHẤT LINH** *(Nguyễn Tường Tâm), trang 35*
- **NGHỆ THUẬT NGHE PHÁP THOẠI** *(GĐPTVN Hoa Kỳ biên soạn), tr. 40*
- **CHÈ ĐÁ NGẮM TRĂNG** *(thơ Lê Phương Châu), trang 41*
- **THÔNG BÁO ĐẠI GIỚI ĐÀN HUYỀN QUANG TẠI CHÙA CỔ LÂM** *(HT. Thích Nguyên An), trang 46*
- **QUYẾT NGHỊ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN GHPGVNTNHK**, *trang 47*
- **HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG – song ngữ** *(Thích Nguyên Tạng dịch), trang 48*
- **THE PENTAGON PAPERS: BIẾN ĐỘNG PHẬT GIÁO...** *(Cs. Nguyên Giác dịch), trang 50*
- **CA DAO MỘC, TÌNH NHỚ, CỐ MIÊN** *(thơ Phù Du), trang 52*
- **CIA BÁO CÁO TỔNG THỐNG MỸ VỀ CUỘC THẢM SÁT HUẾ 1963** *(Cs. Nguyên Giác dịch), trang 53*
- **HÌNH NHƯ EM CŨNG** *(Toại Khanh), trang 54*
- **MỆT MỎI KINH NIÊN** *(Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 55*
- **NẤU CHAY: CANH NUÔI** *(Diệu An), trang 57*
- **ĂN CHAY VÀ VITAMIN B-12** *(Tâm Diệu), trang 58*
- **TUỔI THƠ CHỐN THIỀN** *(Thích Nữ Giới Định), trang 60*
- **KHỞI TÂM KIÊU MẠN KHINH THƯỜNG...** *(Tịnh Minh dịch), trang 62*
- **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 8. The Five Precepts / Năm Giới** *(Tâm Minh Ngô Tằng Giao dịch), trang 64*
- **HÌNH ẢNH AN CƯ KIẾT HẠ TẠI PHV QUỐC TẾ** *(Hộ Pháp), trang 65*
- **NHỮNG ĐIỀU NHỚ LẠI TỪ "PHẬT GIÁO 1963" CỦA MỘT CHỨNG NHÂN** *(Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả), trang 66*
- **HÌNH ẢNH AN CƯ KIẾT HẠ TẠI PHV QUỐC TẾ - tiếp theo** *(Hộ Pháp), tr. 72*
- **HÌNH ẢNH LỄ TƯỞNG NIỆM 50 NĂM BT QUẢNG ĐỨC TỰ THIÊU**, *trang 88*

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 20, tháng 7 năm 2013, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

SỐNG TRONG LÒNG LỊCH SỬ

Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam (1906 – 1963) là nhà văn có ảnh hưởng sâu rộng nhất đối với nền văn học Việt Nam cận đại. Ảnh hưởng của ông, qua Tự Lực Văn Đoàn (thành lập năm 1932), cho đến ngày nay, gần một thế kỷ, không thể nói là đã chấm dứt vai trò của nó, mà vẫn còn âm ỉ tác động lên nếp suy nghĩ, cách hành xử, lối viết, lối sống, của nhiều thế hệ cầm bút cũng như độc giả, từ thành thị đến thôn quê; từ những những người cầm quyền cho đến các chính khách đảng phái; từ hàng trí thức khoa bảng cho đến sinh viên, học sinh…

Có được sức ảnh hưởng như thế là bởi ông có viễn kiến: vạch con đường trăm năm của văn hóa, giáo dục, luôn tiên phong, dẫn đạo những khuynh hướng canh tân, cải cách, trong văn học hay trong chính trị xã hội…

Cuộc đời chỉ hơn nửa thế kỷ của ông là cả một pho sách vô giá, để lại nhiều bài học nhớ đời cho hậu thế. Không phải lúc nào cũng thành công, nhưng ông không nản chí, thất vọng: luôn hết lòng, tận tụy thực hiện những gì mình thích và cho là đúng. Viết văn, vẽ, làm báo, xuất bản sách, hoạt động chính trị, hoạt động từ thiện xã hội… không việc nào mà chẳng đam mê, tận tình.

Hai điểm nổi bật trong đời ông là sống mãi với văn chương và, chọn cái chết cho nguyện vọng ích nước lợi dân.

SỐNG: Ngoài các tác phẩm thời danh để lại, tinh thần của Tự Lực Văn Đoàn, là cái sống mãi.

CHẾT: Cái chết do ông chọn lựa, quyên sinh bằng độc dược, là chết để làm bất tử lý tưởng của mình, đồng thời cất lên nguyện vọng của quốc dân. Trong di chúc đề ngày 07.7.1963, ông viết ngắn gọn 71 chữ:

"Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ, xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do."

Cuộc đời của người làm văn hóa, làm công việc của trăm năm, ngàn năm, thì các thể chế chính trị nhất thời lấy tư cách gì mà xét xử! Chỉ có lịch sử mới đủ tư cách ấy. Lịch sử đó là gì, là ai? Là những cuốn sử viết theo tài liệu nhà nước ư? Là những sử gia ăn lương các nhà cầm quyền ư? Là những người chịu ơn chính quyền đòi xét xử ông bằng văn từ tạp nhạp viết bằng những ngòi bút bẻ cong chăng? Là những người quí mến ngưỡng mộ hoặc ganh ghét tị hiềm ông chăng? – Không, không phải.

Lịch sử ấy là sự thực. Sự thực thì không bao giờ khác đi theo chuyển dịch của thời thế và hoàn cảnh.

Một con người sống thực với chính mình, sống thực với mọi người thì không bao giờ sợ hãi lịch sử. Ngay khi đang sống, họ đã sống trong lòng lịch sử rồi.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

INDONESIA: Lễ hội Con đường Giác ngộ 2013

Surabaya, Đông Java – Từ ngày 21 đến 30-6-2013, Trung tâm Giáo dục Phật giáo (BEC) sẽ tổ chức lễ hội nghệ thuật và văn hóa Phật giáo mang tên 'Con đường Giác ngộ' để thúc đẩy sự đoàn kết và hòa hợp giữa nhiều truyền thống Phật giáo trên khắp thế giới.

Mục đích của sự kiện này là cung cấp thông tin chính xác và đúng đắn về giáo lý từ bi của đạo Phật. Qua lễ hội, mọi người bất kể quốc tịch, trường phái và ngay cả thuộc các tôn giáo khác sẽ có thể thưởng lãm mọi khía cạnh nghệ thuật và văn hóa Phật giáo và hoan hỉ cúng dường trực tiếp.

Đây là lễ hội được tổ chức 5 năm một lần. Và trong lần thứ nhất diễn ra vào năm 2003, lễ hội đã được đón nhận nhiệt liệt, mang lại một bộ mặt tươi mới cho sự kêu gọi truyền bá đạo Phật.

(Buddhist Art News – May 22, 2013)

Biểu trưng của Lễ hội 'Con đường Giác ngộ' - Photo: Buddhist Art News

HOA KỲ: Tượng Thiền sư Thich Nhất Hạnh trong nhóm tượng "Những Chiến sĩ của Lòng Nhân đạo"

Vào ngày 31-5-2013, tượng đồng khổng lồ có tên gọi là "Hãy nhớ đến họ: Những Chiến sĩ của Lòng Nhân đạo" sẽ được chính thức khánh thành tại Công viên Tưởng niệm Henry J. Kaiser ở thành phố Oakland, California.

Sáng tác bởi nhà điêu khắc Mario Chiodo, tượng thể hiện 25 người theo chủ nghĩa nhân đạo từ khắp thế giới; cùng với Thiền sư Thích Nhất Hạnh, trong số những người được vinh danh khác bao gồm Abraham Lincoln, Mahatma Gandhi, Mẹ Teresa, Winston Churchill, Nelson Mandela...

Thích Nhất Hạnh là một tu sĩ Phật giáo giảng dạy về khả năng lãnh đạo thông qua phương cách hòa bình, và tìm mối quan hệ chung của tất cả mọi người để đoàn kết họ lại. Ông ủng hộ cho sự thay đổi xã hội qua các cuốn sách và bài giảng của mình về bất bạo động, hòa bình và hòa giải.

(Shambhala Sun & Facebook – May 24, 2013)

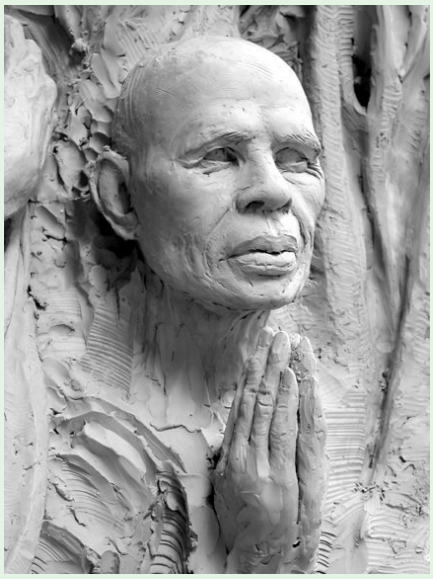

Tượng Thiền sư Thích Nhất Hạnh trong "Những Chiến sĩ của Lòng Nhân đạo" - Photos: Shambhala Sun & facebook.com

HÀN QUỐC: Kho báu Phật giáo cổ trên Núi Nam Sơn

Núi Nam Sơn ở Gyeongju (Bắc Gyeongsang) là một Di sản Văn Hóa Thế giới UNESCO với kho báu Phật giáo quan trọng của Vương quốc Silla (57 BC – 935 AD). Người Silla cổ đại tôn thờ núi Nam Sơn từ lâu đời vì họ tin rằng thần phật sống bên trong đá núi này.

Đến nay đã có 672 tài sản văn hóa được phát hiện trên núi Nam Sơn, bao gồm 147 đền thờ,130 tượng Phật bằng đá, 100 thạch tự, 22 đèn lồng bằng đá, 13 ngôi mộ hoàng gia, 4 pháo đài và 22 bệ hình hoa sen.

Một trong những tác phẩm điêu khắc quan trọng nhất trên Nam Sơn là Tượng Phật Josanggun, nằm gần Thung lũng Tapgol ở điểm cực nam. Pho tượng bằng đá tự nhiên khổng lồ này có chiều cao 10 mét và chu vi 30 mét.

(Buddhist Art News – May 24, 2013)

Một tượng bồ tát trên Nam Sơn

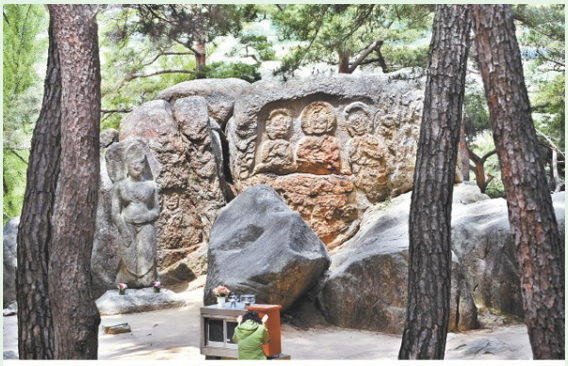

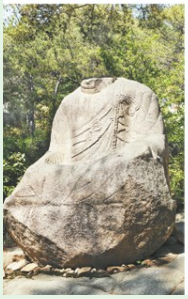

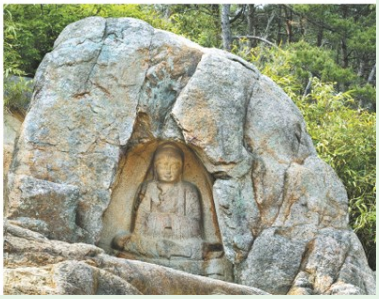

Ảnh (theo chiều kim đồng hồ từ trên xuống): tượng Phật Josanggun; tượng Bồ tát trong động; tượng Phật bằng đá bị mất đầu

Photos: Korea Joong Ang Daily

CAM BỐT: Lễ Vesak tại tỉnh Kandal

Kandal, Cam Bốt – Sáng ngày 24-5-2013, hàng nghìn tăng sĩ và Phật tử đã diễn hành mừng lễ Vesak quanh Núi Preah Reach Trap, nơi lưu giữ xá lợi của Đức Phật. Phật tử thắp nến, hương và dâng hoa trước các tượng và xá lợi của Đức Phật. Họ cũng đóng góp thực phẩm và tiền để cùng các nhà sư cúng cho thân nhân quá cố của mình.

Vesak là một ngày công lễ tại đất nước có đa số dân theo Phật giáo này – với Phật tử chiếm khoảng 90% của dân số 14, 5 triệu người.

Phật giáo là quốc giáo của Cam Bốt. Theo số liệu của Bộ Giáo phái và Tôn giáo, đất nước này có khoảng 4.400 ngôi chùa với hơn 50.000 tăng sĩ.

(Mahabhodi IP – May 26, 2013)

Thực phẩm dâng cúng trong ngày Vesak tại Kandal—Photo: Mahabhodi IP

HÀN QUỐC: "Chư Ni", phim tài liệu về cuộc sống của các ni cô Hàn quốc

Chư Ni, một phim tài liệu về 4 phụ nữ tu tập để trở thành các nữ tu Phật giáo, đã được khởi chiếu tại các rạp trên khắp Hàn quốc vào ngày 23-5-2013. Phim được thực hiện trong hơn 300 ngày tại Ni tự Baekhong, là ngôi chùa chỉ mở cửa cho công chúng 2 lần trong một năm.

Là những nhân vật trung tâm của phim tài liệu này, tất cả bốn phụ nữ ấy đều trở thành ni cô vì những lý do rất khác nhau – một người quyết định xuất gia sau khi viếng một trung tâm Phật giáo, phụ nữ thứ hai định vị ngôi chùa này trên internet, người thứ ba đã sống trong chùa sau khi bị bỏ lại hồi còn bé, và người thứ tư đi tu do ăn năn.

(Shambhala Sun – May 26, 2013)

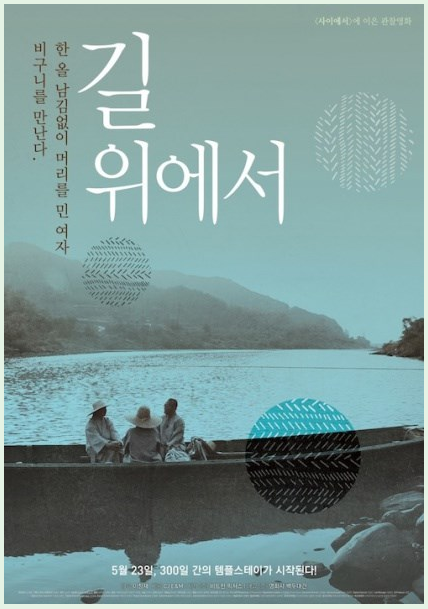

Poster phim "Chư Ni" - Photo: Shambhala Sun

ẤN ĐỘ: Kinh Pháp Cú được dịch thành thơ

Lần đầu tiên Kinh Pháp Cú được dịch thành thơ và in thành sách, do Chi nhánh Chennai của Hiệp hội Phật Quang Quốc tế phát hành gần đây.

Cuốn kinh thơ 'Kinh Pháp Cú' này do nhà thơ Tamil tên là Yazhan Athi thực hiện. Đến từ Vellore, ông hiện đang là giáo viên tại Ambur, bang Tamil Nadur.

Yazhan Athi được xem là một trong những thi sĩ đương đại nổi tiếng trong vũ đài văn chương Tamil ngày nay.

Nhà thơ Tamil Azhan Athi, người chuyển Kinh Cú Pháp thành dạng thơ—Photo: R. Satish Babu

Từ bản dịch 'Kinh Cú Pháp'văn xuôi bằng tiếng Tamil, Yazhan Athi đã làm hết sức mình trong việc sử dụng ngôn từ cho bản dịch bằng thơ của ông. Tuyển tập này có 26 chương với 431 bài thơ, trong số đó bao gồm tư tưởng, điều ác, tuổi già và hạnh phúc.

(Tipitaka Net Work – June 2, 2013)

TRUNG QUỐC: Hiệp hội Phật giáo Trung quốc (BAC) tặng Miến Điện 3 bản sao tháp xá lợi

Ngày 1-6-2013 tại Chùa Linh Quang ở Bắc Kinh, BAC đã làm lễ gửi tặng Miến Điện 3 bản sao tháp xá lợi răng Đức Phật Thích Ca.

Buổi lễ do chủ tịch BAC là Hòa thượng Chuanyin chủ trì. Ông nói rằng sự kiện này phản ánh tình hữu nghị được tăng cường giữa đồng đạo Phật giáo và nhân dân của hai nước.

Sau buổi lễ, các tháp bản sao này sẽ được gửi đến thành phố Thụy Lệ ở tỉnh Vân Nam, Trung quốc – giáp giới với Miến Điện. Các viên chức tôn giáo từ Miến Điện dự kiến sẽ dẫn đầu một đoàn đại biểu đến nhận các tháp bản sao vào ngày 7-6-2013.

Theo BAC, ba tháp bản sao sẽ được trưng bày tại các thành phố Rangoon, Naypyitaw và Mandalay.

(Xinhua – June 2, 2013)

Lễ gửi tặng Miến Điện 3 bản sao tháp xá lợi diễn ra tại Chùa Linh Quang, tây Bắc Kinh—Photo: Xinhua

ẤN ĐỘ: Đền đại Bồ đề và Vishnupad sẽ được bố trí camera quan sát

Gaya, Bihar - Ngày 3-6-2013, Bộ trưởng Bộ Phát triển Đô thị bang Bihar là Prem Kumar cho biết các camera quan sát sẽ được lắp đặt tại đền thờ Đại bồ đề linh thiêng nhất của Phật giáo, và tại đền Ấn giáo Vishnupad nổi tiếng ở quận Gaya.

Bộ trưởng nói động thái này là cần thiết do nhận thức về mối đe dọa tấn công khủng bố tại các địa điểm này. Ông nói,"Tôi đã chỉ thị cho chính quyền quận (Gaya) sớm

lắp đặt camera quan sát tại đền Đại Bồ đề và Vishnupad vì lý do an ninh".

Bộ trưởng Kumar nói chính quyền tại 2 thánh địa này đã được yêu cầu xác định vị trí có thể lắp đặt camera, bao gồm tại các điểm ra vào.

(IANS – June 3, 2013)

Đền Đại Bồ đề—Photo: wikipedia.org

Hoa Kỳ: "Lễ hội Đức Phật" tại Rosslyn,VA từ 20 đến 23-6-2013

Lễ hội Đức Phật, lễ hội Phật giáo duy nhất tại Hoa Kỳ sẽ trở lại Artisphere ở Rosslyn, VA từ ngày 20 đến 23-6-2013. Lễ hội bao gồm phim, nói chuyện tâm linh, thiền định và nhạc sống.

Lễ hội Đức Phật giới thiệu một sự hòa trộn những truyền thống trí tuệ khác nhau, đem lại cho mọi người những phương cách thiết thực để sống một cuộc sống lành mạnh, có ý nghĩa và kết nối lại trong thế giới ngày càng phức tạp này.

Lễ hội lần thứ tư năm nay có điểm mới là Lễ hội Tây Tạng, một sự kiện thân mật dành cho gia đình diễn ra vào ngày 22-6, giới thiệu thực phẩm, vũ nhạc và tinh thần Tây Tạng. Trẻ em được vào miễn phí, và làm thiệp sinh nhật để gửi đến Đức Đạt lai Lạt ma là một trong số các hoạt động dành cho các em.

(PRNewswire – June 6, 2013)

SINGAPORE: Bộ kinh Phật với giá bán $50.000

Trong biển sách bày bán tại Hội chợ Sách Singapore 2013 có loạt bản kinh Phật trị giá $50.000 một bộ.

Đây là mặt hàng đắt tiền nhất tại hội chợ sách được tổ chức tại Trung tâm công ước và Triển lãm Quốc tế Suntec City này, diễn ra từ ngày 6 đến 10-6-2013.

Được viết và minh họa bởi nhà văn Trung quốc 90 tuổi Xia Jingshan, bộ kinh gồm 81 tranh cuộn có tựa đề 'Bộ sưu tập chư Phật'của ông trình bày hơn 5.000 tranh dựa vào những câu chuyện từ văn học Phật giáo được viết bằng tiếng Hán cổ.

Ông Xia dành phần lớn đời mình cho việc làm tranh cuộn. Tranh có kèm thư pháp Hán văn về một số tư tưởng của chính tác giả và về những bài học rút ra được từ những câu chuyện.

(straitstimes.com – June 6, 2013)

'Bộ sưu tập chư Phật' trưng bày tại Hội chợ Sách Singapore 2013 Photo: Desmond Lui

NHẬT BẢN: Chùa Nishi Honganji khai trương cửa hàng sách điện tử trực tuyến

Được thành lập vào đầu thế kỷ thứ 17, Chùa Nishi Honganji là một trong những cơ sở Phật giáo có uy tín nhất của thành phố Kyoto.

Đông đảo Phật tử hướng đến ngôi chùa quan trọng của Phật Phái Tịnh độ Chân tông này để được giảng dạy đạo pháp. Nhằm đáp ứng nhu cầu của họ, gần đây chùa Nishi Honganji đã khai trương cửa hàng sách điện tử trực tuyến của mình.

"Chúng tôi đã tập hợp tuyển tập các tác phẩm vốn sẽ cho phép độc giả học hỏi bằng cách xem xét những khía cạnh khác nhau về niềm tin của Phật Phái Tịnh độ Chân tông, được phát triển bởi sư tổ Thân Loan của bản phái, cũng như những lời dạy của Đức Phật A Di Đà nói chung", một phát ngôn viên nói.

Các sách điện tử nói trên không chỉ được cung cấp ở dạng trình duyệt web mà còn có thể xem được trên iPhone và điện thoại thông minh Android-có-thiết-bị bằng cách tải về các ứng dụng thích hợp.

(tipitaka.net – June 8, 2013)

Chùa Nishi Honganji

Trang cửa hàng sách điện tử của chùa Nishi Honganji—Photos: Casey Baseel

TÍCH LAN: Tuyển dụng 1.000 giáo viên Trường Đạo pháp

Bộ Giáo dục đã quyết định tuyển dụng 1.000 giáo viên trẻ Trường Đạo pháp để giảng dạy Phật giáo tại các trường công lập ở vùng xa. Chín mươi lăm phần trăm số giáo viên này sẽ được bổ nhiệm đến các trường ở Huyện Kurunegala và Puttalam tại Tỉnh Tây Bắc.

Ủy ban dịch vụ công cộng đã bật đèn xanh để tuyển dụng họ làm trợ giáo và sau đó họ sẽ được chuyển thành cán bộ thường xuyên.

Họ cũng sẽ được hưởng trợ cấp khi hoàn thành công tác.

Để tạo nên một thế hệ tương lai phát triển về đạo đức, các giáo viên Đạo pháp phải được tuyển dụng theo thời gian. Nhiều học sinh, sinh viên của các trường học và đại học hàng đầu cư xử bất lịch sự và không đạo đức vì họ đã không được rèn đúc về tôn giáo và tinh thần trong thời gian đi học.

Thượng tọa Trưởng lão K.D. Nayaka, Cố vấn trưởng của Trường Đạo pháp Huyện Kurunegala nói, "Động thái tuyển dụng giáo viên dạy môn Phật giáo của chính phủ cần phải được mọi miền đất nước ca tụng".
(Sunday Observer – June 9, 2013)

LÀO: Phát hiện tượng Phật lớn bằng gạch có niên đại hơn 400 năm từ bờ sông Mekong

Từ bờ sông Mekong, chính quyền tại Lào đã khai quật một tượng Phật lớn và những đồ tạo tác khác có niên đại hơn 400 năm.

Pho tượng này, được làm bằng gạch và có kích thước 2,4m x 2,5m , được tìm thấy với phần đầu và chân tay bị gãy rời.

Được một ngư dân tại tỉnh Bokeo giáp giới Thái Lan và Miến Điện phát hiện, pho tượng đã được dời khỏi bờ sông thành công trong một hoạt động kéo dài 3 ngày vào tuần trước.

Hơn 60 tượng Phật và bùa hộ mệnh đã được tìm thấy gần địa điểm nói trên, cách thủ đô Vientiane 400 km về phía tây bắc.

Có niên đại từ thời Souvannakhomkham, một vương quốc từng trải dài đến Thái Lan và Việt Nam ngày nay, những hiện vật này hiện đang được lưu giữ tại một ngôi chùa ở làng Homyen.
(AAP – June 11, 2013)

ANH QUỐC: Các nhà sư Gyuto của Đức Đạt lai Lạt ma sẽ trình diễn tại Glastonbury

Các nhà sư Tây Tạng của Đức Đạt lai Lạt ma sẽ trình diễn tụng niệm tại khu Green Fields của thị trấn Glastonbury, Anh quốc.

Buổi biểu diễn sắp tới của Chư tăng Gyuto tại Glastonbury sẽ diễn ra sau hợp đồng của họ với hãng Đĩa Decca của công ty Universal – theo đó tất cả tiền mà họ thu được từ album 'Tụng niệm: Tinh thần của Tây Tạng' sẽ thuộc về tu viện của họ tại Dharamsala, bắc Ấn Độ.

Các sư, hiện đang đi công tác tại nước Úc cùng Đức Đạt lai Lạt ma, cũng sẽ tạo một mạn đà la cát nghi lễ tại lễ hội.

Đức Đạt lai Lạt ma đã chấp thuận về buổi trình diễn của họ tại Glastonbury, khẳng định rằng họ được sự ủng hộ hoàn toàn của ngài.

Gần 40 năm trước, vào năm 1973, các nhà sư này đã từng trình diễn tại Vương quốc Anh khi họ bán hết vé tại Hội trường Royal Albert

Vào năm 2011, các sư cũng đã được đề cử một Giải Grammy ở hạng mục âm nhạc truyền thống thế giới hay nhất cho album 'Âm thanh Tinh khiết' của họ.
(ANI – June 12, 2013)

HOA KỲ: Bảo tàng Nghệ thuật Hạt Los Angeles (LACMA) thu thập được một tượng Phật bằng gang thuộc thế kỷ thứ 10 của Triều Tiên

Phòng triển lãm nghệ thuật Triều Tiên của LACMA trưng bày một trong những hiện vật thu thập được gần đây nhất. Đó là một tượng Phật Ngồi, được làm bằng gang và đặc biệt đáng chú ý về kích cỡ - tượng này là mẫu lớn nhất của tác phẩm điêu khắc Phật giáo thời Goryeo bên ngoài châu Á.

Đạo Phật đến Triều Tiên vào thế kỷ thứ 4 AD với sự xuất hiện của các nhà sư từ Ấn Độ và Trung Hoa. Nhưng hiếm thấy trong ngành điêu khắc Trung Hoa trước thế kỷ 15, và hầu như không bao giờ thấy trong điêu khắc Nhật Bản, trong khi gang lại được sử dụng rộng rãi tại Triều Tiên cho điêu khắc Phật giáo từ thế kỷ thứ 8 trở đi.

Ngày nay các mẫu điêu khắc bằng gang thời Goryeo rất hiếm, và theo kích thước như pho tượng nói trên thì không một bộ sưu tập nào khác có được.
(barathon – June 13, 2013)

Tượng Phật Ngồi thuộc triều đại Goryeo Triều Tiên – thế kỷ thứ 10 - Photo: Stephen Little

MIẾN ĐIỆN: Tu viện Phật giáo bảo vệ người tị nạn Hồi giáo

Lashio, Miến Điện – Hơn 1.000 người Hồi giáo đang trú tại một tu viện Phật giáo ở thành phố Lashio, đông bắc Miến Điện, sau vụ bạo lực giết chết một người và đốt cháy nhà cửa của họ.

Quân đội đã vận chuyển bằng xe tải khoảng 1.200 người Hồi giáo bị kinh hoàng ra khỏi một khu phố - nơi một ngày trước xe hơi và xe gắn máy bị lật nhào và đốt, để lại những mảng đen trên nền đất đỏ. Các tu sĩ Phật giáo đã tổ chức những bữa ăn cho những người tị nạn mới đến đang tụm lại cùng nhau trong một số tòa nhà trong khuôn viên của tu viện.
(Buddhist Channel – June 17, 2013)

Các tu sĩ Phật giáo đón tiếp người Hồi giáo tị nạn—Photo: Eko Armunanto

HOA KỲ: Các Nghiên cứu sinh về Đạt lai Lạt ma nhận nguồn tài trợ từ chuyến thăm Louisville của ngài

Đức Đạt lai Lạt ma đã gặp gỡ nhân viên chương trình Nghiên cứu sinh Đạt lai Lạt ma và 5 Nghiên cứu sinh đại diện vào ngày 20-5-2013 để nghe báo cáo tiến độ công việc mà ngài đã ủy quyền vào năm 2009.

Ban Tổ chức chuyến thăm Louisville, Kentucky của Đức Đạt lai Lạt ma vào tháng trước thông báo rằng Đức Đạt lai Lạt ma đã chỉ đạo tặng 100.0 00 usd tiền thu được của sự kiện nói trên cho các Nghiên cứu sinh Đạt lai Lạt ma. Ngài nhấn mạnh sự đánh giá cao về tiến bộ của tổ chức này.

Các Nghiên cứu sinh về Đạt lai Lạt ma đã được chọn từ các trường cao đẳng và đại học trên toàn thế giới.
(Shambhala Sun – June 17, 2013)

Đức Đạt lai Lạt ma và tổ chức Nghiên cứu sinh Đạt lai Lạt ma cùng với các Nghiên cứu sinh—Photo: Shambhala Sun

PHÁP: Tự viện Phật giáo tại khu phố tôn giáo Bussy Saint-George

Bussy Saint-George là ngôi làng của cư dân Công giáo La Mã trong gần 4 thế kỷ. Nhưng nay nó không còn chỉ là một ngôi làng nữa.

Bây giờ nó là một "thành phố mới" có dân số 25.000 người, trong đó đa số là người nhập cư từ các thuộc địa cũ ở Bắc và Tây Phi, vùng quần đảo Antilles, Trung Hoa, Lào và các nơi khác.

Vì vậy ở rìa của thành phố, một "Nơi dạo mát của các Tôn giáo" đang được xây dựng: một loại khu phố tôn giáo trên các cánh đồng bao gồm một nhà thờ Hồi giáo, một giáo đường Do Thái, một ngôi chùa Phật giáo Lào, và một đền thờ Phật giáo Đài Loan có kinh phí 20 triệu usd – được cho là lớn nhất châu Âu, do phái Phật Quang Sơn Đài Loan tài trợ chính. Đây là trụ sở của Phật phái này ở châu Âu.

"Tất cả tôn giáo, tất cả chúng tôi ở đây đều là những người bạn tốt", Sư cô Manchien, sư trưởng đền thờ Phật giáo Đài Loan, nói.

(The New York Times – June 19, 2013)

Phật tử cầu nguyện tại đền Phật Quang Sơn ở Bussy Saint-George, Pháp—Photo: Scott Sayare

HOA KỲ: Lễ hội Văn hóa Thiếu Lâm tại Los Angeles

Thiếu Lâm Tự, cái nôi của Kung fu Trung Hoa, đang chuẩn bị cho lễ hội văn hóa đầu tiên của chùa này tại Hoa Kỳ.

Theo lời Sư Yongxin, trụ trì chùa Thiếu Lâm ở thành phố Đăng Phong (Hà Nam, Trung quốc), Lễ hội Văn hóa Thiếu Lâm Bắc Mỹ lần thứ nhất dự kiến sẽ được tổ chức tại Los Angeles từ ngày 8 đến 14-10-2013.

Chùa đã tổ chức thành công Ngày Thiếu Lâm hàng năm tại California trong 9 năm liền, ông nói, và chùa có trên 1 triệu môn đệ ở Bắc Mỹ. "Chúng tôi đang xây dựng một nền tảng để hỗ trợ cho những giao lưu giữa các môn đồ Thiếu Lâm và những người yêu Kung fu trên khắp thế giới".

Trong 2 thập niên qua, Sư Yongxin và các đệ tử của ông đã thăm hơn 60 nước và khu vực, chủ yếu để biểu diễn Kung fu. Vị sư trụ trì này thường xuyên dành 2 tháng trong một năm để thực hiện những chuyến xuất ngoại.

(Mahabhodi IP – June 19)

Chùa Thiếu Lâm
Photo: Wang Zirui

CỘNG HÒA TUVA: Thành lập Hội đồng Phật giáo – Chính thống giáo

Kyzyl, Tuva – Ngày 20-6-2013, một hội đồng liên tôn giáo Phật giáo-Chính thống giáo đã được thành lập tại nước cộng hòa Tuva của Nga.

Chủ tịch nước Tuva là Sholban Kara-ool đã mô tả việc thành lập của hội đồng như một "sự kiện cột mốc khi chúng ta tiến gần đến kỷ niệm 100 năm thống nhất Nga và Tuva". Ông nói, "Tình hữu nghị giữa các dân tộc là rất mạnh mẽ khi những nền tảng cơ bản như các truyền thống tôn giáo đã đạt được thỏa hiệp. Tôi muốn giáo khu Kyzyl và Hiệp hội Phật tử đóng góp những nỗ lực của mình để giải quyết những vấn đề xã hội khó khăn nhất của mọi người".

Chủ tịch nước nói, "Có rất ít vùng từng được cả Đức Đạt lai Lạt ma lẫn Giáo trưởng Toàn Nga đến viếng thăm. Chúng ta đã có vinh dự đón tiếp hai vị lãnh đạo tinh thần này tại đây. Điều này đã thúc đẩy sự thành lập Hội đồng Phật giáo-Chính thống giáo Tuva".

(Itar-Tass – June 20, 2013)

TIẾNG MÕ KINH CẦU

Vang đều tiếng mõ gọi xa
Gói tròn kinh tụng thiền ca vọng về
Rót vào hố thẳm cơn mê
Lay người tỉnh mộng bên lề trầm luân
Âm ba chuỗi ngọc lan dần
Bao nhiêu vọng tưởng nghe chừng rụng rơi
Chân Tâm đã thức dậy rồi
Bỗng nhiên miệng nở nụ cười xuân xanh
Tuy rằng sống giữa phù sinh
Nhưng mình cảm thấy bình minh sáng làu
Đi trong hơi thở nhiệm mầu
Nhẹ nhàng kinh tụng kết sâu mối tình.

BÊN ÁN SƯƠNG LAM

Khói sương cuồn cuộn lên đồi
Màn sương phủ kín chân trời cô thôn
Đồi thông lặng đứng sương ôm
Cỏ cây ấp ủ mặn nồng tình xuân
Nghe như sức sống lên đường
Đất trời rung chuyển nguồn thương nẩy mầm
Nghe như thế giới hoà âm
Thiền ca điệp khúc ngàn năm nhiệm mầu
Trần ai lắng đọng sạch làu
Lăng Già ảnh hiện nhịp cầu thiên thai
Thiền trà thắm giọt sương mai
Hương thơm Diệu Pháp vị đầy Chân Như
Đèn tâm soi sáng án thư
Hiên ngoài sương dệt vần thơ Niết Bàn.

THẮNG HOAN

TẢN MẠN TRƯỜNG HẠ 2013

Phật Học Viện Tăng Ni hỷ xả,
Quy tụ về đàn hạ an cư,
Một trăm tám chục còn dư,
Hân hoan kết giới chuyên tu trường kỳ.
Học từ Hữu vi đến Vô vi,
Chương trình học Tăng Ni chuyên đề,
Bao nhiêu đường hướng cận kề,
Ròng chuyên giới luật: những gì thiếu, sai.
Đầy những bậc vừa tài vừa đức,
Đem khả năng chuyển, lực bình sinh.
Pháp trao, giới học tận tình,
Tăng Ni tuổi trẻ hết mình tham gia.
Ngày kỷ niệm hăm ba tháng sáu, (*)
Trường hạ về đền báo thâm ân,
Bồ tát Quảng Đức phát tâm,
Thiêu thân vì pháp, thậm thâm ngàn đời.
Khắp thế giới nơi nơi đều biết,
Đông sang tây không xiết tán dương.
Tấm gương sáng chói rõ ràng,
Nêu cao ánh sáng trong lòng sử xanh.
Người con Phật xứng danh như thế,
Để sau này hậu duệ noi theo,
Ánh sáng rực rỡ phiêu diêu,
Xóa tan bóng tối, dậy triều quang minh.

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Quý hạ Quý tỵ - June 23.06.2013

(*) *tức ngày Chủ nhật, 23-06 Toàn thể Trường hạ Phật Học Viện đều tham gia ngày kỷ niệm Bồ Tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân, do Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo trang trọng tổ chức tại Santa Ana.*

TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM CHÙA CỔ LÂM
3503 S. Graham St Seattle WA, 98118
BAN TỔ CHỨC
LỄ HIỆP KỲ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ - NGÀY VỀ NGUỒN VII

Phật lịch : 2557 *Dương lịch : 2013*

THÔNG BÁO

V/v Tổ Chức Lễ Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư—Ngày Về Nguồn VII
Đại Giới Đàn Huyền Quang,
Kỷ Niệm Ba Mươi Năm Thành Lập Chùa Cổ Lâm

Kính gởi : Chư tôn Trưởng lão, Chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni tại Hải ngoại,
Quý Đồng hương, Đồng bào thiện nam tín nữ Phật tử

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch quý Ngài,
Kính thưa quý Phật tử,

Sau khi Đức Phật nhập diệt tại rừng Sala, Chánh pháp của Ngài được gìn giữ và truyền thừa bởi đoàn thể Tăng già mà khởi đầu từ Sơ tổ Ca Diếp; từ đó mạng mạch Phật giáo được truyền bá đi khắp thế giới từ Đông sang Tây, từ Bắc tới Nam trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ bởi Chư lịch đại Tổ sư, đem ánh sáng giác ngộ, giải thoát khổ đau đến cho nhân loại , chúng sanh khắp hoàn vũ.

Vai trò và sứ mạng của tập thể Tăng già đối với sự tồn vong của Phật pháp thật vô cùng quan trọng. Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại ở khắp các châu lục, Chư Tăng ni thuộc nhiều Hệ phái, Tông môn, Giáo hội thì việc ngồi lại với nhau trong tinh thần hòa hợp của bản thể Tăng già là hết sức cần thiết. Trưởng tử Như Lai hòa hợp để có một hướng đi, một phương thức duy trì và phát triển Phật pháp thì sự hoằng pháp lợi sanh thuận tiện và dễ dàng hơn, ngược lại, mỗi cá nhân sinh hoạt trong riêng rẽ, dù tài cao đến đâu cũng không thể gánh vác tất cả Phật sự, do vậy cần phải có sự sinh hoạt của Tăng đoàn.

Ngày lễ Hiệp kỵ lịch đại Tổ sư, ngày Chư Tăng Ni ở khắp các Châu lục, không phân biệt Tông môn, Pháp phái, Giáo hội… cùng quy tụ về một nơi để tưởng niệm công hạnh của lịch đại Tổ sư, tuyên đọc lại "Bảy pháp bất thoái" của Phật dạy… đồng thời cũng học hỏi những hạnh nguyện xả thân vì Đạo của quý Ngài, để xây dựng hành trang cho cá nhân và tập thể Tăng đoàn, nói khác đi, làm sao trọn vẹn được hạnh nguyện xuất gia, hạnh nguyện Bồ tát đạo. Vì lẽ đó, Lễ Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn rất cần thiết cho đoàn thể Tăng già.

Trong bảy năm qua, Chư Tăng hải ngoại tổ chức Lễ Hiệp Kỵ cũng chỉ là sự nối tiếp, noi gương việc làm của thầy tổ, của chư vị Tổ sư đã làm trong quá khứ, chứ không phải việc làm sáng tạo nơi hải ngoại.

Năm nay Chùa Cổ Lâm hân hạnh được Chư tôn Thiền đức trong ngày Lễ Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư – Về Nguồn lần thứ VI tại Chùa Pháp Hoa, Úc Đại Lợi, trao trọng trách tổ chức Lễ Hiệp Kỵ - Về Nguồn lần thứ VII tại Chùa Cổ Lâm thành phố Seattle, tiểu bang Washington, Mỹ quốc.

Thừa lệnh Tăng sai, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Chùa Cổ Lâm chúng tôi thông báo, kính mời quý thiện nam tín nữ đồng hương Phật tử và kính cung thỉnh Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng ni hoan hỷ quang lâm về Chùa Cổ Lâm tham dự **Lễ Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn lần thứ VII và Lễ Kỷ Niệm Ba Mươi Năm thành lập Chùa Cổ Lâm, được tổ chức vào các ngày 27, 28 và 29 tháng 9 năm 2013.** Nhân thắng duyên quý báu chư Trưởng Lão Tăng Già cao hội này, **Chùa Cổ Lâm có tổ chức Đại Giới Đàn Huyền Quang,** truyền trao giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, Thập Thiện và Bồ Tát Giới cho đàn hậu học nối tiếp ngọn đèn Chánh Pháp của Như Lai.

Để Phật sự trọng đại này được thành tựu viên mãn, chúng con thành tâm thỉnh cầu Chư tôn thiền đức khắp Châu lục từ bi gia tâm hộ niệm và trợ lực cho chúng con, đồng thời chúng tôi kêu gọi quý Phật tử, quý Đồng hương gần xa hoan hỷ phát tâm yểm trợ tinh thần cũng như vật chất để Ban Tổ Chức có đủ điều kiện hoàn thành viên mãn trọng trách này

Sự hiện diện của Chư tôn đức Tăng Ni và đồng hương Phật tử trong ba ngày Lễ Hiệp Kỵ là một vinh dự lớn lao cho Ban Tổ Chức đồng thời cũng nói lên tinh thần hòa hợp của Tăng đoàn, trong giới Phật tử không phân biệt tông môn, pháp phái… là hạnh phúc lớn cho toàn thể Tăng tín đồ Phật giáo.

Kính chúc quý Ngài pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, Phật sự viên thành.

Chúc quý Đồng hương Phật tử thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.
TM, Ban Tổ Chức
Trưởng ban,
Sa môn Thích Nguyên An

TÍNH KHẾ LÝ VÀ KHẾ CƠ TRONG KINH KIM CANG

Tuệ Sỹ

Kinh Kim Cang là kinh rất phổ biến, ai cũng biết đến. Khóa này khi giảng kinh Kim Cang tôi cũng không thêm gì nhiều. Vậy hôm nay học kinh Kim Cang chỉ có nghĩa là chúng ta cùng đọc lại, đọc chung, để tìm thấy ý nghĩa của kinh trong những quan hệ thường nhật; vận dụng kinh như thế nào trong cuộc sống, để vượt qua những khó khăn, những gút mắc, những tai họa mà nhiều khi tưởng khó có thể vượt qua được.

Nói cụ thể, phải do một hoàn cảnh nào đó tác động thì người ta mới hiểu được giá trị của Kinh. Những ai đã từng trải nghiệm, sống ở tận đáy của xã hội, bị ném xuống tầng lớp được xem là cặn bã của xã hội, khi cần phải khẳng định ý nghĩa và giá trị sinh tồn, khi ấy may ra mới có thể hiểu được một cái gì đó u áo trong kinh Kim Cang.

Kinh nói, *"Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn, bào ảnh."* Làm thế nào để nhìn tất cả đời sống này như một giấc chiêm bao, để thấy đau khổ hay hạnh phúc cũng chỉ như là giấc chiêm bao. Có lẽ quá nhiều người hiểu rõ điều đó và nói quá nhiều về điều đó. Nhưng tỉnh giấc chiêm bao để thấy cái gì hư, cái gì thực, thì chắc là quá ít.

Tụng đọc Kim Cang để hiểu những phạm trù triết học trong đó, để lý luận và phân tích cái gì là sắc, cái gì là không và thế nào là sắc tức thị không, điều đó chưa phải là quá khó. Nhưng, ngay trong sinh hoạt thực tế, bằng ý nghĩa Kim Cang mà nâng cao phẩm giá của mình, giá trị đời sống của mình, điều này chắc không phải là dễ.

Kim Cang là kinh phổ biến nhất của Đại thừa. Xu hướng giảng kinh Kim Cang tại Việt Nam trước nay phần lớn dựa trên truyền thống Hán qua bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập. Trong Hán tạng có 6 bản dịch, mà bản dịch của ngài Huyền Trang và La-thập là đại diện hai phong cách tư duy đối nghịch nhau. Tuy bản dịch của Huyền Trang được đánh giá là trung thành với nguyên bản Phạn hơn, trong khi bản La-thập cải biến tương đối nhiều về mặt ngữ vựng và cú pháp, từ đó có thể khiến thay đổi luôn cả ý nghĩa nguyên thủy của kinh. Nhưng chính bản dịch của La-thập đã chuyển dịch Kim Cang từ những tư biện hình nhi thượng, cùng chung huyết thống với Áo Nghĩa thư – Upanishad - thành những giá trị nhân sinh để có thể dễ dàng tiếp cận bởi xu hướng thiên trọng xã hội chính trị của Trung quốc. Kim Cang qua Hán dịch của La-thập – tất nhiên có sự đối chiếu với bản dịch của Huyền Trang – là một sự tổng hợp tuyệt vời của hai xu hướng tư duy dị biệt Ấn Độ và Trung Hoa.

Chính sự chuyển dịch văn học của kinh Kim Cang từ La-thập khiến tạo thành một hệ thống thiền ở Trung quốc. Mặc dù trước đó người ta nói Bồ-đề-đạt-ma đã truyền Thiền tông qua kinh Lăng-già. Thiền Tông chính thức bắt đầu từ Huệ Năng, chớ không phải từ Bồ-đề-đạt-ma. Huệ Năng, một dân quê không hề biết đọc, biết viết, cho nên sự tỏ ngộ từ Kinh Kim-Cang là sự xác lập Thiền tông trên cơ sở "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền."

Văn minh Ấn Độ mang đậm tín ngưỡng tôn giáo và triết học siêu hình. Cái tồn tại có thật là thế giới siêu việt bên kia, siêu việt ngoài các giác quan, tai nghe, mắt thấy, ngoài cả suy niệm bất khả tư nghì, tư tưởng không thể vươn đến, ngôn ngữ không thể diễn tả. Đó là cái thế giới chân thật. Điều này chung cho cả Phật giáo và cả Ấn Độ giáo.

Nhưng Trung quốc là nền văn minh tư tưởng hiện thực, chỉ lập cước trên đời này và thế giới này. Từ Lão Tử cho đến Khổng Tử, Mạnh Tử, Bách gia chư tử, triết học được xây dựng trên quan điểm chính trị và xã hội. Cái gọi là *"đạo khả đạo phi thường đạo"* của Lão Tử tuy có xu hướng giải thích trên quan điểm siêu hình, nhưng về thực chất, Đạo đức kinh là một hệ thống tư tưởng mang nặng màu sắc chính trị xã hội.

Thực ra ý nghĩa siêu hình của nó chẳng qua là do ảnh hưởng của Phật giáo, từ đời Tống, hoặc từ đời Đường trở đi, còn bản thân của nó từ nhà chú giải đầu tiên, mặc dù có vẻ siêu hình nhưng thực chất là triết lý tự nhiên, là thế giới vũ trụ vật chất. Thế giới của Đạo là thế giới cụ thể, thế giới thiên nhiên. Cái Đạo đó không thể là bản thể siêu hình nhưng về sau được diễn giảng bằng bản thể siêu hình do tác động của Phật giáo.

Trong thiền học có một câu chuyện về kinh Kim Cang, về một bà già bán nước dưới chân chùa. Bà ấy trình độ học không có bao nhiêu. Bấy giờ Đức Sơn là người đã từng giảng kinh Kim Cang rất nhiều lần, muốn tìm đến các thiền sư để luận đạo. Trên đường đi, ông ghé vào quán nước. Bà già bán nước thấy ông có mang một đãy kinh, hỏi "Thầy mang kinh gì thế?" Ông nói "Kinh Kim Cang! Tôi trì kinh Kim Cang, giảng kinh Kim Cang mấy chục năm nay rồi." Bà hỏi: "Thầy cần gì?" Ông nói: "Tôi muốn điểm tâm." Bà lão nói: "Trong kinh Kim Cang, Phật có nói, quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc. Thầy muốn điểm cái tâm nào?" Tức là tâm quá khứ, chúng ta không bắt được nó. Tâm hiện tại, ta không bắt được và tâm vị lai ta cũng không bắt được. Ba cái tâm này vốn không thể nắm bắt, vậy điểm cái tâm nào? Ông thầy bí lối, không biết trả lời ra sao.

Chuyện thiền này là hư cấu văn chương hay chuyện thật, không quan trọng. Điểm nên nói, đó là người ta muốn chứng tỏ rằng ngay cả người bán nước thất học ở bên Trung quốc cũng có nghe biết về kinh. Không những thế, còn có thể hiểu sâu sắc về ý nghĩa của kinh. Như ngài Huệ Năng không cần chữ nghĩa, mà chỉ cần kinh nghiệm đời sống thì có thể hiểu được kinh Kim Cang.

Câu chuyện trên cho thấy ảnh hưởng của kinh Kim Cang trong đời sống thường nhật trong xã hội xưa của Trung quốc. Từ đó, ta có thể hiểu được sự thâu hóa và dung hợp của hai nền văn hóa, Phật giáo Trung quốc và Phật giáo Ấn Độ, khác nhau như thế nào, hiểu được cái tổng hợp như thế nào.

Tôi muốn nói thêm điểm này. Một bản kinh Kim Cang từ Ấn Độ, trong đó tư tưởng vượt lên khái niệm dung tục về một Thượng đế hữu ngã. Và một bản kinh Kim Cang với triết lý mà từ bà già bán nước cho đến võ sĩ hay những người chăn trâu, chăn bò, những người hàng ngày đốn củi như Huệ Năng vẫn có thể hiểu được. Hai cái mức, một người đi tìm cái chân lý tối thượng, cái tự ngã cao siêu tuyệt đối của mình; với một người đi tìm cái lẽ sống hàng ngày

như đói ăn, khát uống, đấu tranh vật lộn với đời. Cả hai phương diện đó khác nhau, kinh Kim Cang có hai dạng khác nhau. Trong hai cái này, chúng ta nói đến khế lý và khế cơ.

Khế lý là chân lý không thể thay đổi, một chân lý phổ biến; dù ở bên Tây hay Tàu, Phi châu hay Ấn Độ, vẫn có một lý chung: chân lý hiện thực đau khổ. Từ những nỗi khổ của mọi loài, ta nhìn cuộc đời, từ những đấu tranh để sinh tồn, trong ý nghĩa nào? Khi đấu tranh chống lại thiên nhiên, mưa, lạnh, đói khát... khi chống lại như vậy để đạt được mạng sống thì trong cái chống phải có một chân lý. Con kiến mà không đạt đến một sự thật thì không bao giờ nó tìm ra được thức ăn. Trong thức ăn, có sự thật để nuôi dưỡng nó. Tự bản năng, con kiến vẫn phải hấp thụ ngoại giới để mà sống. Vậy, nếu nó tìm đúng thức ăn thì sống; nếu nhầm lẫn, thì nó chết. Cái chân lý, hay sự thật, làm cho nó sống.

Con kiến, và tất cả mọi cái tồn tại được, đều nương vào sự thật. Nhưng khám phá ra sự thật này, sự thật tối hậu, duy chỉ có đức Phật. Khi nào chúng ta nhìn thấy được sự thật và sống hoàn toàn với sự thật, bấy giờ mới giải thoát mọi thứ khổ lụy nhân sinh. Không có sự sống nào mà không được duy trì bằng sự thật, những bên ngoài bị bao bọc bởi tấm màn hư ảo bất thực. Chân lý và giá trị của sự sống không do ai phán truyền, đây là điều chúng ta cần chiêm nghiệm bằng kinh nghiệm của mình để hiểu kinh Kim Cang.

Kinh Kim Cang nói đủ ra là một hệ Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bát nhã là gì? Đó là trí tuệ. Trí tuệ là gì? Là nhận thức sự thật, nhìn thấy chân lý. Sự hiểu biết nào nhận rõ được sự thật, chân lý và chân lý đó đem lại an lạc, hạnh phúc vĩnh viễn, lâu dài mà ta gọi là bất tử, vĩnh hằng, nếu có, thì sự thật đó, cái thấy đó, cái nhận thức đó, được gọi là trí bát nhã, được gọi là sự thật.

Kinh Kim Cang đưa chúng ta đi để thấy sự thật đó. Mọi sự thật đều tạo ra an lạc nhưng sự thật bị bao phủ trong hàng trăm, hàng triệu lẽ thật của nó, mỗi lẽ thật bị bao gồm vô số ảo ảnh bên ngoài. Nhìn thấy sự thật tùy theo căn cơ, tùy theo góc nhìn. Đứng ở đâu, từ góc nào, để thấy được sự vật đúng như nó là nó. Nguyên tắc để mà nhìn, để quan sát; cách nhìn đó được gọi là khế cơ.

Ở trong vũ trụ này, chúng ta có thân xác vật lý. Tôi đứng ở vị trí này thì người khác không thể đứng chỗ đó được. Cho nên tôi thấy cái mà người khác không thể thấy. Nếu tôi đứng nhích qua một bên để người đó thấy được, thì lúc ấy thời gian đã thay đổi; sự vật thay đổi liên tục, dịch chuyển theo thời gian, dịch chuyển theo không gian. Thấy đúng sự thật, đúng với thời gian, không gian của nó; thấy được sự thật đó, và nắm được sự thật đó, thấy được chân lý của nó, đó mới là khế cơ.

Kinh Phật được hiểu tùy theo thời đại. Cái thái dương hệ, tinh hà vũ trụ kia, hợp rồi tan, tan rồi hợp. Tất cả cái này tạo thành quy luật của tồn tại, ảnh hưởng đến đời sống và địa cầu này. Cho nên, có lúc chỉ có thể áp dụng được giáo lý của Phật Thích Ca, tồn tại trong khoảng đó, vượt ra thì không còn gì nữa.

Như vậy, trong cái dòng khế cơ, thì cái cơ chúng ta như thế nào, điều kiện như thế nào, để hiểu kinh Kim Cang?

DẶM LÒNG

Chim về
Từ lũng sương đêm
Rũ đôi cánh mỏng trên miền cỏ hoa

Dặm trời
Một thoáng mây xa
Dặm lòng
Một thoáng còn là Thực-Hư.

BỂ DÂU

Chào nhau
Từ buổi thu vàng
Ta về dạo một cung đàn ly tao

Trăng nghiêng
Rót mộng xuân nào
Người qua mấy cuộc bể dâu hình hài.

GIỌT LỆ LUÂN HỒI

Sáng nay
Bỗng gặp lại người
Mười hai năm
Bạc áo đời chiêm bao
Tóc xanh đâu thuở hôm nào
Mà bây giờ mắt đã nhầu tuyết sương.

Bóng người hút cõi đau thương
Nhưng phương nào – vẫn là phương tâm nầy.
Xin mang nghĩa Phật về đây
Trời phương mộng – sáng tự rày bao la.

Để cho trọn kiếp ta bà
Dâng lên mười cõi tình hoa tuyệt vời
Nghe trong giọt lệ luân hồi
Hóa thân làm trọn nghĩa đời hôm nay.

MẶC PHƯƠNG TỬ

Sen và Cá

TUỆ NHƯ

Chiều nay, một chiều thật an bình, dưới bóng rầm mát diệu của những tàn cây xanh, lồng lộng tiếng chim như trĩu thanh âm xuống phòng khách bên trong một ngôi đạo tràng. Bình trà đã rót nhiều lần, nhưng hương vị trà hãy còn thấm đậm theo dòng thế sự hoài niệm cổ kim.

Chúng tôi, mấy huynh đệ và đạo hữu trong buổi gặp gỡ thường là không hẹn, bởi giấc đi miên man thì biết đâu mà hẹn cuộc tương phùng. Bây giờ ngồi tính lại thời gian đã năm mươi năm (50) trôi xa và rồi sẽ còn trôi xa hơn thế nữa, hôm nay ngày nầy năm xưa, Bồ Tát Quảng Đức đã thắp lên ngọn lửa "vị pháp thiêu thân," một trái tim đã ươm mầm cho hằng triệu triệu trái tim, hồng lên cho muôn trùng cõi vô minh của một thời hoang vu bạo tàn đế chế. Thế rồi, trái tim xưa vẫn tươi sắc hồng bất diệt, mà dòng đời thì cứ nặng nề lê mình qua từng khúc quanh nắng quái chưa tan. Vẫn biết rằng:

"Chỗ người ngồi một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét Từ Bi" (Vũ Hoàng Chương)

Có người hỏi: "Bây giờ trái tim của Bồ Tát ở đâu, vì sao…?" Ở đâu và vì sao, lại dâng lên một nỗi mang mang trôi xa và trôi theo năm mươi năm của ngày ấy…

Thế rồi, câu chuyện được chuyển sang một cung bậc khác, một ý thức sống trong cuộc đời. Một đạo hữu kể rằng: "Có vị sư nhờ tìm cho một ít loài sen trắng để trồng, để điểm vào không gian của chùa với sắc màu tinh trắng của sen, vẫn biết rằng loại sen nầy khó trồng hơn loại sen hồng.

Thời gian nghĩ quanh đây đó, chợt nhớ và vội tìm đến nơi ấy, thì ra khung cảnh hồ xưa, nay chỉ là một trũng nhỏ còn đọng lại một ít nước, trông thấy lúc nhúc mớ cá lon con còn xót lại trong hồ, phần diện tích hồ đã san lấp gần đây. Nỗi buồn giây phút khi biết ra nay sen không còn, lại tiếp nỗi lòng trắc ẩn khi phát hiện sự sống mong manh của một số cá con còn lại nơi trũng nước nhỏ kia. Không câu nệ bùn dơ, từng cái thau nhỏ đổ dần vào cái sô to rồi nhọc nhằn đem ra thả xuống dòng sông lớn cho cá tiếp tục sự sống mới, chắc chắn chúng được tự do thoải mái hơn nơi bến rộng sông dài. Ơn ấy, công ấy, cá biết đâu mà đền mà trả, chỉ mong rằng cá lo sống tốt cho đời của cá mà thôi. Chuyện kể là như thế!

Vấn đề là đi tìm sen trắng đem về trồng trong ao vườn chùa. Vâng! Vì rằng sen có nhiều đặc tính thanh cao, sự thanh cao ấy mà chư Phật và chư Thánh chúng thường ca ngợi tự ngàn xưa cho đến cả ngàn sau, cái đạo lý vô nhiễm vẫn trang nghiêm giữa cuộc đời tạp nhiễm. Trước đây, đức Phật đã cho chúng ta thấy rằng:

"Như giữa đống rác nhớp
Quăng bỏ trên đường lớn
Chỗ ấy hoa sen nở
Thơm sạch, đẹp ý người" (PC. 58)

Trồng sen là chọn lấy, khắc họa một biểu tượng cho cái sống thanh cao của tâm hồn, cái đẹp, cái thẩm mỹ, sự trong sáng vượt thoát không phải từ đầu non đỉnh núi, mà phải từ cõi lạc thú phàm tâm. Chính vì vậy, Đức Phật xác chứng qua lời dạy tiếp:

"Cũng vậy, giữa quần sanh
Uế nhiễm, mù, phàm tục
Đệ tử bậc Chánh Giác
Sáng ngời với tuệ trí." (PC. 59)

Ngoài sự ca ngợi của chư Phật, chư Thánh đệ tử và các bậc Thiền Tổ, v.v… Còn có sự ca ngợi trong kho tàng Ca dao, Dân ca Việt Nam đã được truyền tụng qua bao đời của Ông, Cha và rồi cũng sẽ truyền đi bất tận cho đến mai sau. Bởi:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn." (Ca Dao VN)

Thanh cao quá! như một câu kinh huyền nhiệm, như một tâm hồn không vết xước trầm luân. Nhưng có xa rời đâu cái "Thực-hữu" ở đây và bây giờ!

Chuyện của cái ao (đời) dù nay có bị lấp cạn đi, và cho dù nay nơi ấy đã không còn sen nữa, không thỏa mãn những ước mong tìm sen về trồng. Thế nhưng, điều gì lại giúp cho chúng ta có một cung nhịp mới, một cơ hội mới cho việc đi tìm một hướng đi trong muôn vàn hướng đi, một sự ẩn trú bình an trong muôn vàn ẩn trú. Đó là, chợt thấy sự sống mong manh của một ít cá còn lại nơi trũng nước cạn. Điều ấy, nếu không phải "thực" là gì? Thay vì ta phải thênh thang đi tìm một "chơn lý, lý tưởng" ảo hư mơ hồ vô vọng.

Nếu như ta cố son phấn cho việc làm, thì việc làm sẽ chỉ là son phấn, Đạo lý cuộc sống đâu nhất thiết phải cần đến chất liệu son phấn! Và trái lại, son phấn cũng không cần phải vẽ lên sắc màu đạo lý của bậc Thánh Hiền.

Đến đây, chúng ta còn nhớ đến một sự việc khác nữa, qua một câu chuyện sống đẹp được kể rằng: "… Có một cậu bé, một hôm dọc theo bờ biển, cậu nhặt từng con sao biển trên tay rồi lần lượt quăng từng con ra biển xa, cứ như thế, mỗi khi cậu có dịp ra bờ biển. Một lần nọ, có người trông thấy cậu làm như vậy và bảo với cậu rằng; trông cậu làm một việc không ích lợi gì cả, vì sau đó sóng biển cũng sẽ đưa chúng trở lên bãi cát khô. Thế nhưng, cậu bé kia trả lời rằng; ít ra cậu cũng giúp cho chúng có thêm một ít thời gian sống dưới biển…"

Như vậy, tất cả việc làm là cốt để phát sinh sự sống sao cho được tươi mát lành mạnh là cần, sự sống được nuôi dưỡng tốt bởi những chất liệu có ý thức, có thiết thực đạo lý, có nhân tính, v.v… Chính điều đó, ở đây và bây giờ là sự tồn tại thanh cao, sự hướng thượng trong sáng, sự an bình mầu nhiệm một cách nghiễm nhiên hơn bao giờ hết.

Vì vậy, một chiều bình an, không phải là một chiều chỉ cho khái niệm, không phải là cầu an lẩn tránh, không phải là một mơ hồ ý tưởng xa xôi, càng không phải là sự mệt mỏi, chán chường trong bùn dục của thói đời. Nếu như những ý niệm hành động trên, thì khác gì một tâm hồn hoang mạc, cọc cằn tư duy, mục nát với thời gian.

Trái lại, có một chiều thật sự tìm và trồng sen và thật sự có giúp cho bao nhiêu con cá nơi trũng nước cạn kia được tự do thong dong ngược xuôi nơi bến rộng sông dài. Điều ấy có khác gì đã và đang tưng bừng bởi những sắc hương hoa và lá của sen. Đi và tìm bao "kỳ hoa dị thảo", thế nhưng trên vạn nẻo đời, ở đâu lại không có (hoa thơm cỏ lạ) vẫn nở muôn trùng trong ta và trong cả cuộc đời.

ĐỨC PHẬT CỦA THẾ KỶ

Thị Giới

Đi tìm đức Phật cũng có nghĩa là trở về với đức Phật, đức Phật lịch sử cũng như đức Phật bản thể.

Ngài Long Thọ được coi như vị Phật thứ hai trong lịch sử Phật Giáo chỉ vì ngài đã tìm ra con đường trở về với đức Phật.

Đến thời ngài Long Thọ, các bộ phái Phật giáo đã phát triển cùng cực, nhiều lý thuyết Phật Giáo được thành hình, nhiều tranh cải phát sinh, triết học A Tỳ Đàm đã đi đến chỗ trở thành một loại siêu hình học Phật Giáo.

Trước tình trạng đó, ngài Long Thọ đã dùng một phương pháp "chữa bịnh bằng ngôn ngữ" để chỉ ra sự lừa dối của ngôn ngữ, đưa Phật pháp trở về con đường trung đạo mà đức Phật đã thực chứng và chỉ dạy. (Ngày nay chúng ta lại biến loại lý luận chữa bịnh nầy của ngài Long Thọ thành một loại triết học siêu hình về Tánh Không.)

Khi còn tại thế, đức Phật đã từ chối mọi loại lý luận siêu hình. Với ngài, mọi lý luận siêu hình đều giống như người bị tên bắn không chịu rút mũi tên ra để cứu chữa mà chỉ muốn tìm hiểu mũi tên làm bằng gì, người nào bắn, bắn từ đâu vân vân và vân vân. Người đó không biết rằng mình đang kề cận sự diệt vong.

Đối với Phật Giáo, vấn đề chỉ là biết chúng ta đang bịnh và muốn chữa lành bịnh. Giáo pháp của Phật dạy là thuốc để chữa bịnh. Giáo pháp đó là một giáo pháp thực tiễn, chỉ dùng để thực hành. Và như đức Phật nói, giáo pháp đó là một con đường trung đạo, nó giống như chiếc bè đưa người qua sông, sau khi qua đến bờ rồi thì vất bỏ. (Nhưng nhiều người trong chúng ta đã không dùng chiếc bè đó để qua sông mà lại muốn mang vác nó trên vai, có khi lại còn chồng chất thêm nhiều đồ trang trí cho chiếc bè đó. Đó là một nguyên nhân chính của sự lệch hướng.)

Loài người nói riêng và tất cả chúng sanh nói chung, từ xưa đến nay, chỉ có một vấn đề: khổ và muốn chấm dứt khổ. Rõ ràng tất cả chúng ta rất ít khi thỏa mãn với hiện tại, luôn luôn muốn tìm cái gì khác hơn, mới hơn. Chúng ta không lúc nào ngừng đối diện với bịnh hoạn, chết chóc, chia lìa, thất vọng. Ngày nay, sự tiến bộ của khoa học có thể giải quyết được một số khó khăn của con người nhưng song song theo đó thì lại phát sinh những khó khăn mới. Và tham vọng toàn năng của khoa học ngày càng trở nên không tưởng. Cái khổ nền tảng và nguồn gốc của những cái khổ đó khoa học hay tâm lý học chưa bao giờ chạm tới được.

Khổ không lúc nào rời xa con người. Khổ đó đã được đức Phật nhìn thấy. Và ngài cũng thấy rằng khổ có thể thoát ra bằng một con đường trung đạo. Con đường đó đã được đức Phật xiển dương và được ngài Long Thọ xiển dương một lần nữa khi nó bị hiểu và khai triển lệch hướng.

Muốn tìm đức Phật của thế kỷ, không có cách nào khác hơn là đi theo con đường mà Phật đã đi. Nhìn thấy tình trạng của chúng ta, nhận diện sự khổ mà chúng ta đang gánh chịu. Nhìn xem chúng ta có đang bị lệch hướng hay không? Nếu có thì lệch hướng chỗ nào và như thế nào?

Như đức Phật đã nói, mọi giải thích, so sánh, lý luận... muôn đời vẫn là trò đùa, trò mua vui hay tìm quên. Hãy biết chúng ta đang thực sự cần gì?

Bốn Chân Lý Vi Diệu mà đức Phật dạy vẫn là chân lý ngàn đời. Xác quyết đầu tiên để chứng tỏ chúng ta muốn trở về với đức Phật là cảm nhận sự khổ, sự bế tắc - của mình và của người.

Trong xã hội ngày nay, cái khổ của con người, của thế giới trong đó có chúng ta đang như thế nào? Và chúng ta có cảm nhận được nỗi khổ đó hay không? Những điều gì trong thế giới ngày nay đang che mắt chúng ta, cản trở chúng ta cảm nhận về chân lý khổ, cản trở việc nhìn thấy thực trạng căn nhà lửa mà chúng ta đang ở trong đó?

Quán sát thực trạng thế giới chúng ta đang sống, sự khổ chúng ta đang tiếp xúc. Cảm nhận được nỗi khổ chung, sự bế tắc chung cũng là lúc chúng ta phát khởi lòng thương yêu chân thật, phát khởi tâm chân thật muốn giải thoát mình và người ra khỏi những nỗi khổ, những bế tắc chung đó. Và đó là khởi đầu con đường trở về với đức Phật, khởi đầu sự kết nối trở lại với cái toàn thể, cái Một. Đó cũng là khởi đầu con đường để giáp mặt với đức Phật của thế kỷ, con đường của tâm từ bi không ngăn ngại.

KHÔNG ĐỀ

Kỷ niệm buổi sáng hầu chuyện thầy Minh Đức Triều Tâm Anh

Nắng mai vàng hoe
một áng mây lành
thong dong

Huyền trúc nhẹ lay
in hình mặt đất
vô sanh.

WITHOUT TITTLE

A golden sunny ray
a fresh white cloud
freely sauntered

The leaves of bamboo
dancing with the gentle wind
their shadows reflect on the ground

There is no beginning and no ending.

Dieu Nhan Zen Convent, Rescue, CA.

BẠCH XUÂN PHẺ

HẠNH KHIÊM TỐN

Ngọc Bảo

Ngạn ngữ Việt Nam có câu: "Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe".

Khổng Tử xưa cũng nói: "Biết điều gì thì nhận là biết, không biết thì nhận là không biết, như vậy là biết."

Lão Tử nói: "Người biết thì không nói, người nói thì không biết" (Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri).

Và Socrates: "Tất cả những gì tôi biết được là tôi không biết gì hết".

Những lời hay ý đẹp ấy nói lên điều gì? Đó là thái độ khiêm tốn của một con người hiểu biết.

Trong thế giới chúng ta sống hiện nay, sự khiêm tốn dường như đã trở thành càng ngày càng khan hiếm. Những cạnh tranh trong trường đời khiến người ta thường tìm cách nâng cao bản ngã của mình, phô trương những khả năng dù đôi khi không có thật, hầu gây ấn tượng đối với người khác. Sự khiêm tốn nhiều khi bị hiểu lầm như là yếu kém, nhút nhát và thiếu tự tin – nhưng thực ra, khiêm tốn chính là một sức mạnh nội tại phát xuất tự nhiên từ một người có trí tuệ "biết mình, biết người" - tự tin nơi chính mình nhưng vẫn luôn cầu tiến và sẵn sàng học hỏi nơi người khác, ngay cả ở nơi những người thua kém hơn. Thói thường người ta hay tự hào với cái "tôi" của mình và dễ sinh lòng đố kỵ khi thấy người khác có vẻ nổi bật hơn. Tự làm cho mình chìm xuống là một cách "thêm bạn bớt thù", không gợi lên sự ganh tỵ của người khác mà còn gây thiện cảm, nhờ đó trở thành một yếu tố đắc nhân tâm dễ đem lại thành công.

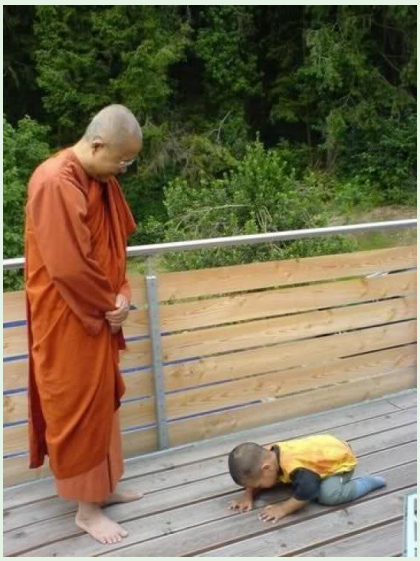

Nhà văn Lâm Ngữ Đường nói như sau:

"Điều quan trọng là khiêm tốn chính nó đã tự nâng cao giá trị cá nhân của con người trong xã hội, lòng khiêm tốn còn tượng trưng cho những con người đứng đắn, luôn luôn biết sống theo thời và biết nhìn xa. Con người có lòng khiêm tốn bao giờ cũng là những con người thường hay thành công trong lĩnh vực giao tiếp với mọi người.

Trong đức tính khiêm tốn, người có tài luôn luôn tự cho mình còn kém và cần phải học thêm nữa, người nào mang trong lòng một đức tính khiêm tốn luôn tự coi những thành công của mình như một sự an ủi và coi thường địa vị của mình, từ tinh thần tự hạ mình như thế mà những người có đức tính này thường thành công hơn ngoài những ước vọng của mình."

Trong vấn đề kinh doanh, một cuộc nghiên cứu cho thấy những công ty nào có sự tăng trưởng vững chắc và đều đặn với lợi tức thu về gấp 3 lần trong vòng thời gian 15 năm hầu hết đều có một người lãnh đạo "bậc 5". Những người lãnh đạo bậc 5 được định nghĩa như những người làm việc rất nhiệt tình, tận tụy lo cho công ty hết lòng nhưng cũng cực kỳ khiêm tốn. Họ tạo ra những thành quả siêu việt nhưng không bao giờ phô trương, và lẩn tránh không muốn người khác ca tụng mình quá mức. Một thí dụ điển hình là ông David Packard, thành viên đồng sáng lập hãng Hewlett-Packard, một trong những công ty sản xuất computer lớn nhất tại Mỹ. Ông tự coi mình là người của công ty HP trước, rồi mới đến chức vụ tổng quản trị viên (CEO). Ông quản trị bằng cách bước ra ngoài văn phòng của mình để hòa nhập theo sát những diễn biến công việc trong mọi tầng lớp của công ty. Công ty thành công rực rỡ nhưng ông luôn tránh lộ diện trước công chúng. Châm ngôn của ông là: "Không nên khoe khoang những gì đã làm được, mà phải tiếp tục tiến tới làm những việc tốt hơn thế nữa."

Những người như ông David Packard cho ta thấy là: càng thành công và lên cao bao nhiêu, sự khiêm tốn càng tăng bấy nhiêu, bởi vì họ biết rằng "núi cao còn có núi cao hơn". Người càng giỏi và hoàn thành được nhiều nhất lại ít phô trương nhất, và sự tự tin của họ cũng ngang bằng với mức độ khiêm tốn. Edward Frederick Halifax nói: *"Giá trị đích thực cũng như giòng sông, càng sâu bao nhiêu càng bớt ồn ào bấy nhiêu."* (True merit, like a river, the deeper it is, the less noise it makes).

Điều đó cũng giống như các bậc chân tu, khi đạt đạo giác ngộ thì không còn cái Ngã, không có cái nhìn phân biệt ta và người, cao và thấp nữa, bởi vì họ đã thấy rõ bản chất "Không" trong mọi tướng. "Càng tu càng thấy những sai lầm của mình từ trước đến nay", thiền sư Soko Morinaga đã nói như vậy trong quyển tự truyện của ông. Quả thực, sự khiêm tốn chứng tỏ người ấy đã vượt lên được cái ngã của mình – đó là một quá trình tất yếu phải trải qua đối với người tu đạo Phật. Đức Đạt Lai Lạt Ma là người đứng đầu Phật giáo Tây Tạng, cũng là vị nguyên thủ quốc gia, danh tiếng lẫy lừng thế giới, nhưng ngài lúc nào cũng tỏ ra khiêm nhường, bình dị, và chính điều đó lại làm cho ngài càng được kính nể hơn. Người đã giác ngộ hay có thực tài thường tự tin nơi chính mình và không cần phải chứng tỏ gì cả, cũng không cần ai biết đến, nhưng năng lực của người ấy vẫn tự tỏa ra như ánh sáng trăng sao trên bầu trời, khiến cho người biết đến đều đem lòng mến phục.

Trong kinh Pháp Hoa, có phẩm nói về Bồ tát Thường Bất Khinh như sau:

"Như xưa trong thời tượng pháp của đức Phật Oai Âm Vương, giữa hàng tăng thượng mạn Tỳ-kheo, có vị Bồ-tát là Thường Bất Khinh, Vị Bồ-tát ấy phàm thấy hàng xuất gia, tại gia, nam nữ... đều cung kính lễ bái khen ngợi rằng: "Tôi rất kính trọng các ngài, không dám khinh mạn, vì các ngài đều tu hành đạo Bồ-tát, sẽ đặng thành Phật". Ngoài sự lễ bái tán thán ấy vị Tỳ-kheo kia không hề đọc tụng kinh điển gì,

nhưng gặp ai cũng chỉ lễ bái, tán thán và nói: "Tôi không dám khinh các người vì các người sẽ được làm Phật". Đến nỗi có người vì tâm chưa đặng thanh tịnh, nổi giận, mắng nhiếc: Ông Vô trí Tỳ-kheo cớ sao đến đây tự nói tôi không dám khinh người và thọ ký cho ta sẽ thành Phật, đó chỉ là nói dối, ta không dùng làm chi?" Có khi còn bị người ta lấy roi gậy, ngói đá đánh đập, ông trốn chạy qua một nơi xa mà còn lớn tiếng nói lại: "Tôi không dám khinh các người, các người đều sẽ làm Phật". Như vậy trải qua nhiều năm, dù bị khổ nhục cũng không sanh sân hận, nên các tăng thượng mạn Tỳ-kheo đều gọi vị Tỳ-kheo kia là Thường Bất Khinh. Vị Tỳ-kheo ấy khi mạng chung được nghe giữa hư không, Phật Oai Âm Vương nói kinh Pháp Hoa, đủ các công đức, lục căn thanh tịnh, sau rộng nói kinh Pháp Hoa lại cho mọi người đều nghe như mình đã được nghe vậy."

Thường Bất Khinh là hạnh khiêm tốn, là tâm bình đẳng, xem tất cả mọi người đều có Phật tính như nhau nên đều kính trọng như nhau. Chẳng nghĩ mình trì giới mà khinh khi kẻ phạm giới, chẳng cậy mình có trí tuệ mà cho người khác là ngu si, chẳng khoe mình cao quý mà xem thường người hạ tiện… Vì luôn luôn khiêm tốn nhẫn nhục, không vướng theo các tướng nên tâm ý được trong sáng, sáu căn thường thanh tịnh, Bồ tát Thường Bất Khinh đã giác ngộ được diệu pháp nhiệm mầu. Đó cũng là một bài học dạy cho chúng ta triệt hạ tận gốc thói quen ngã mạn, với hình ảnh Bồ Tát gặp ai cũng lễ bái: "tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật"… Ngã mạn là chướng ngại lớn nhất trên con đường tu tập đến giác ngộ giải thoát, chỉ cần một phút ngã mạn nổi lên cũng đủ làm tiêu tan bao công đức tích lũy từ lâu, như câu chuyện của ngài Ngộ Đạt trong kinh Thuỷ Sám:

Xưa kia đời Đường trong triều vua Ý Tông, có ngài Ngộ Đạt quốc sư, pháp danh Tri Huyền, khi chưa là quốc sư tình cờ gặp một tăng nhân bị phong cùi đã tận tình săn sóc cho vị ấy. Khi chia tay, vị ấy cảm kích nên đã dặn rằng, sau này nếu bị nạn thì hãy đến tìm nhau ở núi Trà Lũng thuộc Bành Thành, Tây Thục, chỗ có hai cây tùng làm dấu.

Sau đó ngài Ngộ Đạt tu hành đạo đức, danh tiếng lẫy lừng, được vua ban chức quốc sư. Ý Tông thân hành đem pháp tọa trầm hương đến tặng và cung phụng rất hậu. Ngồi trên pháp tọa, Ngộ Đạt mống khởi niệm kiêu mạn, thấy trong thiên hạ không ai cao sang bằng mình. Nhưng liền sau đó, đầu gối ngài tự nhiên mọc một cái mụt "mặt người", hành hạ đau đớn thấu xương, không lương y nào chữa nổi.

Chợt nhớ đến lời dặn năm xưa, ngài Ngộ Đạt đi về núi tìm, đến nơi nhằm lúc đã chiều tối, bàng hoàng nhìn khắp bốn phía, bỗng thấy hai cây tùng trong chỗ mây khói. Lần bước theo hướng ấy, ngài đến một nơi lầu cao, điện lớn, ánh sáng vàng ngọc lung linh xen nhau chiếu. Vị tăng nhân đã đứng đợi sẵn, đón tiếp niềm nở và mời ngài ngủ lại. Khi nghe kể về căn bệnh nan y, tăng nhân bảo không hại gì, ngày mai xuống suối rửa sẽ khỏi.

Sáng sớm đạo đồng dẫn ngài xuống suối, mới vốc nước, mụt ghẻ mặt người đã kêu lớn: "khoan rửa đã, ngài là người biết nhiều hiểu rộng, vậy có biết chuyện Viên Ân với Triệu Thố trong Tây Hán thư chưa?" Ngài trả lời biết, cái mụt lại bảo: "tôi là Triệu Thố đây, còn ngài là Viên Ân, đã xử tôi bị chém ở chợ, oan khốc thấu trời xanh. Từ đó mối hận không nguôi, tôi đã theo ngài đến mười đời, nhưng ngài là cao tăng, giới luật nghiêm tịnh nên tôi không có cơ hội báo oán. Nay ngài được hưởng sự đãi ngộ của vua mà sinh lòng ngã mạn, cái đức bị thương tổn nên tôi mới hại ngài được. Nhờ ơn tôn giả Ca Nặc rửa mối oan thù cho tôi bằng nước "từ bi tam muội" nên từ đây tôi không còn là kẻ oan gia của ngài nữa."

Ngộ Đạt nghe vậy sợ hãi rụng rời tay chân, từ đó dựng thảo am ngay nơi chỗ ấy, viết kinh Thủy Sám ngày đêm đọc tụng sám hối.

Trong đạo Dịch nói về sự vận hành âm dương trong trời đất, cũng áp dụng với thuật xử thế của con người, Khiêm là yếu tố để lập lại thế quân bình trong vũ trụ vạn vật, giữ cho mọi sự được Trung và Chánh. Như câu nói: "Cái gì đi lên sẽ đi xuống" (what goes up must come down), đạo Dịch không ưa thích sự đầy, vì cái gì đầy quá sẽ đổ. Theo luận bàn của Trình Di về quẻ Địa Sơn Khiêm: "Quẻ này nói trong đất có núi, chứ không phải núi ở trong đất, là có ý nói rằng: trong chỗ thấp kém đã chứa sẵn cái cao cả của nó rồi… cho nên người quân tử xem đó hễ thấy cao thì hạ xuống, thấy thấp thì nâng lên, thấy rõ cái nghĩa "nén chỗ cao, nhấc chỗ thấp, bớt chỗ thái quá, thêm vào chỗ bất cập. Đem ra thi thố vào công việc thì rút bớt chỗ nhiều, bù vào chỗ ít… cân nhắc sự nhiều ít mà làm cho mọi việc được đều nhau thì sẽ có thăng bằng."

Lão Tử cũng có nhiều câu khuyên người nên giữ đức khiêm tốn như sau:

- Thánh nhân đặt mình ra sau mà thân lại được ở trước (chương 7).
- Không dám đứng trên trước thiên hạ (chương 67)
- Người khéo chỉ huy thì tự đặt mình ở dưới người, như vậy là có cái đức không tranh (chương 68).
- Đạo trời không tranh mà khéo thắng (chương 73).
- Chỉ vì không tranh với ai nên không ai tranh với mình (chương 22, chương 66).

Không tranh cao thấp, hơn thua, được mất cho nên không gây xung đột, không tạo nghiệp và tâm được bình an. Như vậy, Khiêm là cái đức không thể thiếu trong thuật xử thế cũng như trong công việc, và nhất là trong sự tu tập lại càng cần thiết để hạ bớt cái ngã của mình, chuyển tâm vị kỷ thành tâm vị tha, mở rộng tầm nhìn khai phá những điều mới lạ của thế giới hiện hữu. Như vũ trụ vạn vật trong sự vận hành được quân bình nhờ tác động của Khiêm, con người sống hài hòa an vui cũng nhờ đức tính khiêm tốn, từ bi và bình đẳng trong sự giao tiếp đối xử với tha nhân.

LỄ TƯỞNG NIỆM 50 NĂM BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC VỊ PHÁP THIÊU THÂN TẠI HỘI TRƯỜNG JEROME CENTER, SANTA ANA, NGÀY 23.6.2013

Photos: TV Hộ Pháp

LỄ TƯỞNG NIỆM 50 NĂM BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC VỊ PHÁP THIÊU THÂN TẠI HỘI TRƯỜNG JEROME CENTER, SANTA ANA, NGÀY 23.6.2013

Photos: TV Hộ Pháp

MỞ CÁNH CỬA TÂM HỒN BẠN

Ajahn Brahm

Thích Nữ Khánh Năng *dịch*

Lời người dịch:

Đời sống là một chuỗi những câu chuyện xen lẫn nhau, không phải là những khái niệm. Khái niệm thì khác xa với sự thật. Do vậy, một câu chuyện được kết cấu với tình tiết phong phú và có ý nghĩa thì gần gũi với đời sống thực tế. Đó là lý do tại sao chúng ta dễ dàng liên hệ với đời sống qua các câu chuyện hơn là những lý thuyết trừu tượng. Và đó cũng là lý do mà thầy Ajahn Brahm - tu sĩ người Anh, Tu viện trưởng rừng thiền Bodhinyana và là Giám đốc hội Phật học Tây Úc - chọn cách giảng dạy, trình bày pháp thông qua những câu chuyện.

Sự hiểu biết sâu sắc, tình thương yêu và lòng từ bi chảy xuyên suốt qua những câu chuyện của thầy Ajahn Brahm giống như những dòng sông của nguồn hy vọng; nó khéo léo trong việc liên hệ đến lời dạy của đức Thế Tôn và con đường đạt được hạnh phúc thật sự. Mỗi câu chuyện kể, ẩn chứa bên trong nó là bài học về chánh niệm, trí tuệ và từ bi - những yếu tố nền tảng của Phật giáo. "Sự thật" bên trong mỗi câu chuyện sẽ được khám phá qua chính kinh nghiệm trong đời sống của mỗi chúng ta.

Chúng tôi sẽ lần lượt chuyển ngữ để giới thiệu đến bạn đọc.

Mong rằng tất cả chúng ta sẽ mở cánh cửa lòng mình ra để đón nhận nó.

Cách đây vài thế kỷ, có 7 vị tăng nọ cùng sống trong một hang động, trong một khu rừng rậm ở châu Á, hành thiền với đề mục về tâm từ.

Vị tăng trưởng nhóm, anh trai và người bạn tốt nhất của ông ta. Vị thứ tư là người đối đầu với vị tăng trưởng nhóm; họ luôn bất đồng về quan điểm. Vị thứ năm là vị tăng già nua, quanh năm ông ta chờ đợi sự chết đến gõ cửa bất kỳ lúc nào. Vị thứ sáu thì bệnh hoạn, cái chết cũng luôn chờ sẵn. Vị cuối cùng, vị thứ bảy, là một người vô tích sự. Ông ta luôn ngáy khi hành thiền, cũng không thể nhớ lời kinh tụng, và nếu ông ta tụng thì rất lạc điệu; thậm chí ông ta cũng không thể cất giữ những chiếc y của mình cho ngăn nắp tề chỉnh.

Tuy nhiên, những người khác thì khoan dung với ông ta và đã cảm ơn ông ta đã dạy cho họ lòng nhẫn nại.

Một ngày kia, có băng cướp nọ khám phá ra hang động. Nó rất cách biệt và là nơi ẩn núp tốt, vì vậy chúng muốn chiếm lấy để làm sào huyệt, đó cũng là lý do chúng quyết định giết tất cả các vị tăng.

May mắn thay, vị tăng trưởng nhóm là một diễn giả có tài thuyết phục. Ông ta đã giải quyết được - đừng hỏi tôi phải làm thế nào để thuyết phục bọn cướp, ngoại trừ một người, người mà sẽ bị giết để cảnh báo cho những người khác là không được cho bất kỳ ai biết địa điểm của hang động. Đó là điều duy nhất mà ông ta có thể làm. Vị tăng trưởng nhóm lặng yên trong vài phút và đã đưa ra một quyết định đáng kinh sợ - ai sẽ là người hy sinh để những người khác được tự do ra đi.

Khi tôi kể câu chuyện này trong hội chúng, tôi ngừng lại ở đây để hỏi những thính giả của tôi: "Thế nào, các bạn nghĩ ai là người mà vị tăng trưởng nhóm đã chọn?"

Câu chuyện dừng lại trong giây lát cho một vài thính giả của tôi đang từ trạng thái ngủ gà ngủ gật trong suốt buổi thuyết giảng và nó đã đánh thức những người đang ngủ. Tôi nhắc lại với họ rằng, có một vị tăng trưởng nhóm, người anh trai, người bạn tốt nhất, người đối đầu, vị tăng già nua và vị tăng bệnh hoạn (cả hai đều đang chờ chết) và vị tăng vô tích sự. Các bạn nghĩ ai là người ông ta chọn?

Sau đó một vài thính giả đề nghị là vị tăng đối đầu. Tôi trả lời là "không".

- "Anh trai ông ấy?"
- "Sai."

Vị tăng vô tích sự luôn luôn được đề cập - chúng ta thật là không nhân đức! Ngay lập tức, tôi đã đùa một tí, tôi tiết lộ câu trả lời: vị trưởng nhóm đã không có khả năng để chọn lựa.

Tình yêu thương của ông ta đối với anh trai thì cũng giống như tình yêu thương ông ta đối với người bạn tốt, không hơn không kém; tình yêu thương của ông ta đối với người bạn tốt cũng giống y hệt với tình yêu thương của ông ta dành cho người đối đầu, cho vị tăng già nua, vị tăng bệnh hoạn, và thậm chí là cho vị tăng vô tích sự dấu yêu. Ông ta đã tuyệt vời trong câu nói đầy ý nghĩa: "Cánh cửa lòng tôi sẽ luôn mở để đón bạn, dù bạn làm gì, bạn là ai". Cánh cửa tâm hồn của vị tăng trưởng nhóm đã rộng mở cho tất cả, không điều kiện, không phân biệt; đó là tình yêu thương chân thật tự bản chất.

Và điều thấm thía nhất là tình yêu thương của ông ta đối với người khác thì bình đẳng như đối với chính ông ta. Cánh cửa tâm hồn ông ta mở ra cho chính ông ta cũng y như vậy. Đó là lý do tại sao ông ta không thể chọn lựa giữa chính ông ta và những người khác.

Tôi nhắc Jadaeo - một người đạo Cơ Đốc - thính giả của tôi rằng, những cuốn sách của họ đã nói "yêu người láng giềng của anh như chính bản thân anh". Không có cái gì hơn và cũng không có cái gì kém thua bạn; nó bình đẳng với chính bạn. Điều này có nghĩa là hãy yêu mến người khác như người đó sẽ yêu mến chính họ, và hãy yêu mến chính bản thân mình cũng như sự yêu mến đối với người khác.

Tại sao phần lớn trong hội chúng của tôi đã nghĩ rằng, vị trưởng nhóm sẽ chọn chính ông ta để chịu chết? Tại sao như vậy? Trong văn hóa của chúng ta, chúng ta luôn luôn hy sinh chính bản thân chúng ta

cho người khác, và đây là điều vẫn có giá trị?

Tại sao chúng ta lại quá khắt khe, phê phán và trừng phạt chính chúng ta hơn ai khác? Đó là một và cùng một lý do: chúng ta chưa học được cách yêu thương chính chúng ta.

Nếu bạn gặp phải khó khăn để nói với người khác "cánh cửa lòng tôi luôn mở để đón bạn, dù bạn làm gì, bạn là ai". Sau đó điều khó khăn này sẽ là chuyện vặt vãnh khi so sánh với khó khăn mà bạn sẽ đối mặt để nói với chính bạn: "Tôi, một người đã sống quá khép kín quá lâu rồi, lâu đến nỗi mà tôi không thể nhớ ra được. Chính tôi. Cánh cửa lòng tôi thì mở ra cho tôi cũng như vậy. Tất cả, dù sao đi nữa, tôi đã làm. Hãy vào đi."

Đó là lý do tại sao tôi nói rằng tình yêu thương đối với chúng ta nó được gọi là lòng bao dung. Nó sẽ là nấc thang tự do từ tù ngục của mặc cảm tội lỗi; nó là sự bình yên ở nơi mỗi chúng ta. Và nếu bạn có can đảm để nói những lời này với chính bạn một cách chân thật, trong sâu thẳm tâm hồn của bạn, khi đó tâm bạn sẽ hướng thượng, không thụt lùi, để đón nhận tình yêu thương cao cả.

Mỗi ngày, tất cả chúng ta phải nói với chính mình những lời này, hoặc một câu gì đó tương tự, nói với sự thành thật, không phải là một trò chơi ngôn ngữ. Khi chúng ta làm, nó như thể là một phần của chính chúng ta, điều mà không thể không chấp nhận; đời sống bên ngoài thì lạnh lẽo quá lâu rồi, bây giờ hãy trở về nhà. Chúng ta cảm thấy tất cả được hợp nhất và tự do để hạnh phúc. Chỉ khi chúng ta yêu thương chính chúng ta như mức độ có thể, thì chúng ta mới hiểu được nó thật sự có ý nghĩa gì với yêu thương người khác, không hơn không kém.

Và vui lòng nhớ rằng, bạn không phải hoàn hảo, không lỗi lầm, để mà có thể yêu thương chính bạn. Nếu bạn chờ đợi một sự hoàn hảo, nó sẽ không bao giờ đến. Chúng ta phải mở cánh cửa tâm hồn mình, dù chúng ta đã làm gì! Một khi vào bên trong, khi đó chúng ta hoàn hảo.

Người ta thường hỏi tôi điều gì xảy ra với 7 vị tăng đó khi mà vị trưởng nhóm đã nói với bọn cướp rằng ông ta không thể chọn lựa.

Câu chuyện, như tôi đã được nghe cách đây nhiều năm, đã diễn đạt: "Nó dừng lại ngay nơi mà tôi đã chấm dứt." (*)

Tôi biết điều gì xảy ra tiếp theo; tôi hình dung được điều gì xảy ra sau đó. Khi vị trưởng nhóm giải thích với bọn cướp rằng ông ta không thể chọn lựa giữa ông ta và người khác, nó đã gián tiếp chỉ ra ý nghĩa của tình yêu thương và lòng bao dung giống như tôi vừa mới trình bày với các bạn, sau đó tất cả bọn cướp đã xúc động và nó đã thôi thúc họ, không chỉ khiến họ để cho các vị tăng sống, mà chính họ cũng đã cải tà quy chánh và trở thành những tu sĩ.

(Nguyên tác: "Opening the Door in Your Heart and others Buddhist tales of Happiness", Ajahn Brahm, Buddhist Publiccation Society, Kandy, Sri Lanka)

(*) Câu chuyện này rút ra từ sự kết nối của nhiều nguồn khác nhau, trong một khởi nguyên của kinh Pháp Cú, bài kệ 110 và những bài kệ của vị tăng đạt giác ngộ - Adhimutta Thera - trong Trưởng lão Tăng kệ.

ĐÊM CHÙA HẢI ẤN

(Kính dâng lên Ht.Thích Tín Nghĩa)

Lên chùa lễ Phật gặp Tăng
Thuyết lời vi diệu - trổ hằng hà hoa
Đêm nay trời đất thái hòa
Lạc bang hiện giữa Ta bà tử- sanh!

ĐỒNG THIỆN

thơ

PHỐ THỊ

Thời trang son phấn áo quần
Nam thanh nữ tú bội phần đam mê
Cao lâu tửu quán ê hề
Uống ăn hưởng lạc phủ phê mặc tình.
Lầu đài xa mã hư vinh
Là đây phố hội dáng hình phù hoa
Người vui bất tận hoan ca
Phong trần mê mải có là bao lâu?
Vô thường một cuộc bể dâu
Biết đâu nguồn cội, biết đâu bến bờ.
Người đi đi mãi không về
Ta còn nguyên mộng ban sơ giữa đời
Nhắn thưa phố thị một lời:
Sát-na sanh diệt đổi dời ai hay
Ngàn xưa cũng thể thế này
Phù hoa mây hãy còn bay trắng trời.

DU TÂM LÃNG TỬ
Forest Park, May 2013

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: "THE BLUEPRINT OF HAPPINESS" by **Ven. ANOMA MAHINDA**

Người dịch: ***HT. Thích Trí Chơn***

(tiếp theo kỳ trước)

NGHIỆP BÁO VÀ LUÂN HỒI

Kamma (Nghiệp) là danh từ Pali, có nghĩa là "hành động". Trong Anh văn không có chữ nào thích hợp để diễn tả chính xác cái nghĩa này. Bởi vậy mà chúng tôi phải dùng từ ngữ Pali ở đây. Đôi khi tiếng Phạn (Sankrit) người ta dịch là Karma, nhưng theo quan niệm của Ấn Độ Giáo, chữ Karma (Phạn) rất khác với Kamma (Pali) mà đức Phật đã dạy, nên tốt hơn tôi không dùng nó trong bài này.

Kamma (Nghiệp) được diễn tả như năng lực khác quan, quyết định cuộc sống chúng ta trong đời này, và tạo nên cảnh sống của chúng ta trong tương lai. Nghiệp là năng lực làm con người sống lại vào lúc chết và nối liền kiếp này (của họ) với đời sau. Nếu không có nghiệp thì cũng không có luân hồi. Không có gì nơi tâm hay thân (chúng ta) được tái sinh, mà chỉ có nghiệp lực (Kamma) này.

Như chúng tôi đã giải thích Phật Đạo là một phương thức sống tốt đẹp hay nền đạo lý cao siêu. Nhờ thực hành theo giáo lý này, chúng ta không gây nên việc làm hay hành động xấu; và do đó, chúng ta không tạo ra ác nghiệp (bad Kamma). Nếu chúng ta sống cuộc đời không biết tự chế, chạy theo dục vọng, lòng tham, và những ham muốn của giác quan, chúng ta tạo nên nghiệp xấu. Cho nên, Nghiệp (Kamma) xấu hay tốt đều do nơi hành động thân, khẩu, ý của chúng ta. Cả hai nghiệp thiện hoặc ác đều tạo nên sự luân hồi; những tư tưởng lành đương nhiên dẫn đến cuộc sống an vui, trong khi ý niệm ác sẽ mang lại hoàn cảnh xấu mà không cá nhân sáng suốt nào muốn tìm gặp.

Trạng thái Niết Bàn (Nibbana) không phải là kết quả của riêng nghiệp lành hay dữ mà chỉ là sự đoạn diệt hết tất cả những nghiệp lực. Một người chứng đắc Niết Bàn, sẽ không còn luân hồi, được gọi là A La Hán (Arahant).

Kết quả của các nghiệp xấu hay tốt có thể chứng nghiệm trong đời này, kiếp sau hoặc đời sau nữa.

Những sự mâu thuẫn trong cuộc đời, và các cảnh sống bất bình đẳng mà nơi đó con người sinh ra đã tạo nên nguyên nhân chính đáng dẫn đến điều vô cùng suy nghĩ (cho chúng ta). Tại sao có người sinh ra giàu có, trong khi kẻ khác lại nghèo? Tại sao người này thành công và kẻ kia thất bại? Có người thông minh, kẻ lại ngu dốt, người bẩm sinh rất quyến rũ và xinh đẹp, trong lúc kẻ khác lại xấu xí. Tại sao người này sinh ra tàn tật, hoặc sống ốm đau; kẻ nọ kém địa vị, lại mạnh khỏe? Tại sao đứa trẻ vừa mới sinh lại chết liền, trong khi người khác sống đến già? Người lương thiện thường gặp sự không may, kẻ làm ác lại gặp điều hạnh phúc.

Triết học Tây Phương không cách nào giải đáp thỏa mãn được những câu hỏi trên, mà chúng chỉ có thể giải thích bởi thuyết Nghiệp Báo (Kamma). Chúng tôi đã nhấn mạnh về bản chất khoa học của Phật Giáo, nhưng trong trường hợp về thuyết nghiệp báo và luân hồi, chúng ta gặp phải hoàn cảnh tương tợ như nhà khoa học, khi ông ta được yêu cầu chứng minh về các lý thuyết nguyên tử, trọng lực, tiến hoá, hay điện học. Họ bảo rằng "chứng cứ", như một danh từ chúng ta thường hiểu, không thể nào viện dẫn được. Nhiều kiến thức khoa học đã được người ta chấp nhận, bởi vì không thể có sự giải thích nào khác về các hiện tượng đó. Hầu hết các khoa học gia đang biết cách áp dụng cũng như dùng vật chất và sự phóng xạ mà không cần phải đặt nó vào trong ống thí nghiệm. Sự hiểu biết về nghiệp và luân hồi là kết quả hợp lý của sự quan sát về hiện tượng thiên nhiên.

Trong quá khứ đã có nhiều cố gắng để giải thích về tánh nết của con người là do bởi tính di truyền và hoàn cảnh xung quanh, nhưng sự giải đáp này vẫn chưa trả lời được hết các vấn đề căn bản. Chỉ với ánh sáng của thuyết nghiệp báo, điều bí ẩn mới được giải quyết, và chúng ta có thể thấy rằng đời sống của con người là kết quả các hành động tốt hay xấu của chính họ. Kiến thức giác ngộ này là hết sức quan trọng đối với nhân loại, vì nếu quá khứ có thể quyết định hiện tại; chúng ta hiểu rằng hành động của chúng ta hôm nay sẽ định đoạt tương lai của chúng ta.

Khoa học đã có những bước tiến nhảy vọt, và chứng tỏ rằng mọi vật không thể mang hết lên dĩa cân hay bỏ vào ống nghiệm. Nhiều vấn đề vô cùng bí ẩn, và hiển nhiên là chưa có lời giải đáp. Sự kiện này đặc biệt cũng đúng trong lãnh vực tâm lý học và bệnh học tâm thần.

Trở lại vấn đề luân hồi, con người có khuynh hướng tái sinh vào trình độ thấp kém hơn là cảnh giới cao đẹp. Phần đông nhân loại cũng vậy, sẵn sàng hành động theo những bản năng và ham muốn thấp hèn, các dục vọng xấu xa, và tham đắm vào mọi vật cùng ý niệm, cho nên họ đã tạo ra tương lai của họ ở trình độ thấp kém hơn. Hầu hết những bản năng và dục vọng tự nhiên (của con người) tạo ra nghiệp xấu; trừ khi chúng ta phát triển trí tuệ, tự đặt mình theo một đức Thầy chân chính, chúng ta mới chắc có được tiến bộ. Chỉ mang nhãn hiệu "Phật Tử" không thì vô ích, nếu chúng ta không biết kiểm soát tâm của mình và hành trì đạo đức.

Mọi việc xảy đến với chúng ta không phải đều do kết quả của nghiệp nhân quá khứ. Mà sự thật trong cuộc sống, chúng ta đã gặp phải khổ đau phát xuất từ các nguyên nhân tự nhiên, cũng như bởi kết quả những việc làm của chúng ta. Tuy nhiên, dù nghiệp lực có thể quyết định mọi hoàn cảnh sống, nhưng nó không thể khiến chúng ta hành động tội ác, nếu chúng ta không muốn làm điều đó.

Trong cuộc sống, chúng ta không phải là những con tốt trên bàn cờ, mà phải là người tạo nên ván cờ. Dĩ nhiên chúng ta không thể phá hủy (nghiệp) quá khứ của chúng ta, nhưng với kiến thức căn bản sắp đặt này của chúng ta, chúng ta có thể tự tạo cho mình một tương lai hạnh phúc.

Do sự sai quấy và lỗi lầm quá khứ, chúng ta đã tạo nên (cuộc sống) hiện tại của chúng ta, nhưng con người hoàn toàn là kẻ sáng tạo tương lai của chính mình, và với sự hướng dẫn chân chính, chúng ta có thể dám chắc rằng nó sẽ là một cuộc sống an vui.

KAMMA AND REBIRTH

Kamma is a Pali word which means 'action.' We have no suitable word in the English language which exactly expresses the meaning. It is for this reason that we use the Pali term here. It is sometimes known by the Sanskrit term, Karma, but the Hindu conception is very different from Kamma as taught by the Buddha and it would be better not to use it in this document.

Kamma can be described as the impersonal force which determines our circumstances in this life and fashions our conditions in the future. It is the energy which survives man at death and links this life with the next. If there is no Kamma there is no rebirth. Nothing of the mind or body is reborn but only this powerful energy Kamma.

We have already explained that the Buddha's Path was one of good conduct or high morality. By observing this code we do not perform bad actions or deeds and therefore, do not create bad Kamma. If we live an unrestrained life, responding to desires, cravings, and passions of the senses, we produce bad Kamma. Kamma is therefore, good or bad according to our deeds, of mind, speech, or body. Both good and bad Kamma can produce rebirth, but the good will naturally bring about conditions which are favourable, while the bad will produce circumstances which no wise individual would seek.

The state of Nibbana does not result from either good or bad Kamma, but only from the extinction of all Kamma. A person who reaches the state of Nibbana and who will not be reborn is called an Arahant.

The results of good or bad Kamma can be experienced in this life, the next or a subsequent one.

The inconsistencies of life and the unequal conditions into which people are born, give the intelligent cause for very serious thinking. Why are some born rich while others poor? Why does one prosper and another fail? Some are clever and some are dull; others are gifted with great charm and beauty while others lack these qualities. Why is one born maimed or to a life of sickness, while others, less worthy, enjoy good health? Why should one baby be taken to the grave while another lives to old age? The good man is often beset with misfortune while the scoundrel prospers.

Western philosophies have no satisfactory answers to these questions which can only be explained by Kamma. We have stressed the scientific nature of the Dhamma, but in the case of Kamma and rebirth, we are in a similar position to the scientist when he is asked to prove the atomic theory, gravity, evolution or electricity. We are told that 'proof,' as we often understand the word, cannot be given. Much scientific knowledge is accepted because there is no other possible explanation of a phenomenon. Most scientists are now learning to apply and use matter and radiation without waiting for it to be put into a test tube. Knowledge of Kamma and rebirth is the logical outcome of the observation of natural phenomena.

There have been many attempts in the past to explain a person's character only by hereditary and environment, but this left so many vital problems unanswered. Only in the light of Kamma does the enigma become solved, and we can see that living beings are the result of their own good or bad actions. This enlightened knowledge is of paramount importance to mankind, since if the past can condition the present, we know that our conduct today will determine our future.

Science is making rapid strides, yet showing that not everything can be weighed in a balance or placed in a test tube. Many of the greatest mysteries, while much in evidence, still have no explanation. This is especially true in the field of psychology and psychiatry.

Turning to the issue of rebirth, beings tend to be reborn at a lower rather than a higher level. The vast majority of mankind responds too readily to the baser instincts and desires, evil passions and attachments to things and ideas, thereby conditioning their future on a lower level. Most of the natural instincts and desires produce bad Kamma and it is only when we develop the intelligence to place ourselves under the right Teacher, that we can be sure of progress. But merely wearing the label of 'Buddhist' is useless if we do not learn to control the mind and observe the morality.

Not everything that happens to us is the result of past Kamma. We are subject, by the fact that we exist, to suffering from natural causes, as well as the deeds of our actions. However, while Kamma may condition the circumstances, it cannot make us commit a crime if we do not so desire.

In life, we are not pawns in a game, but the makers of the game. We cannot, of course, undo our past, but with this vital knowledge at our disposal, we can shape for ourselves a joyful future.

From the mistakes and blunders of the past we have built our present, but man is equally the architect of his own future and with the right guidance we can be sure of it being a happy one.

(to be continued…)

Hoài niệm NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM và cảm đề GIÒNG SÔNG THANH THỦY

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

04-01-1964

(Nguồn: diendantheky.net)

Quả đất giáp một vòng quỹ đạo
Người đi vừa đủ mười hai mùa trăng
Nửa nước Việt Nam còn nguyên nửa
Tháng Bảy này tính đã mười năm chăng?

Nửa nước Việt Nam còn nguyên nửa
Những người thương nhớ Người còn khổ đau
Tuy canh bạc đã tàn sau đó
Ba tháng Người đi lịch sử nhiệm mầu

Tuy canh bạc đã tàn sau đó
Nhưng nỗi buồn chia cắt vẫn không nguôi
GIÒNG SÔNG THANH THỦY mờ sương khói
"Guồng máy" chiến tranh này- nước mắt rơi

GIÒNG SÔNG THANH THỦY mờ sương khói
Mây ngút Trường Sơn lệ nhỏ Sài Gòn
Xa xa mờ mờ con Bến Hải
Đêm đêm buồn; buồn nghe Hà Nội run!

– Làm sống lại tinh thần Yên-Bái, nửa bước không lùi;
Cuốn ào lên tâm huyết Quốc dân, một giòng thẳng tiến

– Bôn ba nơi hải ngoại;
Hàng Châu, Quý Châu, Liễu Châu;
Đối lập mọi cường quyền,
Chống Pháp, chống Cộng, chống Diệm.

AI HAY:
– Gió gọi chưa lên;
Giờ nghe đã điểm.
– Giữa cao trào Phật giáo, để hoằng dương chánh Pháp, lửa từ bi
Vừa Thượng Toạ thiêu thân;
Nêu đại nghĩa nho gia, nhằm cảnh cáo độc tài, chén tân khổ cũng Tiên sinh tuyên chiến,
– Sét ngang tai, bạo lực thấy ghê hồn;
Trời cúi mặt, không gian chờ nẩy điện.

Lễ truy điệu Nhất Linh
tại vườn Tao Đàn, Sài Gòn năm 1964.

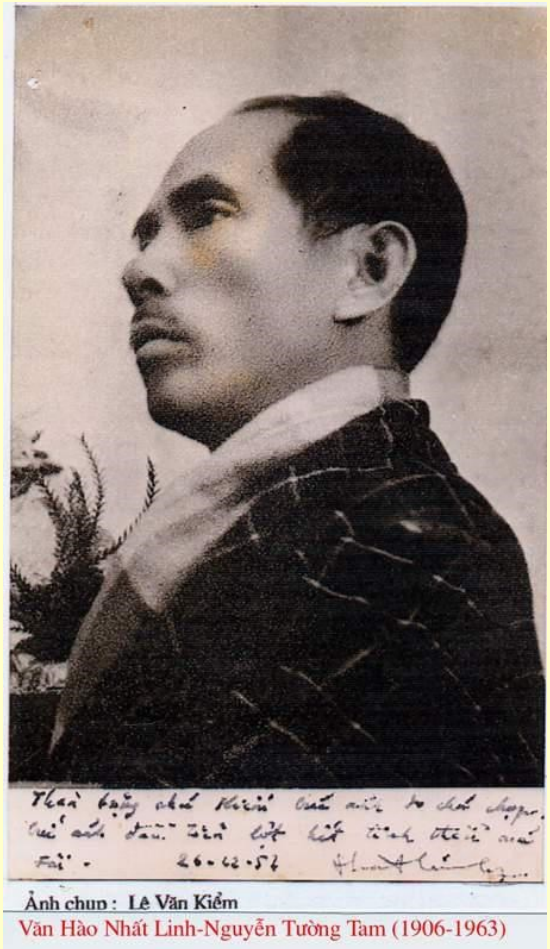

Ảnh chụp : Lê Văn Kiểm
Văn Hào Nhất Linh-Nguyễn Tường Tam (1906-1963)

– Lửa Cách Mạng dâng về thư tuyệt mạng,
thôi rồi tay lãnh tụ! khắp các giới:
thức giả, bình dân, sinh viên, đồng chí,
cùng tại đào tim vỡ máu sôi;
– Người quay tơ đành bỏ trống guồng tơ, đâu nữa mặt kinh luân?
– cả bốn phương: Cà Mâu, Thuận Hóa, Bến Hải, Nam Quan, nghe giục giã sông rời núi chuyển,

NHƯNG ĐAU ĐỚN THAY
– Phút hạ huyệt súng gươm vây kín,
muộn giòng châu đứt nối chưa tròn
Buổi cầu siêu hương khói âm thầm,
Bao tiếng khóc giờ đang còn nghẹn

CHO NÊN HÔM NAY:
– Mừng Quốc Gia vừa khắc bạo trừ hung;
– Nghiệp truyền gia giáo, thuở nhập môn
Từng đất Bắc vui quê;
Vai nặng quốc thù, bước du học
Lại trời Tây vượt biển.
– Rèn chí đấu tranh
Rũa tài hùng biện.
– Chí khí kia ngày một cương cường;
Tài năng ấy càng thêm phát triển.
Bao năm xuất ngoại, đã lưu tâm
Tại chỗ, từng mưu lừa chước dối
Thực dân;
Một sớm hồi hương lại ngứa mắt
Trông ra: cả tấn kịch trò hề
Phong kiến.
– Thì văn đoàn Tự Lực, thế tất phải xung phong;
Mà tuần báo Ngày Nay phải kịp thời xuất hiện
– Vì dân vì nước, đẩy mạnh phong trào;
Có chí có gan, thiếu gì phương tiện.
– Nào hia với hốt! Riễu cho tan trò hoạn lộ thanh-vân;
– Nay cấp mai bằng! cười đến tỉnh lũ thư sinh bạch diện.
Từ đó tiên sinh:
– Lấy Văn đàn làm nơi bái tướng cờ phất dọc ngang;
Giữa chính trường cao giọng lập ngôn,
Bút mài sắc bén.
Đẹp hy vọng sẽ hà thanh hải yến

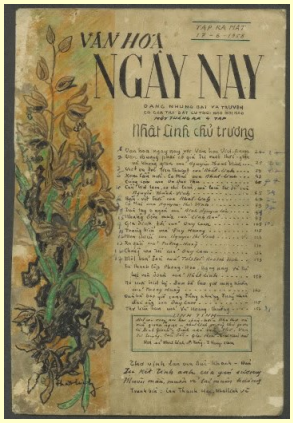

DÂN CHÚNG THỦ ĐÔ HƯỚNG VỀ TIÊN SINH
– Lễ truy điệu mở đầu năm dương lịch,
chạnh tưởng cồn dâu bãi bể, đốt hương lòng tỏa khắp mười phương;
Vườn Tao Đàn rung hết đợt âm giai,
trông ra ngọn cỏ lá cây, hòa nước mắt vẫy quanh một chén.
– Mong cảm tới Tiên sinh
Dám nề chi u hiển!

HỠI ƠI
– Tố Đoạn Tuyệt hành nồ đoan tịch,
mộng dẫu chơi vơi nửa cuộc,
sử còn thơm danh liệt sĩ Tường Tam;
Phượng Nhất Linh hề thiên nhất phương,
lầu tuy ngợ ngác bên sông,
gió vẫn nổi tiếng văn hào họ NGUYỄN

PHỤC DUY THƯỢNG HƯỞNG!

ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN I, NHIỆM KỲ II CỦA GIÁO HỘI PGVN THỐNG NHẤT HOA KỲ, TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, CALIFORNIA, NGÀY 17.6.2013

Photos: Ho Phap & Thanh Huy

TRÁNH XA ÁC KHẨU

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

Đức Đạt Lai Lạt Ma có lời dạy như sau: "Ác khẩu, mãi mãi đừng để nó thốt ra từ miệng chúng ta, cho dù người ta có xấu bao nhiêu, có ác bao nhiêu. Anh càng nguyền rủa họ, tâm anh càng nhiễm ô. Anh hãy nghĩ họ chính là thiện tri thức của anh.". Chúng tôi thấy lời khuyên hay quá, cần ghi nhớ để thường xuyên thực tập, sao cho đỡ vướng nghiệp khẩu nên đã cố chuyển thành văn vần, cốt học cho mau thuộc, nhớ lâu. Đồng thời, chúng tôi đã ghi thêm vài chi tiết nhỏ cần thiết để tự nhắc lại mình như sau:

Tránh Xa Ác Khẩu

Ác khẩu: mãi mãi tránh xa,
Cho dù người xấu (ác) với ta thế nào!
Nguyền rủa họ, được gì đâu!
Tâm ta ô nhiễm, chuốc sâu oán hờn.
Chi bằng xem họ: ân nhân,
Giúp ta nhẫn nhục, tránh phần hơn thua.
Xử sự như vậy, tuyệt chưa!
Tâm được nhẹ nhõm, lại ngừa tội tăng.
Bệnh hoạn khó nhập vào thân,
Người người quí nể, còn chần chờ chi!
Vậy nên phải luôn nhớ ghi:
Biết nói điều ác, tức thì dừng ngay.

Ác khẩu là căn bệnh, nhiều người, trong đó có cả người viết, mắc phải gần như hằng ngày, lại không hề hay biết hoặc có biết nhưng không cho đó là một tính xấu cần dẹp bỏ nên cứ tái diễn hoài hoài. Hơn nữa, phần lớn lại không biết hay không tin có quả báo của "ác khẩu". Do đó, chúng tôi cố gắng tìm hiểu rộng hơn để thấy lời nói như thế nào được kê vào hàng ác khẩu, vừa giúp mình tránh xa và vừa giúp bạn đọc nào tin, cần ghi nhớ để thực hành.

Ta thường thấy, với một người không biết kìm sự tức giận, một khi có kẻ đối xử xấu, ác với mình, chắc chắn người ấy sẽ buông ra những lời nguyền rủa, mắng nhiếc, chửi bới, mạt sát... Nếu việc làm ấy cảm thấy chưa hả dạ thì thế nào họ cũng tìm cớ trả thù bằng cách dùng những lời nói xấu, thêu dệt, đâm thọc, chia rẽ, vu khống,... nhắm vào đối phương. Theo thiển ý, đây cũng là những lời ác khẩu. Vì ta thử ngẫm mà xem tất cả những lời nói đó đều đưa đến cho người nghe sự ác cảm với người bị nhắc đến. Cho nên chỉ là một lời chế nhạo thôi cũng bị xem là ác khẩu và bị quả báo nặng nề. Đó là câu chuyện "ác khẩu và quả báo" kể lại sự việc xảy ra ở thời tiền thân của vị tỳ kheo tên là Mật Thắng, sống vào thời Đức Phật Thích Ca. Đức Phật kể lại như sau: "... *vị tỳ kheo trẻ tuổi, tình cờ thấy một vị tỳ kheo khác băng qua một con suối nhỏ, vị trẻ tuổi bèn cười chế nhạo, bảo là dáng điệu của vị tỳ kheo kia giống hệt như con khỉ. Vị tỳ kheo trẻ tuổi đã phạm tội ác khẩu nên đã bị đọa xuống làm khỉ...*" *(Theo "Ác Khẩu và Quả báo": www.lieuquanhue.vn)*

Phải biết nghiệp khẩu rất quan trọng nên trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Đức Phật có dạy mười điều cần tránh cho thân, khẩu, ý thì "khẩu" đã chiếm hết bốn, còn "thân" và "ý" mỗi thứ có ba, xin được tóm tắt cho dễ nhớ như sau:

Tập tu cho được mười nghiệp lành:
Không tà dâm, trộm cắp, sát sanh,
Không thêu dệt, đâm thọc, nói dối, *(1)*
Không ác khẩu *và tham, si, sân.*

Suy ngẫm, ta mới thấy cái miệng là bộ phận gây nhiều ác nghiệp hằng ngày nhất trong cơ thể con người. Lời nói ác khẩu theo nghĩa rộng như vừa trình bày, thật rất khó để khỏi vấp phải. Nhưng người nào làm sai và nhận nó được sớm để dừng lại, đó là người mau chóng trở thành người tốt. Còn bị sai lầm, vẫn khăng khăng không chịu nhận, thật khó thành tốt được.

Bây giờ xin bàn qua về hậu quả của ác khẩu.

Hậu quả ở hiện đời: Những ai mắc phải bệnh ác khẩu sẽ bị mọi người khinh rẻ, xa lánh. Lại nữa, một khi mắng nhiếc, chửi bới.... ai thì tâm sẽ hừng hực như lửa đốt trong lòng nên bao nhiêu uất ức, tức bực phải xổ ra cho bằng hết mới đã nư. Trước mắt là người đó đã rước bệnh vào thân vì khi nóng giận, cơ thể sẽ sinh ra độc tố. Nếu công năng giải độc của người đó yếu, lâu ngày sẽ tạo thành bệnh như **"loét bao tử, rối loạn tiêu hóa, táo bón, cao huyết áp, rối loạn tim mạch, thậm chí ung thư."** (Trang 10- Hạn Chế Sân Hận. Trải Rộng Tình Thương, Tác giả: Tỳ khưu: Visuddhacàra. Biên dịch: Minh Tâm). Vậy nên chúng ta luôn nhớ câu sau đây, người nào đó nói thật chí lý, để cố gắng bỏ, đừng giận ai nhiều làm gì: "**Giận là đem lỗi lầm của người khác trừng phạt bản thân mình**". Thứ đến, nếu lúc buông lời ác khẩu lại có đối tượng ở trước mặt thì biết bao tình huống xấu có thể sẽ xảy ra như khẩu chiến, ẩu đả gây nên thương tích hoặc chết người...

Quả báo có thể xảy ra trong kiếp này hay nhiều kiếp về sau: chỉ cần nhìn quả báo của lời nói "chế nhạo" - một dạng ác khẩu tương đối nhẹ hơn các dạng ác khẩu khác- ở câu chuyện kể trên để suy ra quả báo của những lời nói độc ác khác. Tuy nhiên, ai phạm tội ác khẩu mà nhận biết ra sớm và sám hối, tất nhiên tội sẽ được giảm bớt hoặc tiêu trừ tùy vào sự thành tâm của mình. Xin được ghi tiếp đoạn sau của câu chuyện nhà sư trẻ vừa kể trên để thấy tác dụng của sám hối: " *Nhưng sau đó thầy ấy biết lỗi lầm của mình, đến xin sám hối với vị tỳ kheo mà mình đã chế nhạo. Nhờ thắng duyên ấy mà kiếp này* (Tỳ kheo Mật Thắng: chú thích của người viết) *mới được gặp Phật và được Phật độ, chứng quả A La Hán một cách nhanh chóng.*"

Ác khẩu, theo nghĩa rộng, là căn bệnh rất khó chữa, không thể một sớm một chiều, có thể trừ sạch được đâu. Nếu ai có quyết tâm trừ bỏ, hy vọng bệnh sẽ bớt. Xin đọc phần sau đây để áp dụng xem sao.

Trước tiên, xin nói về loại ác khẩu của người thích nêu cái sai của người khác hoặc thích phê bình, chỉ trích... Đây là điều mà chư Thầy, Tổ trong các bài giảng, dạy Phật tử không nên làm. Vì nêu cái sai của ai, tức là nói xấu người ấy. Vậy là trong tâm đã có ý gây mối bất hòa, chia rẽ giữa người bị nhắc đến và người nghe. Ai thật lòng muốn bỏ tật kể lỗi người, xin học lời khuyên thật hay của Ấn Quang Đại Sư như sau: " Khi tĩnh tọa thường nghĩ đến điều lỗi của mình. Lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người". Xin được viết lại và thêm một chút để khắc sâu:

Nên nghĩ lỗi mình lúc tĩnh tâm,
Không nêu lỗi ai lúc nhàn đàm.
Tập tu được vậy cho nhẹ nghiệp,
Còn không, nghiệp khẩu hại xác phàm.

Còn Đức Đạt Lai Lạt Ma có lời nhắc nhở: " Chất chứa những cảm nhận tiêu cực đối với người khác

không phải là cung cách của Đạo Phật.". Đã là Phật tử, chúng ta cố gắng thực tập lời khuyên thật hay này.

Người viết có thêm mấy câu này nữa để tự nhắc nhở mình:

Cố tránh thật xa chuyện thị phi,
Chuyện ai mặc kệ, chớ bàn chi,
Đừng thấy nói ai, liền nhập cuộc,
Vì cho nghiệp khẩu chẳng có gì!

Và câu sau đây, ai thực hành được sẽ đem lại nhiều lợi lạc vì vừa tránh được tội, phước lại sinh vô lượng:

Bớt một lời thị phi,
Thêm một câu niệm Phật.

Theo chúng tôi nghĩ, muốn bỏ được lời thị phi, phải tập làm sao vừa chớm muốn nêu cái xấu của người là gạt bỏ ngay **và cố tìm mặt tốt của họ để nghĩ thôi.** Xin đọc mấy câu sau đây, người viết làm ra để tự khuyên và đôi lúc thấy cũng có hiệu quả:

Hãy nghĩ điều tốt của người,
Tâm ta sẽ được thảnh thơi nhẹ nhàng.
Nhìn ai thấy xấu hoàn toàn,
Trong lòng nặng trĩu như mang khối chì.

Thật vậy, ý của hai câu dưới, chắc không ai cho là sai. Nhưng nhiều người có thói quen thích kể lỗi người thì không kể đến chuyện ấy. Họ phải nói miễn sao thỏa được lòng không ưa, không thích người kia và lôi kéo người nghe về phía với mình là được. Nhưng đâu phải mọi lần nói xấu người đều suôn sẻ như ý mình muốn đâu. Đôi khi có tác dụng ngược lại là người nghe không tin và ngầm khinh rẻ người nói xấu. Còn có trường hợp tệ hại hơn nữa là có người gặp người này nói xấu người kia, gặp người kia nói xấu người này. Và do vậy lần lần họ bị bạn bè xa lánh vì sợ có ngày người ấy lại đi nói xấu mình. Ôi kết quả đưa đến có lúc thật hết sức đau lòng! Vậy thì tại sao ta không thử cố gắng học cách :

"Hãy nghĩ điều tốt của người.
Tâm ta sẽ được thảnh thơi nhẹ nhàng"

có hơn không? Kể ra, nói thì có vẻ dễ nhưng khi đem áp dụng mới thấy khó. Vì muốn thấy cái tốt của người, trước tiên mình phải tập bỏ tính ganh tỵ, đừng thấy ai hơn mình là ganh ghét. Chẳng hạn, thấy người quen biết bỏ ra một số tiền giúp người mổ bệnh tim, nếu ta sinh tâm hoan hỷ, tán thán việc làm ấy thì trước mắt lòng ta rất vui. Ngoài ra, nói theo Đạo Phật, ta đang Tùy hỷ công đức (2), có nghĩa thấy ai làm được việc lành, ta vui vẻ khen ngợi hoặc ra tay tiếp sức. Chỉ cần làm được một trong hai, công đức của người làm và người hưởng ứng ngang nhau. Vậy mới thấy người có tâm rộng rãi, công đức mỗi ngày một tăng. Còn người thấy ai cũng xấu, như gặp trường hợp vừa kể, họ sẽ sinh tâm ganh ghét... rồi gọi bạn bè để nói, chê bai, gièm pha đủ thứ... như thế đã chẳng tạo được phước, tội cứ ngày càng tăng lên.

Tiếp, xin nói về loại ác khẩu do bị đối xử xấu, ác. Trước tiên, hãy cố gắng học cách dạy của Đức Đạt Lai Lạt Ma như ở trên. Còn trường hợp thấy khó áp dụng quá, xin mời đọc bài "Học Hạnh Nhẫn Nhục hay Hạn Chế Sân Hận" đăng trong Chánh Pháp số 15 tháng 2 năm 2013 để thực tập. Riêng bản thân người viết, giờ này thấy áp dụng cách sau đây mang lại kết qủa rất nhiều:

Đạo Phật dạy nếu có ai đối xử xấu, ác với mình, đó là do nhân xấu mình đã gây trong quá khứ, nên nay phải nhận quả báo. Biết nhìn nhận như vậy, tâm sẽ dịu lại, không còn hậm hực, buồn tức nữa. Vì cứ coi như bụng làm, dạ chịu vậy mà, trách ai bây giờ. Xin thêm, lúc ấy phải nghĩ là không nhận quả báo bây giờ, rồi sau cũng phải trả thôi vì Luật nhân quả, không chạy trốn được. Còn cứ như theo kiểu "ăn miếng trả miếng" thì "Lấy oán trả oán, oán thêm chồng chất". Rốt cuộc rồi, cả hai bên chẳng ai là kẻ chiến thắng hoàn toàn vì trong cuộc hơn thua nào mỗi người đều còn giữ trong tâm mối hận khó phai.

Tới đây, người viết xin nêu một kinh nghiệm nhỏ là có một vài hoàn cảnh xảy ra trong cuộc đời bị người ta đối xử rất tệ, nhưng kết quả sau đó mình lại gặp thuận duyên để trở thành tốt hơn. Vậy nên từ ấy, chúng tôi rất tâm đắc với lời Phật dạy: **"Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ".** Quí vị cố nhớ lại xem trong đời mình có lúc nào kẻ đối xử tệ bạc với mình lại là người giúp đỡ mình không? Nếu có, hãy áp dụng lời Phật dạy ở trên một lần thử đi. Biết đâu quí vị chẳng những không giận họ nữa mà còn thầm cám ơn thì thật tuyệt vời. Bởi lúc ấy, tâm quí vị sẽ rất nhẹ nhàng, thư thái do không còn vướng mắc sự giận hờn, căm ghét nữa. Chính chúng tôi cũng đã có lần nhận được cảm giác ấy. Vì thế khi đọc bài thơ "Buông Xả", tác giả Quang Tuấn, chúng tôi đã rất thích thú ở hai câu kết:

Buông xả hết, nghe đời tươi đẹp quá,
Như bình minh xóa sạch bóng đêm thâu.

Theo nhận xét của chúng tôi, để đạt được kết quả tốt nhất, một người phải biết hổ nhục khi mình ác khẩu và lòng thực sự ăn năn, sám hối chừa bỏ lỗi lầm ấy. Việc tranh đấu với bản thân như thế thật rất khó làm nên Đức Phật mới dạy: **"Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình".** Tuy nhiên, nếu so sánh giữa hai loại ác khẩu: một bên do người khác xử xấu, ác với mình và vì không tự kìm chế được nên buông lời ác khẩu. Còn một bên, do tính mình ưa vạch vòi cái xấu của người. Chúng tôi nghĩ cái sau dễ trừ bỏ hơn với điều kiện người có tính ấy phải thấy nói xấu người là thiếu tâm từ bi hỷ xả.

Nay xin được phổ biến rộng rãi đề tài này. Kính mong quí vị nào thích, hãy cố gắng thực hành, làm sao loại bỏ bớt lời ác khẩu cốt tránh đi những phiền não, buồn bực... để có những ngày thật đẹp với tâm tư thơ thới như vào những buổi bình minh sau giông bão vậy.

Cuối cùng, nếu phần trình bày ở đây có giúp được cho một ai bỏ bớt tính ác khẩu, người viết xin đem hồi hướng công đức này về cho hết thảy pháp giới chúng sinh đều trọn thành Phật đạo./.

---

(1) Thêu dệt: ỷ ngữ ; Đâm thọc: lưỡng thiệt; Nói dối: vọng ngôn

(2) Tùy hỷ Công đức: Phật dạy: "Thấy người làm việc đạo đức, vui vẻ trợ giúp, được phước rất lớn." Sa môn hỏi: " Phước của người kia có hết chăng?".

Phật đáp: "Ví như lửa một cây đuốc, mấy trăm ngàn người, mỗi người cầm đuốc đến mồi, đem về thắp sáng, nấu cơm... Ngọn lửa cây đuốc này vẫn như cũ, phước cũng như thế.".

Ý nghĩa là sao? Lửa từ cây đuốc đầu tiên và lửa từ những cây đuốc do mấy trăm ngàn người tới mồi như nhau. Vậy người khởi tâm làm việc đạo đức và nhiều người vui vẻ trợ giúp, cả hai đẳng cùng hưởng phước bằng nhau.

Tại sao vậy? Tâm của chúng sinh, không nhiều thì ít, thường mang những tính xấu như: đố kỵ, kỳ thị, ganh tỵ, kiêu ngạo, ngã mạn, tự cao, coi cái ta rất lớn, không chịu thua người...Do lẽ ấy nên hễ thấy ai làm được điều lành, điều tốt là có phản ứng hoặc bằng cách chê bai, gièm xiểm hay bôi nhọ... Họ hành động vậy có thể là để làm giảm uy tín người làm, có thể để việc làm tốt kia thất bại hoặc gặp khó khăn... Cũng có thể họ làm vậy để nâng cao giá trị của mình hoặc để thỏa mãn lòng ganh tỵ...Từ đây ta nhận thấy người phải có tâm lượng rộng rãi mới dễ dàng vui vẻ trợ giúp người đang ra tay làm việc đạo đức.

Vậy người phát khởi ra làm việc thiện có lòng thành, tâm rộng hưởng phước được bao nhiêu thì người trợ giúp với tâm hoan hỷ, mừng vui cũng hưởng phước bấy nhiêu.

Xin mời đọc tiếp phần giải thích "tùy hỉ công đức" của Ban Biên Tập Thư Viện Hoa Sen dưới đây để học hỏi và áp dụng:

Vậy "tùy hỉ" nghĩa là gì?

Tùy hỉ có nghĩa là vui mừng theo, thấy tâm mình bừng lên niềm vui theo với niềm vui của người. Thí dụ: thấy ai gặp điều may mắn, mình cũng mừng với người ta, ai được mọi người ca ngợi, mình cũng thấy vui y như mình được ca ngợi vậy.

Ở đoạn dưới có ghi như sau:

Nhà Phật dạy rằng, nếu có người nào, dù nghèo quá đến nỗi không có tài vật để làm việc phước thiện, nhưng có tâm tùy hỉ với những việc thiện của người khác, thì người này cũng được hưởng thiện quả, bằng y như người có tài vật, để thực hiện được điều thiện đó.

Chúng ta biết rằng cốt tủy của Đạo Phật là chuyển tâm, từ tâm Mê thành tâm Giác. Cho nên, niệm tùy hỉ này phải từ chính tâm mình nổi lên, chứ không phải là trong lòng thì ghen ghét, nhưng ngoài miệng thì giả bộ nói lời "tùy hỉ". Ý khởi lên là đã tạo ra ý nghiệp. Khởi tâm ganh tỵ mà lại nói lời giả dối "tùy hỉ", thì còn phạm thêm nghiệp ác dối trá, chẳng có lợi gì trong việc tu tâm.

Do thấy việc làm Tùy Hỷ Công Đức đem lại rất nhiều lợi lạc nên chúng tôi đã tóm tắt cho dễ nhớ như sau:

Đẹp làm sao công đức tùy hỉ!
Thấy người làm lành không ganh tỵ,
Lòng khởi mừng vui và tán thán,
(hoặc: *Ra tay trợ giúp, lòng vui sướng*)
Hai đàng công đức hưởng bằng y.

Xin luôn ghi nhớ và áp dụng "tùy hỉ công đức" với tâm chân thật, khi thấy:

- người làm điều lành, thiện.
- người hơn mình (giàu có, tài giỏi...)

để bòn mót chút công đức và để tâm rộng mở thêm một ít mỗi ngày.

Vô thường

Cuộc sống vô thường!
Lòng người vô thường!
Đâu là vĩnh cửu?
Bóng tối hư vô...

Tìm về tinh khôi
Yêu thương mời gọi
Hồn theo gió cuốn
Dạt cõi vô biên

Ai kiếm tìm nhau
Hương đời mê gọi
Bến đỗ cuộc đời
Chỉ là mộng ảo…

thơ

Chị

Khói hương cô tịch sân chùa
Lá đa rơi rụng bốn mùa áo nâu
Chị quen sáng lễ chiều cầu
Lần tràng hạt để quên màu nhân gian
Một thời hương sắc đa mang
Tóc xanh đã xuống khép hàng mi cong
Cởi tình duyên, rũ đèo bồng
Sân si ái ố gửi trong cõi trần
Giàu sang gửi cõi phù vân
Tĩnh tâm tiếng mõ xa gần nhẹ êm
Thu mang chiếc lá bên thềm
Nghe xao xác cả tiếng đêm ngại ngần
Sáng nay có một bàn chân
Bâng quơ không bước, cõi trần lá rơi.

NGUYÊN HẬU

TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện
HUỲNH TẤN LÊ biên soạn

Trong bài viết hôm nay chúng tôi xin đưa lên đây một số câu hỏi mà hằng ngày quý Tăng Ni thường hay hỏi và cũng là thắc mắc chung của hầu hết mọi người. Những câu hỏi này có thể trùng hợp với hoàn cảnh của một vị nào đó đã hỏi tôi nhưng không phải là cố ý vì câu hỏi của quý vị cũng có thể là câu hỏi của người khác. Xin thông cảm, tất cả chỉ là những hướng dẫn bình thường giúp cho quý vị một câu giải đáp thích đáng cho một nghi vấn mà thôi.

Câu hỏi 1. Tôi đến Hoa kỳ theo diện R1 do chùa A đứng ra bảo lãnh, sau một thời gian tôi cảm thấy không thích hợp với chùa này và muốn di chuyển đến chùa B, nơi đây họ sẽ tiếp tục lo giấy tờ cho tôi. Việc tôi dời đi chùa khác có trở ngại gì không?

Trả lời: Đương nhiên là có nhưng có thể giải quyết được. R1 mà Sở Di Trú cấp cho quý vị có ghi tên chùa A. Ở bên dưới cùng của Visa cũng có ghi tên chùa A nữa, nghĩa là quý vị chỉ được làm việc tại chùa A mà thôi. Bây giờ di chuyển sang chùa B thì phải xin lại R1 mới. Một điều quan trọng ở đây là thời gian liên tục hai năm trước ngày nộp đơn R1 mới này phải được chứng minh. Dĩ nhiên thời gian ở VN thì quá tốt rồi vì có giấy chứng nhận cho tới ngày lên máy bay, còn thời gian ở chùa A thì làm sao có được giấy chứng nhận của vị trụ trì chùa A chứng nhận từ ngày đến Hoa Kỳ tới bây giờ làm việc liên tục đến lúc nộp đơn. Có như vậy thì việc xin R1 tại chùa B mới có kết quả.

Chư tôn đức Tăng Ni an cư kiết hạ tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, California, Hoa Kỳ, từ ngày 17 đến 27 tháng 6 năm 2013.

Câu hỏi 2. Chùa tôi có đủ giấy tờ nonprofit của tiểu bang và liên bang, chưa bao giờ xin R1 cho ai cả, bây giờ tôi muốn tiếp tục xin cho một vị ở một tiểu bang khác đang xin I-485 tại chùa A có được không?

Trả lời: đương nhiên là được nhưng phải xin lại R1 từ đầu như trường hợp trả lời câu hỏi 1.

Câu hỏi 3. Tôi không muốn xin thẻ xanh, tôi chỉ muốn ở lại Hoa Kỳ trong thời gian mà trên giấy approval của R1 cho phép có được không?

Trả lời: xin thưa là được vì trên nguyên tắc R1 là cho phép làm việc như vậy và mình có quyền xin gia hạn đến 5 năm cho mỗi lần đến Hoa Kỳ. Nếu quý vị ở lại làm việc thời hạn 2 năm rồi về nước và xin trở lại Hoa Kỳ trong lúc R1 vẫn còn thời hạn thì căn cứ trên ngày đóng dấu lần sau trên I-94, quý vị được quyền xin gia hạn tối đa là 5 năm kể từ ngày đến.

Câu hỏi 4. Tôi đến Hoa Kỳ trước đây hơn 5 năm, tôi đã nộp đơn I-485 nhưng bị từ chối, bây giờ tôi đang ở lại đây bất hợp pháp, tôi phải làm gì để được hợp pháp?.

Trả lời: không có gì để làm được, khi đã hết hạn thì phải rời Hoa Kỳ và như vậy mình có thể xin R1 trở lại dễ dàng. Trường hợp quy chế ân huệ ban hành sau này thì tùy theo sự quy định mình có thể xin được hay không. Thí dụ điển hình vào ngày 15.6.2012 căn cứ trên lời tuyên bố của Tổng Tổng Obama lúc đang tranh cử có hứa là ai đến đây trong hạn tuổi dưới 16 và tối đa là 30 tính đến ngày này, ở tại Hoa Kỳ tối thiểu 5 năm, tốt nghiệp high school hay có bằng tương đương đương hay đang đi học, không bị can án thì được quyền xin hợp thức hóa thẻ xin việc làm và được gia hạn sau hai năm, có nhiều cơ hội họ sẽ được quyền xin cấp thẻ xanh sau này. Đây là trường hợp "Deferred Action For Child-hood Arrivals". Đa số những người trẻ từ Mexico, tốt nghiệp High School tại đây đều được hưởng chương trình này.

Câu hỏi 5. Tôi rời Hoa kỳ về nước trễ gần 3 tháng, bây giờ tôi đang ở VN và muốn nhờ chùa A xin R1 có được không?

Trả lời: Luật Di Trú quy định bất hợp pháp đưới 180 ngày tức 6 tháng thì phải chờ 3 năm và trên 6 tháng thì phải chờ 10 năm. Tốt nhất là không nên ở bất hợp pháp.

Trong lần sau sẽ tiếp tục câu hỏi thứ 6.

Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soan Báo Chánh Pháp hay điện thư drlehuynh@gmail.com hoặc gởi thơ về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701.

CẢM NGHĨ VỀ "NGỌN LỬA THÍCH QUẢNG ĐỨC" CÁCH ĐÂY 50 NĂM

Đào Văn Bình

Khi cuộc đấu tranh của Phật Giáo nổ ra vào năm 1963 tôi mới chỉ là cậu sinh viên Đại Học Luật Khoa chuẩn bị thi lên năm thứ hai. Vì ở ngay Sài Gòn (Quận Ba) cho nên có dịp theo dõi báo chí, đài phát thanh, tuyền đơn, tài liệu và chứng kiến nhiều diễn biến quan trọng của cuộc đấu tranh.

Cuộc đấu tranh của Phật Giáo bắt nguồn từ công văn số 9195 gửi đi từ Phủ Tổng Thống do Ngô Đình Diệm ký ngày 6/5/1963 ra lệnh triệt hạ cờ Phật Giáo nhân Lễ Phật Đản tại Huế. Trước đó lễ ngân khánh của Giám Mục Ngô Đình Thục cờ Thiên Chúa Giáo (cờ Vatican) treo đầy đường thì được. Còn cờ Phật Giáo treo nhân Ngày Phật Đản thì bị cảnh sát gỡ xuống. Hành động này khiến Phật Giáo đồ Huế hoang mang, bất mãn vì nó bày tỏ chính sách kỳ thị tôn giáo rõ ràng. Rồi cuộc thảm sát tám thanh thiếu niên Phật tử tại Đài Phát Thanh ngày 8/5/1963 đã khiến Phật tử - từ hoang mang, bất mãn trở nên kinh hoàng và phẫn uất và cuộc đấu tranh của Huế bắt đầu. Cuộc thảm sát này được bác sĩ Đức Erich Wulff lúc đó đang dạy tại trường Đại Học Y Khoa Huế mô tả rất kỹ trong cuốn hồi ký mang tên "***Vietnamesische Lehrjahre" (Những năm dạy học tại Việt Nam 1961-1967)***

Khi những tin tức về cuộc triệt hạ cờ Phật Giáo và thảm sát tại Huế được đưa vào Sài Gòn thì cuộc đấu tranh lan tỏa ra cả nước với khí thế không ai tưởng tượng nổi. Do nhu cầu kết hợp đấu tranh, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo ra đời ngày 25/5/1963 tại Chùa Ấn Quang với Tuyên Ngôn 5 điểm trong đó yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm:

1. "*Thu hồi vĩnh viễn công điện triệt giáo kỳ của Phật Giáo*"
2. "*Phật Giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Đạo Dụ số 10*"
3. "*Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật Giáo.*"
4. "*Yêu cầu cho tăng, tín đồ Phật Giáo được tự do truyền đạo và hành đạo*"
5. "*Yêu cầu chính phủ bồi thường một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức.*"

Thay vì thực tâm giải quyết vấn đề, chính quyền Ngô Đình Diệm tiếp tục dùng thủ đoạn đàn áp, chụp mũ, gây chia rẽ, "*cho mật vụ tới các chùa canh chừng, dò xét, hăm dọa, theo dõi và khủng bố*" (Sách Phật Giáo Tranh Đấu của Thanh Thương Hoàng Xb năm 1963). Còn nhà báo Vũ Bằng trong cuốn hồi ký "Bốn Mươi Năm Nói Láo" viết, "***Nhà họ Ngô khát máu tiếp tục thi hành chính sách cường hào ác bá, giết kỳ hết những người phản đối họ.***" Tới mức này thì sinh viên Huế nhập cuộc trong đó có Trường Đại Học Y Khoa, Trường Đại Học Sư Phạm, Trường Đại Học Văn Khoa, Trường Đại Học Luật Khoa, Trường Đại Học Khoa Học, Viện Hán Học, Trường Cán Sự Y Tế và Điều Dưỡng, Trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia, Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật và Trường Quốc Gia Âm Nhạc. Và trong số cả chục ngàn tăng/ni, sinh viên, Gia Đình Phật Tử tranh đấu trên toàn quốc, có một người mà trước đó chưa ai biết tên đã phát nguyện thiêu đốt thân mình – một chuyện hi hữu chưa từng có để "*cúng dường chư Phật và để tránh cho Phật Giáo khỏi tiêu vong*" (*Tài liệu Phật Giáo*) tự tay viết Lời Tâm Huyết để lại trong đó có đoạn thống thiết như sau, "*Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.*" (*Tài liệu Phật Giáo*)

Vào lúc 10 giờ trưa ngày 11/ 6/1963 khi chiếc xe Austin chết máy ngừng lại giữa ngã tư Phan Đình Phùng & Lê Văn Duyệt, một vị sư đĩnh đạc bước xuống. Ngài ung dung ngồi xuống tấm nệm giữa lòng đường. Áo ngài đã được tẩm săng. Một vị sư trẻ bước tới đổ thêm săng trên đầu ngài và ngài bình tĩnh bật lửa. Lúc này 500 tăng ni đứng vây quanh vẫn chưa hiểu chuyện gì. Nhưng khi ngọn lửa bùng lên mà ngài vẫn ngồi tĩnh tọa như một pho tượng thì tất cả đều kinh ngạc không tin vào mắt mình. Rồi từ kinh ngạc tới bàng hoàng, rồi từ bàng hoàng tới xúc động và òa lên khóc. Người ta quỳ xuống vái lậy ngài như vái lậy một thiên thần, một vị a-la-hán, một bồ tát và một vị Phật, một siêu nhân. Trong phút giây quá bất ngờ và xúc động mà thi sĩ Vũ Hoàng Chương gọi là "*Thế giới ba nghìn, phút giây ngơ ngác*" hoàn toàn ngưng đọng và bi thống đó, có một người đang âm thầm làm nhiệm vụ của mình. Đó là nhà báo kiêm nhiếp ảnh gia Malcolm Browne - trong một phút giây tuyệt vời đã ghi lại một biến cố lịch sử có tầm vóc thế kỷ. Khi tấm ảnh xuất hiện trên trang nhất các báo lớn ở Mỹ ngày hôm sau, đã gây chấn động trong chính quyền và nhân dân Mỹ. Cầm tờ báo trên tay, tài liệu Tòa Bạch Ốc ghi lại rằng Tổng Thống Kennedy rùng mình và nói với các cố vấn thân cận, " *We have to do some-thing to this regime*." (Chúng ta phải làm một cái gì

đó đối với chế độ này) tức Ngô Đình Diệm. Sau đó tin tức và hình ảnh đã lan ra khắp thế giới làm chấn động lương tâm nhân loại. Nhờ tấm hình này mà Malcolm Browne đã đoạt giải thưởng Pulit zer còn nhà báo David Halberstam, cũng được trao giải thưởng này nhờ bản tường thuật về cuộc tự thiêu. Malcolm Browne nay không còn nữa. Ông qua đời ngày 27/8/2012 tại New Hampshire thọ 81 tuổi. Xin dành một phút im lặng để tưởng nhớ người ký giả này. Nếu không có ông thì bất quá hình ảnh tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức chỉ phổ biến trong nước chứ không thể lan rộng toàn thế giới như thế. Theo AP thì "*Điện thoại gọi đi từ Chùa Xá Lợi tới một số phóng viên có chọn lựa của các hãng thông tấn ngoại quốc cho biết "Ngay mai, tại nơi đó sẽ có một diễn biến rất quan trọng xảy ra.*" Thế nhưng chỉ mình ông có mặt. Thật may mắn thay cho Phật Giáo Việt Nam.

Cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức kéo theo cuộc tự thiêu của sáu chư tăng ni khác, đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh. Hầu như toàn thể dân chúng Sài Gòn và Huế để tang ngài như để tang cha mẹ mình. Giờ đây cuộc tranh đấu không còn là của quý thầy nữa là trở thành cuộc đấu tranh của quần chúng. Sau gần một thế kỷ dưới ách thực dân, rồi qua bảy năm dưới chế độ "quốc gia" của Bảo Đại và chín năm dưới chế độ gia đình trị - Phật Giáo như một thân cây khô héo bị vùi dập – tưởng đã chết - nay gặp tiết xuân bỗng đâm chồi nảy lộc và hồi sinh - chuyện không thể tưởng tượng nổi. Có thể nói mọi tầng lớp đều tham gia cuộc đấu tranh. Hăng say nhất là tầng lớp học sinh, thanh niên, sinh viên. Hầu hết các trường học, đại học đều tự động bãi khóa và xuống đường biểu tình liên tục. Rồi thành phần lao động đình công, bãi thị. Dễ thương nhất là quý bà, các mẹ, các chị - nhất là chị em ở Chợ Bến Thành. Cứ nhìn vào hình ảnh đấu tranh còn lưu lại ngày hôm nay thì mới thấy công lao của phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn này. Trong một cuộc phỏng vấn Malcolm Browne đã nói như sau "*Ngay lập tức, những cuộc biểu tình khổng lồ xuất hiện, không phải chỉ giới hạn trong hàng ngũ tăng ni mà còn lôi kéo số lượng lớn lao người dân bình thường ở Sài Gòn.*" (AP) Bạo quyền dù giỏi biết bao thủ đoạn tàn độc cũng không sao đàn áp nổi. Mà càng đàn áp thì thế giới lại càng lên án khiến chính phủ Mỹ vô cùng lúng túng. Chính vì thế mà Ngô Đình Diệm đã phải ra lệnh họp với Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo để ký kết Thông Cáo Chung vào ngày 16/6/1963, tạm thời thỏa mãn những đòi hỏi của Phật Giáo mà đại diện chính quyền gồm có Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ, Bộ Trưởng Phủ Tướng Nguyễn Đình Thuần, Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương. Và chính tay Ngô Đình Diệm đã phó thự tức "endorse" vào bản văn này. Thế nhưng đây chỉ là kế hoãn binh. Sau Bản Thông Cáo Chung, bạo quyền tiếp tục phong tỏa chùa chiền, khủng bố, bắt bớ tăng ni, Phật tử, đồng thời tổ chức những cuộc biểu tình của thương phế binh để bôi lọ các thầy, ép dân chúng ở các thôn xã viết kiến nghị yêu cầu tổng thống xét lại Bản Thông Cáo Chung, lên án Phật Giáo, cho thành lập Giáo Hội Cổ Sơn Môn để chia rẽ Phật Giáo. Cao Xuân Vỹ - Tổng Giám Đốc Thanh Niên dự định tổ chức một cuộc biểu tình đại quy mô của Thanh Niên, Thanh Nữ Cộng Hòa để yêu cầu tổng thống xét lại và chờ lệnh phân công. Cao điểm của chiến dịch đàn áp là cuộc tấn công vào Chùa Xá Lợi – trung tâm, đầu não của cuộc đấu tranh của Phật Giáo nửa đêm ngày 20/8/1963 bắt đi tất cả tăng ni, kể cả Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết. Thế nhưng số phận của bạo quyền đã an bài. Chỉ hơn hai tháng sau, vào ngày 1/11/1963 giữa không khí căng thẳng, u ám, nghẹt thở và trông chờ của Sài Gòn, quân đội đã đứng lên làm cuộc đảo chính, lật đổ chế độ độc tài gia đình trị đã gây tang tóc cho người dân suốt chín năm trời.

Cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức cho chúng ta thấy Đại Hùng, Đại Lực, Đại Trí, Đại Từ và Đại Bi của Phật Giáo là có thật. Nó không phải là phép mầu của thần linh mà là sự tu chứng bản thân.

- Đại hùng là không sợ chết, ung dung, tự tại hy sinh mạng sống của mình.
- Đại lực là vượt qua sự đau đớn của thế xác mà chỉ bậc đại định mới có thể làm được.
- Đại trí là - nếu mình không chịu hy sinh thì đại cuộc không thành. Lúc đó tăng ni chỉ còn cách trốn qua Cao Miên để sống và Phật Giáo chắc chắn sẽ diệt vong.
- Đại từ, đại bi là không hề oán hận mà còn chúc lành cho kẻ đang bách hại mình và tôn giáo của mình. Chỉ có bậc đại giác nói trắng ra chỉ có Phật Giáo mới có thể làm được chuyện đó.

Nửa thế kỷ đã qua đi. Theo luật vô thường, những biến cố chính trị lớn lao của Miền Nam rồi cũng dần dần đi vào quên lãng theo ngôn ngữ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương trong bài thơ Lửa Từ Bi:

"Ngọc đá cũng thành tro,
Lụa tre dần mục nát".

Thế nhưng cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức vẫn còn nằm mãi trong ký ức của dân tộc. Nó ghi dấu một giai đoạn bi thương của Phật Giáo Việt Nam nhưng cũng thật hào hùng. Qua đó chúng ta rút ra được hai bài học cho thế hệ mai sau.

Thứ nhất: Phật Giáo là máu thịt, là linh hồn của dân tộc. Qua mấy ngàn năm, lịch sử chứng tỏ Phật Giáo không có tham vọng gì ngoài việc tu chứng bản thân, nguyện cầu cho 'quốc thái dân an", mọi người sống trong tinh thần thương yêu đùm bọc lẫn nhau "chín bỏ làm mười" và gìn giữ di sản của cha ông để lại. Cái linh hồn đó, cái mạch sống đó đã thấm sâu vào gốc cây đa đầu làng, giếng nước đầu đình, bờ kinh thửa ruộng, làng quê, phảng phất trong làn khói lam chiều mờ tỏa, quyện vào câu hò Miền Trung, tiếng hát quan họ Bắc Ninh, tiếng Vọng Cổ u buồn của Miền Nam, thể hiện qua cách ăn cách ở lễ Tết của người dân, ghi đậm vào văn học sử và vào lịch sử oai hùng của dân tộc qua các triều đại Đinh-Lê-Lý-Trần. Nói khác đi, Phật Giáo là bản sắc Việt Nam. Nếu bản sắc ấy mất đi thì 4000 ngàn năm văn hiến và 4000 năm lịch sử cũng lần hồi biến dạng rồi bị chôn vùi theo.

Thứ hai: Tôn chỉ của Phật Giáo là Từ Bi, Hỉ Xả. Vậy trong tương lai, nếu phải đấu tranh cho sự tồn vong của Phật Giáo thì phải đấu tranh trong tinh thần ***bất bạo động*** như các vị tiền bối năm 1963 đã làm. Điều đó có nghĩa là chúng ta chấp nhận hi sinh nhưng không được xử dụng bạo lực, kỳ thị, kích động hận thù, đốt phá, giết chóc, lật đổ, đánh bom hay bom tự sát và không được làm tổn hại tới sinh mệnh, tài sản của đối tượng mà chúng ta đang tranh đấu.

Trong tinh thần đó, giống như lời nguyện cầu của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, dù "*vần điệu của thi nhân chỉ là rơm rác*" nhưng chúng ta cùng:

Tụng cho nhân loại hòa bình.
Trước sau bền vững tình huynh đệ này.
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Đào Văn Bình

Hai vẻ đẹp của Nhất Linh

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

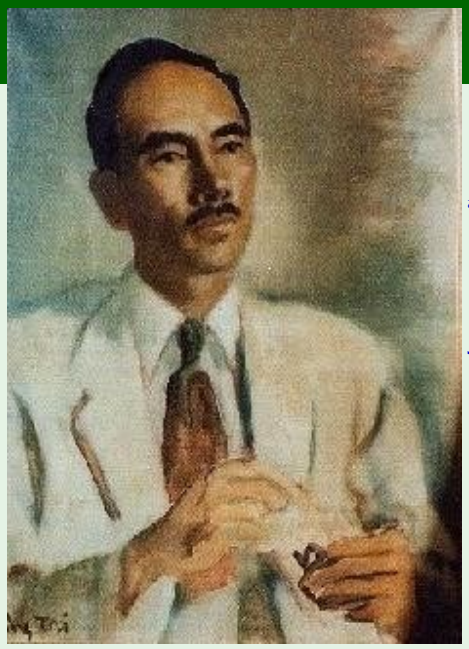

Chân dung Văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam qua nét vẽ của Họa sĩ Nguyễn Gia Trí.

Tháng 10 năm 2010 vừa qua một họa phẩm hiếm quí của Nhất Linh đã được bán đấu giá tại Hồng Kông.

Sotheby's nhà bán đấu giá nghệ phẩm danh tiếng cho biết lần đầu tiên một bức họa của Nguyễn Tường Tam được bầy bán trên thị trường thế giới.

Bức họa mang tên Cảnh Phố Chợ Đông Dương (Scène de Marché de rue Indochinois) vẽ trên vải lụa, khổ 20×36 IN, thực hiện trong khoảng năm 1926-1929, do một tư nhân bên Pháp đặt bán với giá khởi đầu 25,000-32,200 Mỹ kim.

Một người ẩn danh đã mua được với giá 596,000 đô la Hồng Kông, tương đương với 75,000 Mỹ Kim.

Sotheby's trang trọng giới thiệu bằng Anh ngữ tác giả Nguyễn Tường Tam và bức họa của ông mà tôi tạm dịch sang tiếng Việt như sau:

"Cảnh Phố Chợ Đông Dương đánh dấu lần đầu tiên một họa phẩm của Nguyễn Tường Tam xuất hiện trên thị trường quốc tế.

Sinh năm 1905 tại Hải Dương (Bắc Việt) trong một gia đình nghèo Nguyễn Tường Tam khi còn rất nhỏ tuổi đã sớm mất cha, một vị thông phán. Mặc dù gặp nghịch cảnh khó khăn tất cả bầy người con của gia đình Nguyễn Tường đã cố vươn lên để sau này trở thành những người nổi danh có những đóng góp đáng kể cho đất nước và cho nền văn hóa Việt Nam.*

Nguyễn Tường Tam, bút hiệu Nhất Linh, cùng với người bạn văn Khái Hưng, đã sáng lập ra hội văn hóa Việt Nam nổi tiếng mang tên Tự Lực Văn Đoàn.

Ông cũng là sinh viên đợt đầu tiên của Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Bạn cùng lớp với ông có Lê Phổ, Nguyễn Phan Chánh, Lê Văn Đệ, Mai Trung Thu, Georges Khán, Công Văn Trung và Lê Ang Phan, những người mà sau này được xem là tầng lớp họa sĩ tiền phong cho nền hội họa Việt Nam hiện đại.

Cảnh Phố Chợ Đông Dương với màu sắc ấm cúng và tinh tế, với đường nét duyên dáng trên vải lụa thanh tú đã thể hiện hết vẻ đẹp tuyệt vời của tranh lụa vốn là nét độc đáo của Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Mô tả cảnh sinh hoạt rộn rịp của một ngôi chợ điển hình miền Nam bộ, với đàn bà và trẻ con làm chủ điểm, bức tranh cho thấy sự lưu tâm của người nghệ sĩ đối với đời sống xã hội, và có lẽ nó hé mở cho thấy tương lai của ông sau này là người rất nhạy cảm trước những biến chuyển về xã hội cũng như về văn hóa của đất nước ông.

Năm 1927, mặc dù có thực tài vẽ, Nguyễn Tường Tam đã tự ý rời bỏ Trường Mỹ Thuật để theo đuổi nghề báo và viết văn, với sự luyến tiếc vô cùng của các giáo sư nhà Trường, đặc biệt là của họa sĩ kiêm giám đốc Victor Tardieu.

Nhà cầm quyền Pháp hồi ấy không mấy yên tâm về quyết định của ông vì đây là một thời kỳ chuyển tiếp của Đông Dương: một thời kỳ cách tân từ cũ qua mới làm lay động cấu trúc xã hội và chính trị trên mảnh đất thuộc địa này của người Pháp.

Để có thể trở thành một "nghệ sĩ tự do" Nguyễn Tường Tam tiếp tục vẽ tranh lụa và mở vài cuộc triển lãm ở Hà Nội, Sài Gòn và Nam Vang. Không một ai biết chắc là hồi trẻ ông đã vẽ bao nhiêu bức tranh. Mặt khác những tiểu thuyết của ông được xem là có tính cách mạng và ông bị mật thám Pháp theo dõi kỹ.

Sau năm 1929, Tam thôi vẽ và thành lập báo Phong Hóa ở Hà Nội, một tờ báo nổi tiếng và là cơ quan tiền phong cổ vũ cho sự đổi mới, đả phá những ý niệm cổ hủ thay bằng những tư tưởng tiến bộ, đưa đến sự tiến hoá về xã hội cũng như về giáo dục.

Tam không những được xem là vị lãnh đạo trên địa hạt văn học nghệ thuật, ông còn là tiểu thuyết gia mới hàng đầu, đồng thời là một chính trị gia được nhiều người biết tới. Ít người biết ông là một họa sĩ bởi lẽ trải qua bao nhiêu biến cố và thời gian không còn bao nhiêu họa phẩm của ông sống sót.

Một bức tranh với khổ khá lớn và được bảo tồn kỹ như bức tranh này, Cảnh Phố Chợ Đông Dương quả là họa phẩm cực hiếm, bởi vì không những không còn nhiều những tranh như thế tồn tại, mà còn bởi vì nó cung cấp thêm một cái nhìn quan trọng vào trong di sản của ông, một trong những người Việt Nam Mới tiền phong nổi danh."

(MODERN AND CONTEMPORARY Southeast Asian Painting Hong Kong 4 October 2010, trang 116)

Nguyễn Tường Tam, Cảnh Phố Chợ Đông Dương (Scène de Marché de rue Indochinois, 1926-29)

Tháng 10 vừa qua tôi nhận được từ nam Cali một cú điện thoại khiến tôi sửng sốt.

Bác sĩ Hà Quốc Thái một người tôi quen biết báo cho tôi là ở Hồng Kông họ vừa bán đấu giá một bức tranh của ông cụ tôi.

Anh Thái là một người sưu tập tranh quí, anh tỏ ý tiếc là đã không mua được bức tranh ấy vì đã có

người trả quá cao (trên Sotheby's website bức tranh đã được bán với giá 596,000 Hồng Kông đô-la, khoảng 75,000 Mỹ kim).

Mặc dù chưa nhìn thấy bức tranh chỉ nghe anh Thái nói đó là một bức họa lớn vẽ cảnh chợ trên vải lụa và ký tên TAM, tôi đặt ngay câu hỏi về tính trung thực của bức tranh ấy. Bởi nhiều lẽ: thứ nhất là sau gần nửa thế kỷ sưu tập những di cảo của ông cụ tôi chưa hề trông thấy hoặc nghe nói đến một bức tranh nào tương tự như thế, thứ hai là trong tất cả tài liệu và tranh vẽ của ông cụ mà tôi cất giữ đều ký tên hoặc là NHẤT LINH hoặc là TƯỜNG TAM, chứ không bao giờ ký TAM không thôi.

Thấy tôi tỏ ý nghi ngờ anh Thái hứa gửi tôi quyển sách của nhà Sotheby's để tôi so chữ ký ông cụ và anh cũng nói thêm nhà bán đấu giá Sotheby's là một cơ quan uy tín quốc tế rất lâu đời không bao giờ có chuyện họ bán một bức tranh giả mạo. Sau khi nhận được quyển sách nhìn chữ ký và so với chữ TƯỜNG TAM ký trên bức thư từ chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao của ông cụ thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa: chữ Tam ký trên tranh giống chữ Tam trên bức thư.

Bức tranh này được vẽ khi ông cụ tôi ở trong khoảng từ 20 đến 23 tuổi, có lẽ hồi đó ông chưa có bút hiệu Nhất Linh.

Nhìn bức tranh tôi bàng hoàng. Mối xúc động đó của tôi hoàn toàn có tính cách cá nhân. Đó là tâm trạng của một đứa con lần đầu tiên được nhìn thấy một họa phẩm mà nó chưa từng nhìn thấy của người cha thân yêu. Hơn thế nữa bức tranh như một cánh cửa vừa hé mở lộ ra một phần đời của cha nó mà nó chưa hề biết tới.

Tôi nhìn bức tranh mà như không nhìn tranh. Hình ảnh hiện lên trong tôi là tác giả bức tranh ấy, một cậu thanh niên mới ngoài 20 tuổi, đứng trước một giá vẽ họa cảnh phố chợ Sài Gòn gần 90 năm xưa.

Tôi tự hỏi tại sao bức tranh này lại là cảnh phố chợ ở Sài Gòn mà không phải là cảnh chợ Hà Nội hay một làng quê đất Bắc? Dịp nào mà cha tôi trong thập niên 20 của thế kỷ trước đã có phòng triển lãm tranh ở Sài Gòn và Nam Vang? Nguyên do nào khiến ông đã phiêu lưu rời xa Hà Nội sớm thế khi ông mới hai mươi mấy tuổi đầu?

Tôi tìm thấy câu trả lời trong vài dòng ngắn ngủi sau đây khi đọc lại tiểu sử Nhất Linh. Thụy Khuê trong cuốn sách Nhất Linh, người nghệ sĩ người chiến sĩ, cho biết: "Cuối năm 1923 ông đậu bằng Cao Tiểu. Nhưng vì chưa đến tuổi vào trường cao đẳng, nên làm thư ký sở tài chính Hà Nội, kết duyên văn nghệ với Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, viết Nho Phong. Lấy vợ và theo ban cao đẳng.

Lúc đầu, năm 1924 học thuốc được một năm thì bỏ, chuyển sang học Mỹ Thuật, được một năm cũng bỏ. Năm 1926 Nguyễn Tường Tam vào Nam, gặp Trần Huy Liệu, Vũ Đình Di định cùng làm báo. Nhưng vì tham dự đám tang Phan Chu Trinh, hai người này bị bắt, Nguyễn Tường Tam phải trốn sang Cao Miên, sống bằng nghề vẽ và tìm đường đi du học".

Như vậy là trong thời gian ở Sài Gòn và Nam Vang cha tôi đã sống bằng nghề vẽ. Ông tổ chức những buổi triển lãm để bán tranh và một trong những bức ấy có một người (Việt hay Pháp?) mua được đem qua Pháp để hơn 80 năm sau bán đấu giá ở Hồng Kông: đó là bức tranh tôi đang nhìn ngắm được chụp lại và in trong cuốn sách của nhà Sotheby's.

Ngắm bức tranh tôi ngẩn ngơ. Lần đầu tiên tôi thấy một họa phẩm lớn của ông vẽ trên vải lụa. Những bức tranh mà tôi sưu tập được là những bức nhỏ cha tôi vẽ sau này, phần lớn là những bản phác họa trên giấy vẽ hoa lan, vẽ phong cảnh Đà Lạt… Trước sau tất cả các họa phẩm này đều toát lên một vẻ đẹp thật sự của tài hoa.

Mặc dù sau năm 1929 ông cụ tôi không sống về nghề vẽ như một họa sĩ chuyên nghiệp nhưng lòng mê say hội họa của ông vẫn theo ông cho đến cuối đời. Ông dùng tài vẽ của mình, theo từng giai đoạn, hoặc để làm báo, hoặc vẽ theo cảm hứng.

Với Phong Hóa, Ngày Nay trước kia ông ký tên Đông Sơn và sau này với Văn Hoá Ngày Nay ông ký tên Nhất Linh trên những bức vẽ. Phần lớn những tranh tôi giữ được là những bức cha tôi vẽ theo cảm hứng trải qua nhiều giai đoạn của đời ông.

Từ bức tranh Cúc Xưa vẽ ở Hồng Kông năm 1948, bức Cathédrale de Bourges ở Paris năm 1954, cho đến bức Phong cảnh Đà Lạt năm 1958… Đặc biệt là trong những năm 1956-58 hồi chúng tôi ở Đà Lạt, tôi chứng kiến cha tôi trong những buổi đi chơi xa hoặc đi tầm lan ông thường vẽ phác phong cảnh và hoa phong lan trên một cuốn sổ tay. Thời gian này tôi thấy ông vẽ còn nhiều hơn là ông viết nữa.

Bức tranh Cảnh Phố Chợ Đông Dương mới khám phá này còn gây cho tôi thêm một thắc mắc. Vì lẽ gì mà người nghệ sĩ trẻ tuổi tài hoa ấy lại tự ý rời bỏ Trường Mỹ Thuật để theo đuổi nghề báo và viết văn?

Để trả lời cho câu hỏi này một người bạn của ông cụ tôi, nhà văn Trương Bảo Sơn, giải thích: "Ở trường Mỹ Thuật anh tin tưởng đời anh sẽ là một họa sĩ, thực là thích hợp với tâm tồn nghệ sĩ của anh. Anh mê say hội họa, nhưng rồi sau một năm, một hôm cùng bạn theo giáo sư về vùng quê vẽ mấy con trâu, anh nhận thấy cái cảnh nghèo khổ của dân quê và sự vô lý của công việc anh đang làm: trong lúc dân chúng bao nhiêu người còn phải sống trong cảnh "bùn lầy nước đọng", anh lại có thì giờ đi vẽ trâu".

Ông Trương Bảo Sơn là người rất thân cận với ông cụ tôi, chắc hẳn là đã được nghe chính ông cụ tôi tâm sự, nên đoạn trích của ông về lý do ông cụ bỏ hội họa là cực kỳ quí giá và quan trọng vì phản ảnh đúng tâm trạng ông cụ tôi.

Mặc dù không còn gì để nghi ngờ nữa tôi vẫn muốn tìm hiểu thêm lý do khiến ông cụ tôi bỏ vẽ và tôi đã được soi sáng hơn khi đọc kỹ lại truyện ngắn HAI VẺ ĐẸP của Nhất Linh. Trong truyện tác giả TAM của bức tranh kia hoá thân thành nhân vật DOÃN. Chỉ khác một điều: Tam là họa sĩ trước khi Đi Tây. Còn Doãn là họa sĩ khi từ Pháp trở về.

Nhất Linh tả họa sĩ Doãn vẽ cảnh chợ ở một làng quê, gần gũi với cảnh chính ông vẽ trong bức Cảnh Phố Chợ Đông Dương:

Biết là có phiên chợ, Doãn dậy sớm ra ngồi ở hàng nước đầu làng để đón những người gồng gánh đi qua. Chàng cần lấy dáng điệu một bọn người gánh hàng, vì chàng đương làm dở một bức bình phong sơn vẽ cảnh chợ nhà quê.

Doãn vẽ mỏi cả tay mà vẫn còn muốn vẽ. Giở cuốn sổ tay xem lại, chàng thấy nhiều dáng rất linh động. Nhưng chàng vẫn nhận thấy nó sai hẳn sự thực; người ở trang giấy đẹp đẽ, sạch sẽ khác xa những người thật xấu xí, bẩn thỉu, tiều tụy đi diễn qua trước mắt chàng từ sáng đến giờ…

Nhất Linh diễn tả tâm trạng của Doãn khi vẽ một cảnh nghèo khó như sau:

Doãn lim dim mắt nhìn cái mái nhà gió đêm qua thổi bay từng mảnh để hở cả rui tre. Chàng toan chữa lại bức tranh, nhưng sao lại thôi, vì chàng cho thế là vụn vặt quá. Những cái mái nhà thủng làm chàng lo sợ; nếu mai kia họ đem ra mới lợp lại, màu mái nhà đổi khác thì bức tranh của chàng đành vứt đi. Chàng cúi xuống vẽ thật mau. Được một lúc chàng tự nhiên mỉm cười vì một ý ngộ nghĩnh thoáng hiện trong óc:

– Mình chỉ cốt vẽ, muốn cho người ta ở nhà dột mãi, không cho người ta lợp lại mái nhà nữa…

Rồi chàng buồn rầu tự hỏi làm sao họ lại có thể sống trong cái nhà đó được.

Người hoạ sĩ trong truyện cuối cùng tìm thấy chân lý: đó là sự khám phá ra vẻ đẹp thứ hai trong Hai Vẻ Đẹp của cuộc đời:

Doãn táy máy rứt một cây cỏ đưa lên miệng nhai lá. Mùi đất ở rễ cỏ chàng tưởng như một mùi thơm của thời quá vãng còn vương lại, để chàng nghĩ đến cái ý nghĩ của quê hương. Doãn thấy mình đã bao lâu nay sống ở giữa chốn quê như một người xa lạ; bây giờ chính những cảnh nhem nhuốc của quê hương đã kích thích chàng, xúi giục chàng quay về với quê hương và mong mỏi cho quê hương trở nên đẹp đẽ. Đời của đám dân quê đã bao lâu bị chàng thờ ơ, lạnh nhạt, bỏ quên như xác những con vờ bến sông kia, từ lâu chàng sẽ săn sóc tới.

Thoáng một lúc chàng thấy hiện ra, trên những làng xóm ngủ yên, in bóng xuống các ruộng nước rải rác ở chân trời, những cảnh đẹp khác hẳn những cảnh đẹp vẫn phô diễn trong tranh: đó là những cảnh đời đẹp đẽ sáng sủa mà mấy tháng trước đây chàng đã có lần tưởng đến, nhưng cho là không bao giờ thành được sự thực. Doãn ngẫm nghĩ:

– Ta phải hết lòng đi tìm cái đẹp ấy cho người khác, cũng như là bấy lâu ta đi tìm cái đẹp về hình sắc để ghi trên vải lụa.

Hai Vẻ Đẹp của Nhất Linh nói lên hết.

Từ hội họa chàng họa sĩ đã nhìn thấy một cái đẹp khác: vẻ đẹp cao cả của cách mạng làm cho đời tốt hơn.

Và chàng sau đó đã thực sự lên đường đi tìm vẻ đẹp thứ hai cho đời ông và cho quê hương ông. Hành trang lên đường là điều tâm niệm sau đây của André Gide mà ông đã đặt làm lời mở cho truyện Hai Vẻ Đẹp:

Anh phải luôn luôn tự nhủ rằng đời người có thể đẹp đẽ hơn: đời của anh và đời của những người khác.

Nguyễn Tường Thiết

---

* Nguyễn Tường Tam sinh ngày 25-7-1906 nhưng bởi muốn đủ tuổi để đi thi, ông đã làm lại giấy khai sinh tăng thêm một tuổi, do đấy trên giấy tờ ghi ngày sinh là 1-2-1905. (Chú thích của NTT)

(Nguồn: vietthuc.org)

Trải lòng

thơ

Có lần chạm cái bắt tay
lạnh nhạt kẻ cả
Mới hay mình lầm
Bạn bè nào dễ tri âm
Bàn tay vô cảm xa dần trái tim

Có lần bắt gặp cái nhìn
lạnh nhạt kẻ cả
Mới tin mình buồn
Khúc sông còn có vô thường
Nổi chìm bao bận còn thương đời người

Có lần nhìn thấy nét môi
lạnh nhạt kẻ cả
Mới thôi nặng lòng…
Mỉm cười nhìn ngắm thinh không
Bắt tay cuộc sống trải lòng mà vui.

TÔN NỮ THANH YÊN

TƯỞNG NIỆM NHẤT LINH

Nguyễn Tường Tâm

L.T.S.: Bài này do ông Nguyễn Tường Tâm viết từ năm 2008, với tựa đề "Tưởng Niệm Nhất Linh, 7.7.1963 – 7.7.2008." *Chánh Pháp trích đăng lại năm nay, 2013, để tưởng nhớ Nhất Linh, một chí sĩ vĩ đại, một phật-tử chân chánh thuần khiết, một văn hào sáng giá lẫy lừng nhất của Việt Nam từ mấy trăm năm qua. Thiết nghĩ, bài tưởng niệm này không bị hạn cuộc bởi thời gian, chúng tôi xin mạn phép rút ngắn tựa đề lại. Thành thật cảm ơn tác giả và trân trọng giới thiệu đến bạn đọc.*

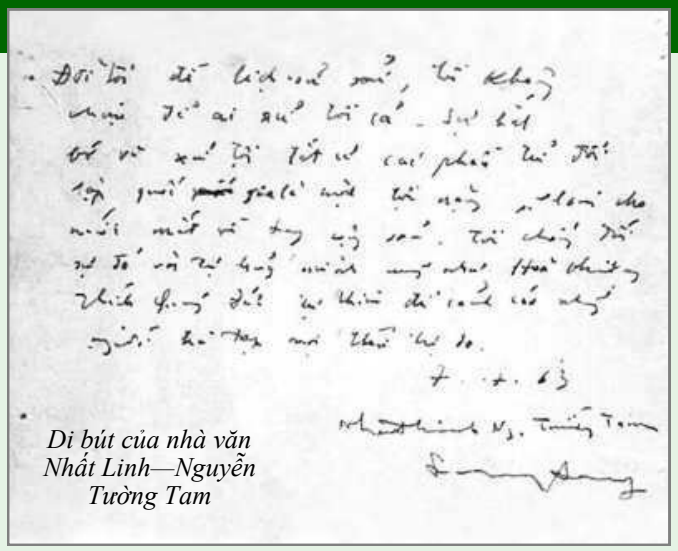

Di bút của nhà văn Nhất Linh—Nguyễn Tường Tam

"Than ôi! Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi; Việc văn chương một tấc để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn."
(Trích bài truy điệu Nhất Linh của thi sĩ Vũ Hoàng Chương [1])

Đám tang văn hào Nhất Linh diễn ra tại Sài Gòn vào sáng thứ Bảy, ngày 13.7.1963 và lễ truy điệu ông diễn ra bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, tại sân vận động Tao Đàn Sài Gòn.

Những bức ảnh trong bài này được chụp bởi nhiếp ảnh gia nổi tiếng Mạnh Đan và cũng là những bức ảnh trải qua những năm tháng trôi nổi như cuộc đời của ông Nhất Linh. Sau 30.4.1975, để thoát khỏi chính sách của nhà nước truy lùng tiêu hủy sách báo và văn hoá phẩm miền Nam, người con dâu của ông Nhất Linh đã phải chôn giấu bộ ảnh dưới làng quê Thủ Đức của bà. Sau đó bà đã cẩn thận lén photo-copy làm nhiều bản để trao cho nhiều thân nhân, bạn bè cùng cất giữ. Riêng trường hợp của tôi, gần mười năm sau, khi đi tù cải tạo xã hội chủ nghĩa trở về, đã được bà trao một bộ copy. Năm năm sau, 1989, tôi đào thoát trong một cuộc vượt biên duy nhất cùng gia đình mà thành công tại Đông Hà, Quảng Trị, bộ ảnh bị bỏ lại cùng toàn gia sản. Lúc đó mạng người còn khó bảo trọng nữa là!

Mười lăm năm sau (2004), khi người vượt biên đã được nhà nước đổi danh xưng từ những "tên phản bội tổ quốc" thành những "khúc ruột xa ngàn dặm", trở về lại nơi đã đào thoát một cách mạo hiểm trước đó, người viết đã phải cám ơn cô Trần Thị Lan, em vợ, khi cô trao lại những tấm ảnh này kèm theo những lời đáng kính trọng: "Khi anh chị và các cháu ra đi, mọi người chỉ chú ý di chuyển gấp những tài sản còn lại ra khỏi nhà của anh chị để khỏi bị tịch thu cùng với căn nhà, chẳng ai biết và chú ý tới những tấm ảnh này. Nhưng em biết, với anh, những tấm ảnh này là quí hơn tất cả, nên em cất đi, đợi ngày anh về đưa lại." Ôi sao chỉ là những tấm ảnh thôi mà cũng phải lao đao lận đận theo vận nước nổi trôi mãi 29 năm trời!

Ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963, cương quyết phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã uống thuốc độc tử tự tại Sài Gòn.

Ông đã để lại chúc thư nổi tiếng được các hãng thông tấn ngoại quốc truyền đi khắp thế giới, "*Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bất bớ, xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.*" Nội dung bản chúc thư của ông ngày nay cũng vẫn còn phù hợp với tình hình đất nước.

Mặc dù có sự ngăn cản mạnh mẽ của công an, mật vụ, đám tang Nhất Linh vẫn có cả ngàn thanh niên, sinh viên, học sinh, văn nghệ sĩ, trí thức cùng đồng bào tham dự.

Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, người bạn thân và cũng là bác sĩ riêng của Nhất Linh đã thuật, "*Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cữu của anh Nhất Linh quàn tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe doạ dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ Bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.*

Trên các ngả đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ Bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ Bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ Bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ Hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ Bảy vậy.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng ảm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thưa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám táng để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đối trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh.

Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa." [2]

Ảnh chụp sinh viên các trường đại học tại Sài Gòn đã không sợ công an, mật vụ, tự động khiêng quan tài Nhất Linh từ trong nhà xác bệnh viện Grall ra trước sân để chuẩn bị di quan.

Lễ di quan trước nhà xác, trong sân bệnh viện Grall. Nguyễn Tường Quí và Nguyễn Tường Đằng (con của nhà văn Thạch Lam) đang khiêng vòng hoa.

Gia quyến đang cùng đồng bào đi sau linh cữu nhà văn Nhất Linh. Người đàn ông đứng thứ nhất đội khăn tang là con trai ông Nhất Linh. Người thanh niên trẻ, gầy, đứng kế đó, đầu đội khăn tang, là người viết. Thiếu nữ đội khăn tang, đứng sau lưng người viết, cách một người đàn ông, là ca sĩ Từ Dung, vợ cũ của nhạc sĩ Từ Công Phụng. Cạnh Từ Dung là một thiếu nữ khác cũng đội khăn tang, nhưng cạnh thiếu nữ đội khăn tang đó là một bà đầu quấn khăn tang lẫn với lọn tóc (chứ không đội khăn) là bà quả phụ của nhà văn Hoàng Đạo.

Đám tang đang di chuyển trên con đường sau lưng bệnh viện Grall. Trên mui xe là băng kính viếng của các đồng chí cách mạng chống Pháp, chống cộng của ông có nội dung: "**Thương thay đổi lập Quốc gia, Mất cả tự do trong mấy lúc. Đối với thiêu thân Quảng Đức, Noi gương cảnh cáo giữa nghìn thu**." Người đàn ông mặc áo tang đi ngay sau xe tang là nhà văn Duy Lam, cháu gọi Nhất Linh bằng cậu ruột.

Vòng hoa kính viếng ông Nhất Linh của các đồng chí Việt Nam Quốc dân Đảng của ông. Dòng chữ phía trên: **Nguyễn Thái Học 17-6-1930**. Dòng chữ dưới: **Nguyễn Tường Tam 7-7-1963**.

Vượt mọi sự ngăn cấm và dọa nạt của công an, mật vụ, đoàn người tham dự tự động tìm kiếm và chia nhau những băng tang. Nhiều giọt nước mắt đã nhỏ xuống thương tiếc cho một văn hào đã có nhiều công lao đóng góp cho văn hoá dân tộc. Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm tường thuật, "*Tại chùa Xá Lợi, ngoài một số đông đồng bào đã túc trực từ sáng sớm – trong đó dĩ nhiên có cả công an, mật vụ của Nhu – Diệm – còn có khoảng 200 tăng ni có mặt để cầu siêu cho Nhất Linh.*

Giữa cảnh khói hương nghi ngút, chùa Xá Lợi cất lên ba hồi chuông trống, rồi thì những tiếng tụng niệm vang lên. Trong khi ấy, ở trước cửa chùa có nhiều thanh niên, sinh viên phát băng tang cho mọi

người, kể cả người của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Lễ cầu siêu cử hành không đầy 15 phút như đã ấn định từ trước, rồi đoàn xe tang từ từ chuyển bánh." [3]

Không báo chí, đài phát thanh nào được loan báo lộ trình đám tang, nhưng dân chúng vẫn tìm hiểu biết trước và đứng chờ đông đảo trước chùa Xá Lợi. Ở phía xa là xe tang đang chạy tới. Ngay trước ngôi bảo tháp của chùa Xá Lợi, đứng dưới đường trước đám đông, quay lưng lại, là một nhân viên cảnh sát đang canh chừng địa điểm làm lễ tang.

Các phóng viên quốc tế chen lẫn trong đám đông đưa tiễn Nhất Linh. Trước giờ hạ huyệt, nhà văn Nhật Tiến, thuộc thành phần văn nghệ sĩ trí thức trẻ, Linh mục Thanh Lãng, đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam, và Bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, đại diện chính giới đã đọc những bài điếu văn tiễn biệt văn hào Nhất Linh với những lời lẽ bi ai, thống thiết, đầy thương cảm, nhưng cũng thật hào hùng.

Bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, các đoàn thể và nhân dân đã tự động làm lễ truy điệu ông Nhất Linh tại sân vận động Tao Đàn (lúc đó chưa có sân vận động Thống Nhất)

Các nữ sinh đang chào đón quan khách và đồng bào tới tham dự lễ truy điệu.

Bức ảnh chân dung Nhất Linh là phóng họa từ tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, bạn thân và cũng là đồng chí của ông từ thời Tự lực Văn đoàn.

Nghi lễ truy điệu theo Phật giáo đang được cử hành.

Sau lưng vị cao tăng là biểu ngữ của học sinh hai trường trung học dạy theo chương trình Pháp nổi tiếng tại Sài Gòn: trường nam sinh Jean Jacques Rousseau (nay là trường Lê Quí Đôn) và trường nữ sinh Marie Curie.

Linh mục Thanh Lãng đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam đọc diễn văn.
Sau lưng linh mục là biểu ngữ của Việt Nam Quốc dân Đảng Đệ nhị Khu.

Dưới đây là nhiều hình ảnh cho thấy lòng thương mến Nhất Linh của hàng ngàn học sinh các trường trung học Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định tham dự lễ truy điệu, giương cao các biểu ngữ ca ngợi ông như: "Nguyễn Tường Tam bất diệt"; "Thương nhớ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam"…

Những cặp mắt đăm chiêu, những gương mặt u sầu – Nhất Linh không còn nữa - nhưng dường như ông còn sống mãi trong lòng dân tộc.

"Phải nhiều đời mới có một Nhất Linh thành lập nổi một văn đoàn *Tự lực*, nuôi sống – về tinh thần – được hai tờ *Phong hoá, Ngày nay".* (Nguyễn Mạnh Côn, tác giả cuốn *Đem tấm tình viết lịch sử*). [4]

© 2008 talawas

---

[1]*Văn* số 156, ngày 15 tháng 6 năm 1970, talawas 9.6. 2008
[2]*Chân dung Nhất Linh*. Tập hồi ký của Bùi Khánh Đản, Nguyễn Hữu Phiếm, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tường Thiết, Thế Uyên, Tường Hùng và Tuyết Hương. Do tập san *Văn* xuất bản xuất bản ngày 25.6.1966. talawas 5.6.2008.
[3]Sách đã dẫn.
[4]Sách đã dẫn.

NGHỆ THUẬT NGHE PHÁP THOẠI

Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ biên soạn

I. Em nghe:

PHÁP THOẠI là một buổi nói chuyện Đạo, một buổi giảng Phật Pháp, một buổi học giáo lš dưới dạng nói chuyện. Nghe Pháp thoại cũng cần phải rất thận trọng, như học Kinh vậy.

Nghe pháp thoại không chỉ là học giáo lš mà còn là tu tập. Chúng ta không chỉ nghe bằng lổ tai và trí óc mà còn phải nghe bằng chính những kinh nghiệm của riêng mình, dùng những khổ đau phiŠn não mà mình đã trải qua để kiểm nghiệm lại. Người nói Pháp cũng vậy, họ cũng nói từ những kinh nghiệm khổ đau có thật mà họ đã kinh qua. Những bài pháp thoại mà người nói chỉ dựa vào sách vở, lš thuyết và người nghe cũng chỉ tiếp nhận bằng lš luận, suy nghĩ v.v... thì chưa được gọi là thành công. Một bài pháp thoại thành công là khi nó "rơi" vào lòng người nghe thì nó khơi dậy được ở người nghe những hạt giống tuệ giác có sẵn trong họ; họ bắt gặp được trong lời giảng những sự đồng dạng với những kinh nghiệm sống của họ, những phiŠn não mà họ đã trải qua trong cuộc sống trước mặt. Nghe có nghệ thuật là trong khi nghe và sau khi nghe, thính giả có được sự chuyển hóa trong tâm mình, những hạt giống khổ đau đã chuyển hóa thành sự an lạc, như đã biết dùng những khổ đau đó làm phân bón cho niŠm an lạc được kết trái đơm hoa.

II. Em suy nghiệm:

Thái độ để nghe một bài pháp thoại rất là quan trọng. Khi nghe mình phải để tâm vào lổ tai, phải lắng nghe thì mới hiểu được người giảng Pháp đang nói gì. Khi đã hiểu sâu lời người ấy nói thì tâm ta liŠn tự nhiên tiếp xúc được với người nói, với nội dung Phật Pháp mà người ấy muốn trao truyŠn, và tự nhiên liên hệ được với chính tuệ giác sẵn có nơi mình, với những kinh nghiệm, những phiŠn não khổ đau mà mình đã trải qua, và có khi ngay lúc đó mình chuyển hóa được những lo âu thành niŠm vui và hy vọng. Do vậy có người đã nói rằng Phật Pháp là liŠu thuốc chữa được cả tâm bệnh và thân bệnh vì như các bác sĩ đã cho biết khi tâm ta an lạc thì các tế bào trong cơ thể ta cũng an lạc mà còn gấp 10 lần hơn. Như vậy nghe pháp thoại cũng chính là tu tập và thực tập chánh niệm vậy. Em thường đọc trong kinh rằng khi Phật nói xong một bài Kinh thì nhiŠu vị chứng đắc, rõ ràng đức Phật là người nói Pháp thoại tuyệt vời và các vị đại đệ tử của Ngài là những người đã đạt đến thiện xảo trong nghệ thuật nghe Pháp Thoại vậy. Và chứng đắc tức là tuệ giác của họ được khai mở, họ thấy như đức Phật đã thấy, cảm nhận như Đức Phật từng cảm nhận; từ đó thấy được sự thật của các pháp.

III. Em tu tập:

Em tập nghe pháp thoại đúng cách chính là em đã thực tập chánh niệm tỉnh thức vậy. Thường thường nếu nghe pháp thoại trong một buổi tu học thì có đông người nghe do đó trước hết, em phải giữ im lặng tuyệt đối khi nghe pháp thoại. Trong các giờ Phật Pháp ở Gia Đình cũng vậy, bắt đầu vào giờ thì tất cả chúng ta niệm danh hiệu Phật như là một nhắc nhở chúng ta thái độ trang nghiêm để đón nhận bài Phật Pháp.

Nghe Pháp không chỉ bằng tai mà còn bằng cả tâm hồn mình. Nói theo danh từ nhà thiŠn, nghe Pháp là phơi mở mảnh đất tâm của mình cho pháp thoại thấm vào như những giọt mưa tưới tẩm những hạt going thiện lành sẵn có để nó đơm bông kết trái hay chuyển hóa những phiŠn muộn, tiêu cực thành an lạc, nhiệt tình v..v.

Phật Pháp còn gọi là Pháp nhũ (nhũ = sữa) nên nghe Pháp là uống sữa ngọt để nuôi lớn tuệ giác sẵn có nơi mình, hướng dẫn mình đi đúng con đường tu tập đạo giải thoát, soi sáng những lời nói, š nghĩ, và việc làm của mình.

Em nguyện không bao giờ nói chuyện, làm ồn hay làm điŠu gì ảnh hưởng việc nghe Pháp củanhững người chung quanh.

Em nguyện nghe Pháp đúng cách - dù là nghe băng một mình hay nghe với tập thể - để việc nghe Pháp vừa đem lại lợi ích cho mình và cho mọi người ngay lúc được nghe Pháp.

Em tự hứa với mình cố gắng tham dự những buổi Pháp thoại tổ chức tại Chùa hay trong các khóa tu học để mảnh đất tâm của mình được săn sóc tốt, mong một ngày nào đó sẽ có khả năng cứu độ mọi loài giải thoát khỏi khổ đau phiŠn não.

Câu Hỏi:

1. Pháp thoại là gì? Em có thường được nghe pháp thoại không? Ÿ đâu?
2. Thế nào là nghe pháp thoại đúng cách?
3. Thế nào gọi là "thành công" khi nói pháp thoại?
4. Tại sao nói: "Phật Pháp là liŠu thuốc chữa được cả tâm bệnh và thân bệnh"?
5. "Các pháp" là gì? Có bao nhiêu "pháp" tất cả? Em thử kể ra 5 pháp?

How to Listen To Dharma Talk

I. I Hear:

When I listen to Dharma talk, I touch the three Jewels in me:

I open my heart so the Dharma talk can touch the Buddha within me thus waking up the seeds of Compassion and Understanding in me.

I value the Dharma talk that's being transmitted to me. These words came from the Buddha and are spoken here on behalf of the Buddha to the benefits of all beings.

I 'm grateful to this Sangha and this speaker; both help me practice the lesson being taught. Their support and experience are valuable to my practice.

I'm filled with gratitude for this opportunity to be here and now and to have a chance to learn and grow my Compassion and Understanding.

II. I Contemplate:

I can't learn if my mind is too full right this moment:

When my mind is occupied by the past or lost in the future, it's full and no learning is possible for me. I must free myself from other worldly worries and concentrate on this moment; only then can my practice gains from this experience.

I'm practicing the listening quality:

When I listen, I'm practicing the listening quality of the Bodhisattva Avalokiteshvara: I listen without prejudice, criticism, and comparison. I listen for what's being said and also what's left unsaid. I listen also to the noises in my mind that compete to distract me.

I'm open to listen as if it will alter my life in a significant way:

To fully benefit from this Dharma talk, I must listen to it not only from an open mind but also from an open heart. I must be open to receive this Dharma talk as if it can change my life significantly. This is the risk I'm willing to take because I'm not holding on to what's mine in a way that excludes all teachings. To approach this Dharma talk in this manner frees my mind from all attachments and allows me peace of mind.

III. I Practice:

I listen as I would listen to the Buddha himself:

I value the words spoken here as if I'm listening to the Buddha himself. I'm not attached to the personality, charisma, identity, or any other personal specifics of the speaker; rather, I respect the speaker as a teacher and value his contribution to my practice.

I listen and grasp the main idea of the talk:

When I listen, I follow the ideas and the examples of the Dharma talk and try to relate to other ideas and examples previously mentioned. I try to tie the ideas together so I can arrive at the main ideas of the talk. Also the speaker's knowledge, skillfulness in developing ideas and making the speech interesting will benefit me in my speeches.

thơ

Chẻ Đá Ngắm Trăng

Đi viếng Thiền Viện PINE MOUNTAINE

Đậm sắc hoa vàng bờ dốc đá
Ngược núi xuyên rừng đèo chông chênh
Hẹp lối trèo cao mây trải thảm
Thiền Sư dựng mộc đề Lĩnh NAm

Đáo lai trăng rọi trong chớp mắt
Chuông vọng tam thiên dậy ngàn năm
Vỡ đá trơ xương soi huyết âm
Lồng lộng Từ Vương trao sắc tứ!!!

LÊ PHƯƠNG CHÂU

TV An Lạc sáng 7.5.2013

I free my mind from distractions to get ready:

If I have an event or a thought that may burden my mind and thus prevent me from being with this Dharma talk, I need to get rid of such burdens. I do that by sharing them with someone, preferably close to me, and complete my thought about it. Once completed, the thoughts will not bother me any longer.

I listen with all my mind and heart. I open myself for change, growth, and repentance:

I have an issue or a situation in my life in which I can use a breakthrough. I'm listening to this Dharma talk with the intention to transform this issue or situation. I seek to apply what I learn today to improve my life and the relationship I have with other people. I may even solidify this commitment by sharing it with people because the more people acknowledge my effort, the more firm I become with this commitment.

Discussion:

1. What is a Dharma talk? Where and how often do you get to listen to a Dharma talk?
2. How do you properly listen to a Dharma talk?
3. How does one successfully deliver a Dharma talk?
4. Why do people say that Dharma can help cure mental and physical illness?
5. What is a Dharma? How many Dharma are there? List 5 Dharma.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE BUDDHIST COMMUNITY - A NONPROFIT ORGANIZATION
CHÙA CỔ LÂM
3503 S. Graham St. Seattle, WA 98118. Tel: (206) 723-4741. Fax: (206) 723-0506
Email Address: colamtemple@hotmail.com

Pl:2557 *Dl: 2013*

THÔNG BÁO

V/v Tổ chức Đại Giới Đàn Huyền Quang
Truyền trao Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di ni,
Thập thiện và Bồ Tát giới

Kính gởi: Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng ni
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch quý Ngài!

Năm nay Chùa Cổ Lâm hân hạnh được Chư tôn thiền đức trong ngày Lễ Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư tại Chùa Pháp Hoa – Úc Đại Lợi trao trọng trách tổ chức Lễ Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn lần thứ VII tại Chùa Cổ Lâm.

Nhân dịp Đại lễ này Chư tôn Thạc đức về tham dự, Chùa Cổ Lâm sẽ tổ chức Đại Giới Đàn Huyền Quang để truyền trao giới pháp cho đàn hậu học nối tiếp ngọn đèn Chánh pháp của Như Lai. **Giới Đàn sẽ diễn ra trong ba ngày 27, 28, 29/09/2013.**

Nay gởi thông báo này đến Chư tôn thiền đức trong các tự viện tại Hoa Kỳ cũng như các Châu lục khác, có đệ tử đã đến lúc cần thọ giới để tiếp nối sứ mạng Như Lai, xin quý ngài Bổn sư gởi thư về Chùa Cổ Lâm cho biết trước ngày 15/08/2013 để Ban Tổ Chức tiện việc sắp xếp.

Kính chúc quý Ngài pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, Phật sự viên thành.

Seattle, ngày 24/04/2013
Tm/BTC, Trưởng Ban
(Ấn ký)
Sa môn Thích Nguyên An

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A.
*Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009*

QUYẾT NGHỊ

Đại Hội Thường Niên lần I, nhiệm kỳ II (2012-2016) của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

Theo Quyết Nghị của Đại Hội Khoáng Đại lần thứ I, nhiệm kỳ 2 (2012-2016) tổ chức tại Chùa Cổ Lâm, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ, được thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2012, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK triệu tập Đại Hội Thường Niên lần thứ I, năm 2013 tại Phật Học Viện Quốc Tế vào ngày 17 tháng 6 năm 2013 để các Hội đồng và Tổng vụ báo cáo phật-sự trong năm qua, đồng thời thảo luận về các dự án dài hạn và ngắn hạn của Giáo hội.

Đại Hội năm nay qui tụ 60 đại biểu chính thức và quan sát viên, bao gồm chư tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GĐPT từ các tự viện, tịnh xá, tu viện, Phật học viện, trung tâm văn hóa Phật giáo, tịnh thất, niệm Phật đường, tổ chức Phật giáo tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ.

Với 3 phiên Khoáng Đại của Đại Hội, toàn thể cử tọa đã được lắng nghe phúc trình phật-sự của Văn Phòng Thường Trực và báo cáo sinh hoạt của các Tổng vụ thuộc Hội Đồng Điều Hành. Ngoài ra, Đại Hội cũng đã thảo luận, góp ý, chia sẻ nhiều vấn đề và phương án nhằm duy trì và phát triển Giáo Hội.

Trong ý hướng chung, Đại Hội hướng tâm tưởng niệm, tri ân sự hy sinh cao cả của Bồ-tát Thích Quảng Đức và chư vị Thánh tử đạo nhân kỷ niệm 50 năm Mùa Pháp Nạn của Phật giáo Việt Nam, để từ đó, phát nguyện dấn thân dõng mãnh hơn trong công cuộc phụng sự Đạo Pháp và Dân Tộc như là cách báo đền ân sâu trong muôn một. Ý hướng chung này được đúc kết qua các nhận định như sau:

- Phát huy nền Phật Việt trên đất Hoa Kỳ, việc hoằng pháp và giáo dục của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam cần phải thích nghi, hòa nhập với văn hóa và ngôn ngữ bản địa, sao cho Pháp Phật được đón nhận dễ dàng đối với mọi lứa tuổi, mọi thành phần, không chỉ hạn cuộc trong cộng đồng người Việt;
- Để hòa nhập với con người và xã hội mới ngoài quê hương, trước hết cần phải bồi đắp vững chắc gốc rễ của Phật giáo bằng sự nghiêm túc giữ gìn giới luật, duy trì các nguyên tắc sinh hoạt truyền thống của Tăng đoàn như bố-tát, an cư kiết hạ, hội thảo về hoằng pháp, v.v…
- Để báo ân tiền nhân trong công cuộc dựng nước, giữ nước cũng như công đức hoằng truyền và bảo vệ chánh pháp suốt gần hai nghìn năm qua, Giáo hội luôn quan tâm đến sự thịnh-suy của Dân tộc và Đạo pháp, tích cực dấn thân và lên tiếng cho sự an vui, phúc lạc, của toàn dân, và nền tự do, tự chủ cho quê hương Việt Nam.

Với các nhận định chung như trên, chúng tôi, toàn thể đại biểu tham dự Đại Hội Thường Niên lần I, nhiệm kỳ II (2012 – 2016) của GHPGVNTN Hoa Kỳ đồng tâm:

QUYẾT NGHỊ

1) Tích cực yểm trợ tinh thần và thân lâm tham dự Đại lễ Tưởng Niệm 50 năm Bồ-tát Quảng Đức Vị Pháp Thiêu Thân do Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Hoa Kỳ tổ chức vào ngày 23 tháng 6 năm 2013 tại Santa Ana, California;
2) Tích cực quang lâm tham dự Ngày Về Nguồn lần thứ VII do HT. Thích Nguyên An tổ chức tại Chùa Cổ Lâm, thành phố Seattle, tiểu bang Washington vào các ngày 27, 28 và 29 tháng 9 năm 2013 để biểu hiện niềm tri ân đối với Lịch Đại Tổ Sư và Thầy-Tổ, cũng là dịp để tương ngộ và trao đổi kinh nghiệm hành đạo với hàng trưởng tử Như Lai khắp các châu lục và quốc gia;
3) Hết lòng ủng hộ tinh thần, yểm trợ tịnh tài, tham dự giảng dạy hoặc tham gia chương trình tu học trong Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ III tại thành phố San Diego, Nam California năm 2013 do Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu làm Trưởng Ban Tổ Chức;
4) Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK sẽ thỉnh cử một thành viên của Giáo Hội, đặc trách về việc củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng;
5) Chư tôn đức Tăng Ni và các cơ sở đơn vị Giáo Hội yểm trợ Tổng vụ Truyền Thông tiến hành chương trình truyền hình để truyền tải và thông tin các sinh hoạt của Phật giáo, cũng như góp phần hoằng pháp theo hướng đi nhất quán của Giáo Hội;
6) Cung thỉnh HT. Thích Thiện Long đảm nhận Tổng vụ trưởng Tổng vụ Kinh Tế Tài Chánh; hoán chuyển Ni sư Thích Nữ Diệu Tánh làm Tổng vụ Phó kiêm Thư ký Tổng vụ Kinh Tế Tài Chánh;
7) Đại hội Thường niên lần thứ II, năm 2014, sẽ tổ chức vào các ngày trước hoặc sau khóa an cư kiết hạ của Tăng đoàn Nam California;
8) Ủy quyền HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch HĐĐH, đứng ra tổ chức Lễ Hội Phật Đản chung tại miền Nam California vào tháng 5 năm 2014;
9) Kêu gọi Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hủy bỏ điều 4 Hiến Pháp theo Tuyên Cáo ngày 20 tháng 11 năm 1993 của Hòa thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN; và đồng thời kêu gọi nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trả tự do tức khắc cho những nhà đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền, cũng như các công dân biểu tình ôn hòa để phản đối Cộng sản Trung quốc xâm lấn đất liền, hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam; chấm dứt chính sách khủng bố và kết tội những công dân bày tỏ lòng yêu nước nhằm bảo vệ lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam.

Quyết Nghị này gồm 9 điểm đã được toàn thể Đại Hội, gồm 60 đại biểu Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GĐPT đồng biểu quyết thông qua lúc 5 giờ 30 chiều ngày 17 tháng 6 năm 2013 tại hội trường chánh điện Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

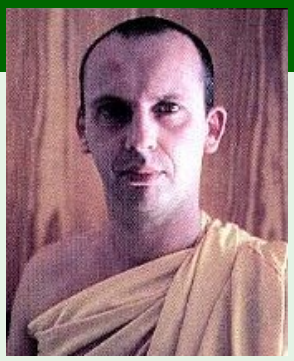

HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ "Good Question, Good Answer" của **Ven. Shravasti Dhammika**

Thích Nguyên Tạng dịch

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG 9
VẬN MAY VÀ ĐỊNH MỆNH

HỎI: ***Phật đã nói gì về phép lạ và đoán số mệnh?***

ĐÁP : Phật xem các tập tục đoán số mệnh, đeo bùa hộ mạng, chọn hướng tốt xây nhà, tiên đoán vận mệnh và coi ngày tốt xấu là mê tín dị đoan vô ích và Đức Phật tuyệt ngăn cấm hàng đệ tử của mình những việc làm như thế. Ngài gọi những thứ đó là " tài nghệ thấp kém".

Có một số đạo sĩ đã sống nhờ vào thức ăn của người tín đồ do những tài nghệ thấp kém như vậy, thật là một phương tiện sinh kế không đúng đắn như xem chỉ tay, đoán sao hạn, giải mộng… mang đến may mắn hay vận đen... cầu thần ban phước... chọn hướng tốt xây nhà, đệ tử của Phật (sa môn Cồ đàm) cố tránh những việc làm thấp kém này, vì đó là phương kế sinh nhai sai lầm. (DI9-12)

HỎI: ***Vậy tại sao người ta vẫn làm và tin tưởng chúng?***

ĐÁP: Vì tham lam, sợ hãi và thiếu hiểu biết. Khi người ta hiểu lời dạy của Phật, họ nhận ra rằng với bản tâm thanh tịnh có thể bảo vệ họ tốt hơn là những mảnh giấy, những miếng kim loại với vài ba chữ bùa và họ không còn bao bao lâu nữa để tin tưởng vào những thứ đó. Theo lời dạy của Đức Phật, chính sự thành thật, lòng nhân ái, hiểu biết, nhẫn nhục, khoan dung, trung thành, rộng lượng và những đức tính tốt khác đã thật sự bảo vệ bạn và giúp bạn thành công.

Nhưng một số bùa phép may mắn chắc có linh nghiệm phải không?

Tôi biết một người kiếm sống bằng nghề bán bùa may mắn. Anh ta tuyên bố rằng bùa của anh mang đến vận may, giàu có và anh bảo đảm rằng bạn có thể chọn ba số hên. Nhưng nếu điều anh ta nói là đúng tại sao chính anh không trở thành tỷ phú? Nếu bùa may của anh thật sự linh nghiệm tại sao hàng tuần anh không trúng số? May mắn duy nhất của anh ta là có những người u mê đã mua những lá bùa của anh mà thôi.

Vậy thì có những điều may mắn như thế không?

Tự điển định nghĩa may mắn là "*tin tưởng rằng bất cứ điều gì xảy ra, tốt hoặc xấu, đến với một người trong diễn biến sự việc là do cơ hội, số mệnh hay vận may mà có* ". Đức Phật hoàn toàn phủ nhận đức tin này. Mọi việc xảy ra đều có nguyên nhân hay lý do cụ thể của nó và phải có mối liên hệ giữa nhân và quả. Chẳng hạn, bị bệnh là có nhiều nguyên nhân cụ thể. Người bị nhiễm vi trùng và cơ thể của họ phải yếu đi nên chính vi trùng đó đã gây ra bệnh. Có một mối quan hệ xác định giữa nguyên nhân (vi trùng và cơ thể yếu) và kết quả (bệnh) vì chúng ta biết rằng vi trùng đã tấn công vào các tế bào và gây ra bệnh. Nhưng ở đây không có mối liên hệ nào được tìm thấy trên một mãnh giấy có viết vài chữ mà mang đến giàu sang hay thi đậu. Đạo Phật dạy rằng bất cứ điều gì xảy ra là do một hay nhiều nguyên nhân chứ không phải vì may mắn, vì cơ hội hay do định mệnh. Người quan tâm đến vận may luôn luôn cố gắng tìm kiếm một thứ gì đó: thường là muốn có thêm tiền bạc và sự giàu sang. Phật dạy chúng ta điều quan trọng hơn hết là mở mang tâm trí. Ngài nói:

Học thức và khéo tay,
Rèn luyện và giữ lời;
Là điều may mắn nhất.
Nuôi dưỡng cha mẹ già,
Yêu mến vợ và con
Sống đời này đơn giản;
Là điều may mắn nhất.
Rộng lượng và công bằng,
Giúp đỡ những người thân,
Không đổ lỗi cho người
Là điều may mắn nhất.

Cố tránh những điều xấu,
Xa hẳn mọi rượu chè,
Luôn trau dồi đức hạnh;
Là điều may mắn nhất.
Kính nhường và khiêm tốn,
Biết đủ và nhớ ơn
Tuỳ thời nghe Chánh pháp
Là điều may mắn nhất.
(Sn 261-265)

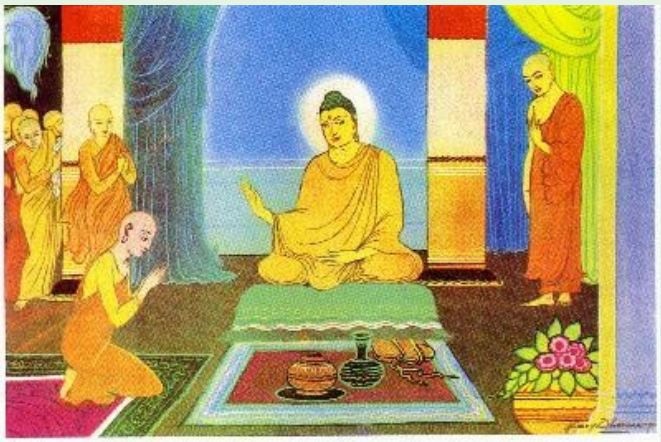

GOOD QUESTION, GOOD ANSWER

by *Ven. Shravasti Dhammika*

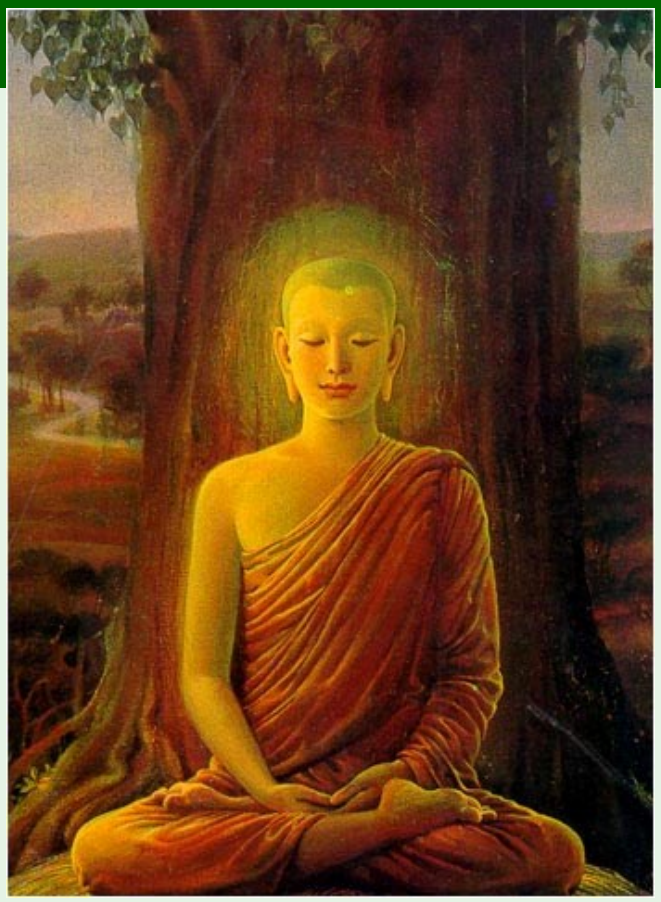

Chapter 9
GOOD LUCK AND FATE

What did the Buddha teach about magic and fortune telling?
The Buddha considered such practices as fortune telling, wearing magic charms for protection, finding lucky sites for buildings, prophesising and fixing lucky days to be useless superstitions and he expressly forbade his disciples to practise such things. He called all these things 'low arts'.
"Whereas some religious men, while living off food provided by the faithful make their living by such low arts, such wrong means of livelihood as palmistry, divining by signs, interpreting dreams, bringing about good or bad luck, picking the lucky site for a building, the monk Gotama refrains from such low arts, such wrong means of livelihood".

Then why do people sometimes practise such things and believe in them?
Because of greed, fear and ignorance. As soon as people understand the Buddha's teachings, they realise that a pure heart can protect them much better than bits of paper, bits of metal and a few chanted words and they no longer rely on such things. In the teachings of the Buddha, it is honesty, kindness, understanding, patience, forgiveness, generosity, loyalty and other good qualities that truly protect you and give you true prosperity.

But some lucky charms do work, don't they?
I know a person who makes a living selling lucky charms. He claims that his charms can give good luck, prosperity and he guarantees that you will be able to pick three numbers. But if what he says is true then why isn't he himself a multi-millionaire? If his lucky charms really work, then why doesn't he win the lottery week after week? The only luck he has is that there are people silly enough to buy his magic charms.

Then is there such a thing as luck?
The dictionary defines luck as 'believing that whatever happens, either good or bad, to a person in the course of events is due to chance, fate or fortune'. The Buddha denied this belief completely. Everything that happens has a specific cause or causes and there must be some relationships between the cause and the effect. Becoming sick, for example, has specific causes. One must come into contact with germs and one's body must be weak enough for the germs to establish themselves. There is a definite relationship between the cause (germs and a weakened body) and the effect (sickness) because we know that germs attack the organisms and give rise to sickness. But no relationship can be found between wearing a piece of paper with words written on it and being rich or passing examinations. Buddhism teaches that whatever happens does so because of a cause or causes and not due to luck, chance or fate. People who are interested in luck are always trying to get something,usually more money and wealth. The Buddha teaches us that it is far more important to develop our hearts and minds. He says:

Being deeply learned and skilled;
Being well-trained and
Using well-spoken words
This is the best good luck.

To support mother and father,
To cherish wife and child and
To have a simple livelihood
This is the best good luck.
Being generous, just,
Helping one's relatives and
Being blameless in one's actions
This is the best good luck.
To refrain from evil and from strong drink,
And to be always steadfast in virtue,
This is the best good luck.
Reverence, humanity, contentment,
Gratitude and hearing the good Dharma,
This is the best good luck.
(Sn 261-265)

(to be continued)

The Pentagon Papers: Biến Động Phật Giáo Từ Ngày 8-5 Tới 21-8-1963

Cư sĩ Nguyên Giác dịch

Hồ Sơ Mật Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ về Cuộc Chiến VN
Giải Mật Ngày 13-6-2011
Dịch theo bản văn từ trang nhà của Đại Học Mount Holyoke College:
https://www.mtholyoke.edu/acad/intrel/pentagon2/pent6.htm

(LỜI NGƯỜI DỊCH: The Pentagon Papers là tên gọi tắt một hồ sơ tối mật về Cuộc Chiến Việt Nam; theo Wikipedia, hồ sơ này tên chính thức là "United States – Vietnam Relations, 1945–1967: A Study Prepared by the Department of Defense" (Quan Hệ Mỹ-Việt, 1945--1967: Cuộc Nghiên Cứu Thực Hiện Bởi Bộ Quốc Phòng). Hồ sơ này được giải mật và phổ biến công khai năm 2011.

Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Robert McNamara thành lập Ban Đặc Nhiệm Nghiên Cứu Về Việt Nam ngày 17-6-1967, có nhiệm vụ viết một "tự điển bách khoa về Cuộc Chiến Việt Nam," mà theo ông là để lưu hồ sơ cho các sử gia và để ngăn cản các sai lầm chính sách trong các chính phủ Hoa Kỳ tương lai.

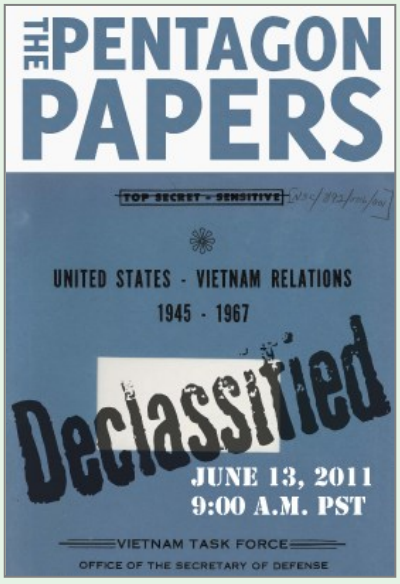

Hồ sơ này thực hiện bởi 36 nhà phân tích – phần nửa là các sĩ quan đương nhiệm lúc đó, phần còn lại là các học giả và các viên chức dân sự liên bang -- phần lớn dựa vào các hồ sơ có sẵn trong Bộ Quốc Phòng. Hồ sơ gồm 3,000 trang phân tích lịch sử, và 4,000 trang tài liệu gốc của chính phủ, soạn thành 47 tập, và xếp loại "Top Secret – Sensitive" ("Tối Mật -- Nhạy Cảm." Chữ "nhạy cảm" chỉ có nghĩa là việc phổ biến hồ sơ sẽ làm chính phủ Mỹ mất mặt.)

Ban Đặc Nhiệm in hồ sơ làm 15 ấn bản duy nhất. Ngày giải mật và phổ biến tới các thư viện Tổng Thống, và tới Trung Tâm Giải Mật Quốc Gia của Văn Khố Liên Bang là ngày 13-6-2011.

Sau đây là bản dịch về tình hình Phật Giáo Việt Nam thời gian từ ngày 8-5-1963 tới ngày 21-8-1963, nằm trong "Chapter 4, 'The Overthrow of Ngo Dinh Diem, May-November, 1963' pp.201-276" thuộc Tập 2.

Một số ghi nhận về hồ sơ này trong bối cảnh từ ngày 8-5-1963 cho tới ngày 21-8-1963:

- Ông Diệm biệt đãi Thiên Chúa Giáo, kỳ thị Phật Giáo;
- Thảm sát ở Huế ngày 8-5-1963 xảy ra tình cờ, bất ngờ;
- Trách nhiệm thảm sát ở Huế là do chính quyền Huế, nhưng ông Diệm đổ tội cho VC;
- Biểu tình ngày 3-6-1963 bị đàn áp bằng hơi cay, Mỹ nghi có hơi độc mustard gas;
- Cuộc vị pháp thiêu thân của HT Thích Quảng Đức gây chấn động toàn cầu;
- Thông Cáo Chung 16-6-1963 không được ông Diệm thực thi, và bị ông Nhu phá;
- Cao điểm sự tráo trở của chính phủ ông Diệm là cuộc tổng bố ráp các chùa toàn quốc ngày 21-8-1963, bắt 1.400 nhà sư trong đó có Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết (Hội chủ của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam) và Thượng Tọa Thích Tâm Châu (Ủy ban Liên phái Phật Giáo).

BẢN VIỆT DỊCH

Sự kiện tại Huế ngày 8 tháng 5-1963 -- một sự kiện dẫn tới những gì được gọi là cuộc khủng hoảng Phật giáo và khởi sự cho một chuỗi sự kiện đã tận cùng dẫn tới việc lật đổ chế độ ông Diệm và hạ sát anh em nhà Ngô – đã xảy ra một cách tình cờ và bất ngờ.

Không ai thấy trước rằng sự kiện Huế sẽ khởi lên một vận động đối lập toàn quốc có khả năng gần như tất cả những người dị biệt chính kiến và không Cộng sản tại Nam Việt Nam. Một cách quan trọng hơn, lúc đó chưa ai nhận ra đúng về mức độ bất mãn của dân Việt Nam đối với chính phủ ông Diệm, cũng như về mức độ mục nát chính trị trong chế độ, một chế độ không còn khả năng đối phó với sự bất mãn rộng lớn.

Cội nguồn tôn giáo của sự kiện này có thể dò tới cuộc di cư đông đảo của người tỵ nạn Thiên Chúa Giáo ra khỏi Bắc Việt Nam sau khi Pháp thua trận năm 1954. Khoảng một triệu tín đồ Thiên Chúa Giáo rời bỏ Miền Bắc và định cư ở Miền Nam. Ông Diệm -- một cách hiển nhiên, vì động cơ tôn giáo và nhân đạo, và với ý định tuyển một hậu thuẫn chính trị từ đồng đạo của ông – đã biệt đãi những người tỵ nạn Thiên Chúa Giáo này qua việc cấp đất, cứu trợ và hỗ trợ, cấp giấy phép thương mại và xuất nhập cảng, ưu tiên tuyển làm công chức, và các biệt đãi khác từ chính phủ. Bởi vì ông Diệm có thể dựa vào sự trung thành của họ, họ được điền vào gần như tất cả các chức vụ quân sự và dân sự quan trọng.

Như một định chế, Giáo Hội Thiên Chúa Giáo hưởng một quy chế pháp lý đặc biệt. Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục là anh và là cố vấn của ông Diệm. Nhưng trước năm 1962, không có kỳ thị minh bạch chống người Phật Tử. Tuy nhiên, tại Nam Việt Nam

nơi có từ 3 tới 4 triệu Phật Tử tu học và có 80% dân số là Phật Tử trên danh nghĩa, chính sách của ông Diệm – thiên vị Thiên Chúa Giáo, độc tài toàn trị, và kỳ thị tôn giáo – đã làm ngún cháy sự bất mãn.

Vào tháng 4-1963, chính phủ ra lệnh các quan cấp tỉnh thực hiện một lệnh cấm, nguyên đã có từ lâu nhưng thường bị bỏ lơ, về treo cờ tôn giáo. Lệnh này đưa ra vừa sau những lễ hội được khuyến khích chính thức tại Huế để kỷ niệm 25 năm ngày ông Ngô Đình Thục được tấn phong Tổng Giám Mục Huế, mà trong dịp đó cờ Vatican treo đầy khắp. Lệnh này cũng đưa ra, như đã xảy ra, vừa trước ngày Phật Đản (ngày 8 tháng 5-1963), một Đại Lễ Phật Giáo.

Huế, cố đô của Việt Nam, lúc đó là trung tâm thực sự duy nhất về học Phật và học bổng về tu học Phật Giáo tại Việt Nam, và đại học nơi đây (Huế) từ lâu là một trung tâm của những bất đồng khuynh tả. Không ngạc nhiên gì, lúc đó, Phật Tử Huế đã treo cờ của họ bất chấp lệnh cấm và, khi chính quyền địa phương ra vẻ như đã nhượng bộ về lệnh cấm treo cờ, Phật Tử biểu lộ cứng rắn hơn để sẽ tổ chức một cuộc tụ họp đông người theo lịch trình trước đó đã định vào ngày 8 tháng 5 để mừng Phật Đản.

Nhìn thấy cuộc tụ họp đông người đó như một thách thức đối với ảnh hưởng của gia đình họ Ngô (Huế cũng là thủ đô lãnh địa chính trị của Ngô Đình Cẩn, em của ông Diệm) và đối với chính quyền địa phương, các viên chức địa phương tìm cách giải tán đám đông. Khi các nỗ lực ban đầu không có kết quả, Phó Tỉnh Trưởng (cũng là giáo dân Thiên Chúa Giáo) ra lệnh cho lính của ông nổ súng. Thế là dẫn tới hỗn loạn, 9 người bị giết, trong đó có vài trẻ em, và 14 người bị thương. Xe bọc sắt được cho là đã cán lên một số nạn nhân. Chính quyền ông Diệm sau đó loan tin rằng một cán bộ Việt Cộng đã ném một quả lựu đạn vào đám đông và rằng các nạn nhân bị giẫm đạp bởi đám đông hỗn loạn. Chính phủ ông Diệm nhất quyết không chịu nhận trách nhiệm, ngay cả khi các quan sát viên độc lập đưa ra các đoạn phim cho thấy quân chính phủ bắn vào đám đông.

Cá tính quan lại của ông Diệm không cho phép ông xử lý cuộc khủng hoảng này với sự linh động và tế nhị cần thiết. Ông Diệm không có thể công khai nhận trách nhiệm về thảm kịch và tìm sự hòa giải với những Phật Tử giận dữ. Ông còn tin rằng sự mất mặt công khai như thế sẽ làm suy yếu thẩm quyền cai trị của ông, hiển nhiên đối với sự kiện rằng không nhà lãnh đạo thời hiện đại nào có thể từ lâu đã bỏ mặc sự bất mãn lớn lao như thế bất kể rằng đạo đức cá nhân riêng ông có thể tốt như thế nào. Do vậy chính phủ bám chặt vào cách giải thích riêng về chuyện đã xảy ra.

Ngày kế tiếp ở Huế, hơn 10,000 người biểu tình để phản đối cuộc thảm sát. Đó là cuộc biểu tình đầu tiên của một chuỗi dài những biểu tình mà Phật Tử dùng để áp lực chế độ ông Diệm trong 4 tháng kế tiếp. Phật Tử đã mau chóng tự tổ chức, và vào ngày 10 tháng 5-1963, bản Tuyên Ngôn của các chức sắc Phật Giáo trình lên chính phủ, yêu cầu được tự do treo cờcủa họ, được bình đẳng về pháp lý với Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, xin ngưng việc bắt bớ, xin tự do trong việc hành đạo, và xin bồi thường các nạn nhân sự kiện ngày 8 tháng 5-1963 cùng với trừng phạt những kẻ trách nhiệm.

Năm nguyện vọng này chính thức trình lên Tổng Thống Diệm ngày 15 tháng 5-1963, và Phật Tử đã tổ chức buổi họp báo đầu tiên của họ sau buổi trao Tuyên Ngôn đó. Những cuộc tuyệt thực và những buổi họp liên tục cho hết tháng 5, nhưng ông

8 nạn nhân phật-tử bị thảm sát trong ngày 08/5/1963 tại Huế.

Diệm tiếp tục trì trệ trong việc giải quyết vấn đề và gây bất mãn thêm.

Vào ngày 30-5-1963, khoảng 350 nhà sư Phật Giáo biểu tình trước tòa nhà Quốc Hội ở Sài Gòn, và cuộc tuyệt thực 48 giờ được loan báo. Vào ngày 3-6-1963, một cuộc biểu tình ở Huế bị giải tán bằng hơi cay và nhiều người bị phỏng, dẫn tới các cáo buộc rằng lính ông Diệm đã sử dụng hơi độc mustard gas (LND: mustard gas là chất lỏng gây phỏng da và cơ, có thể chết người, được dùng làm vũ khí hóa học từ Thế Chiến I). Vào ngày 4-6, chính phủ loan báo bổ nhiệm một ủy ban liên bộ chỉ huy bởi Phó Tổng Thống Thơ để giải quyết vấn đề tôn giáo, nhưng vào lúc này cử chỉ đó có lẽ đã quá trễ. Phần lớn dân số thành thị đã tham dự những cuộc biểu tình Phật Giáo, nhận ra trong họ sự khởi đầu của đối lập chính trị chân thực đối với ông Diệm. Vào ngày 8-6, bà Nhu làm tệ hại vấn đề thêm khi loan báo rằng Phật Tử đã bị trà trộn bởi Việt Cộng.

Trong suốt những ngày đầu của khủng hoảng, giới truyền thông Mỹ đã theo sát các sự kiện và gây sự chú ý với thế giới. Vào ngày 11-6, truyền thông được nhắn trước để tới một ngã tư một phố chính vào buổi trưa. Trong khi đoán là sẽ có cuộc biểu tình nữa, họ kinh hoàng chứng kiến cuộc tự thiêu đầu tiên thực hiện bởi một nhà sư. Cái chết phực lửa của Hòa thượng Thích Quảng Đức gây chấn động thế giới và Nam Việt Nam.

Những cuộc thương thuyết trước đó đã diễn ra giữa ủy ban của Phó Tổng Thống Thơ và Phật Tử có từ ngày 5-6-1963, với những chất vấn cay đắng công khai về thiện chí của cả hai bên. Sau cuộc tự thiêu, chính phủ Mỹ tăng cường áp lực lên chính phủ ông Diệm để làm dịu lòng người Phật Tử, và để đưa tình hình chính trị đang suy sụp trở lại trong tầm kiểm soát.

Cuối cùng, vào ngày 16-6-1963, bản Thông Cáo Chung giữa Phật Giáo và chính phủ ông Diệm được phổ biến, liệt kê các đồng thuận thương thuyết, nhưng không quy trách nhiệm đối với sự kiện ngày 8-5-1963 (LND: không quy trách nhiệm cho chính phủ, chỉ hứa điều tra xem cá nhân viên chức nào có lỗi). Tuy nhiên, trận đàn áp biểu tình dữ dội ngày kế tiếp đã làm hỏng mất tinh thần của sự hòa giải. Trong phần của họ, vợ chồng Ngô Đình Nhu tức khắc phá hoại sự hòa giải bằng cách bí mật huy động các lực lượng thanh niên do chính phủ đỡ đầu đấu tố bản Thông Cáo Chung. Vào cuối tháng 6, thấy rõ rằng Thông Cáo Chung không phải là cử chỉ chân thực của sự hòa giải từ phía ông Diệm, nhưng chỉ là một nỗ lực để làm dịu Hoa Kỳ và là một tờ giấy về sự chia rẽ ngày càng lớn trong chính trị nội bộ.

Sự thiếu niềm tin có căn cứ về phía chính phủ

trong Thông Cáo Chung Ngày 16-6-1963 đã làm mất uy tín chính sách trung dung để hòa giải mà giới lãnh đạo cao cấp Phật Giáo đã theo đuổi cho tới khi đó. Vào cuối tháng 6, quyền lãnh đạo phong trào Phật Giáo trao sang cho một nhóm vị sư trẻ hơn, quyết liệt hơn, với mục tiêu chính trị vươn xa hơn. Các vị sư này đã vận dụng chính trị khéo léo và thông minh một đợt thủy triều đang dâng cao từ phía dân chúng ủng hộ.

Những cuộc biểu tình và tụ tập đông người có kế hoạch kỹ lưỡng được kèm với cuộc vận động truyền thông từ giới đối lập của chế độ ông Diệm. Hiểu tầm quan trọng của truyền thông báo chí Hoa Kỳ, các vị sư này kết giao với phóng viên Mỹ, thông báo họ về những cuộc biểu tình và tụ tập, và cẩn trọng tính thời điểm hoạt động sao cho được giới truyền thông tường thuật rộng rãi tối đa. Không ngạc nhiên gì, gia đình họ Ngô phản ứng bằng cách đàn áp dữ dội hơn đối với các nhà hoạt động Phật Giáo, và với chỉ trích cay đắng hơn và ngay cả hăm dọa các phóng viên Mỹ.

Đầu tháng 7-1963, ủy ban của Phó Tổng Thống Thơ loan báo rằng một cuộc điều tra sơ khởi về sự kiện ngày 8-5-1963 đã xác định rằng những cái chết là do hành động khủng bố của Việt Cộng. Phẫn nộ, những người Phật Tử lên án kết luận đó và tăng cường các hoạt động phản đối của họ. Vào ngày 19-7-1963, dưới áp lực Hoa Kỳ, ông Diệm đọc bài diễn văn trên đài phát thanh, ngắn chỉ 2 phút đồng hồ, mặt ngoài là bày tỏ hòa giải với Phật Tử, nhưng được viết sẵn và trình bày một cách lạnh lùng như để phá hủy trước bất kỳ ảnh hưởng nào mà các đồng thuận nhỏ nhoi đã loan báo có thể có.

Về phía trong chế độ, ông Nhu và vợ nặng nề chỉ trích ông Diệm đã nhượng bộ áp lực Phật Giáo. Bà Nhu công khai chế giễu cuộc tự thiêu là "nướng thịt," tố cáo các lãnh đạo Phật Giáo bị trà trộn bởi người Cộng sản, và mô tả các cuộc biểu tình là do Việt Cộng kích động. Cả ông Nhu và vợ ra sức công khai, và riêng tư, làm suy yếu các nỗ lực vốn đã yếu của ông Diệm trong việc tương nhượng với Phật Tử, và có tin đồn khởi sự loan ra trong tháng 7 rằng ông Nhu đang xem xét một cú đảo chánh lật đổ ông anh.

Một Bản Đánh Giá Tình Báo Quốc Gia Đặc Biệt đề ngày 10-7-1963 kết luận với tiên đoán rằng nếu chế độ ông Diệm không làm gì để thực hiện bản Thông Cáo Chung 16-6-1963 và làm dịu người Phật Tử, nhiều phần là những cuộc biểu tình trong mùa hè sẽ lan rộng với nhiều khả năng sẽ có một nỗ lực đảo chánh từ người không cộng sản (LND: Bản Đánh Giá Tình Báo Quốc Gia Đặc Biệt này đã dịch ở Thư Viện Hoa Sen http://tinyurl.com/TVHS-TBDB).

(Hồ sơ 21) Vào giữa tháng 8-1963, một tuần trước khi ông Nhu tung ra cuộc tổng bố ráp nhằm vào các chùa ở Sài Gòn và nơi khác, Sở Tình Báo Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ CIA đã bắt đầu nhận thấy có bất mãn biểu lộ trong giới công chức và quân nhân:

"Từ khi những mâu thuẫn giữa Phật Tử và chế độ ông Diệm bùng phát ngày 8-5-1963, đã có một loạt các bản phúc trình cho thấy không chỉ sự mưu tính và bày tỏ bất mãn tăng dày đặc giữa những người không Cộng Sản trước giờ vẫn chỉ trích ông Diệm, mà sự bất ổn hiển lộ trở lại và sự căm ghét ngày càng tăng trong giới công chức và quân nhân về cách ông Diệm xử lý về mâu thuẫn này."

Bản đánh giá này tiếp tục mô tả chi tiết nhiều tin đồn, xuất hiện ít nhất từ cuối tháng 6, về các âm mưu đảo chánh. Nhưng ông Nhu, trong một hành động táo bạo nhằm gây kinh hoàng những người âm mưu đảo chánh, và để làm họ bất ngờ, đã triệu tập các tướng lãnh cao cấp vào ngày 11-7-1963, nặng nề khiển trách họ đã không có hành động nào để đè bẹp sự nổi loạn, và chất vấn sự trung thành của họ đối với chế độ. Hành động của ông Nhu như dường đã tạm thời làm khựng lại tất cả các kế hoạch về một cuộc lật đổ. CIA cũng báo cáo về tin đồn rằng chính ông Nhu đang lên kế hoạch một "cuộc đảo chánh giả" để thu hút ra và rồi đàn áp người Phật Tử.

Trong tháng 8-1963, Phật Tử hoạt động tới mức căng thẳng mới; các vị sư tự thiêu vào ngày 5, ngày 15, và ngày 18. Không khí chính trị căng thẳng tại Sài Gòn vào giữa tháng 8-1963 cho các nhà quan sát Hoa Kỳ thấy rằng cuộc chạm trán đang diễn tiến. Tuy nhiên, khi cuộc chạm trán xảy ra, trong cuộc tổng bố ráp ngày 21-8-1963 nhằm vào các chùa, các nhà ngoại giao Hoa Kỳ hoàn toàn bất ngờ.

HẾT BẢN DỊCH
Cư sĩ Nguyên Giác

CA DAO MỘC

thơ

Đến mùa sáo vọng ngõ quê
Bước chân trâu dẫm trên rìa tre xanh
Có chàng mục tử lòng lành
Thả con diều biếc lên ghành trăng non
Có nàng thôn nữ cuối thôn
Dưới sông trăng giặt nước nguồn tháng ba
Diều chàng đứt cánh rơi xa
Bóng trăng lay động mặt hoa kể từ.

TÌNH NHỚ

Trận say chưa đủ câu thề
Xin em tiếng hát để chia giọng cười
Nửa đời hoa mộng chưa nguôi
Tóc mây còn ủ trong vời vợi hương
Mai kia ở một nẻo đường
Gặp nhau hỏi chuyện vô thường ra sao.

CÔ MIÊN

Ngàn phương gió, một đường mây
Dặm đường quạnh bóng cỏ cây triệu hồi
Từng ngày chiếc bóng lẻ loi
Từng đêm thơ thẩn nhớ người xa duyên
Từng tôi rụng mất hiện tiền
Từng dòng sông nhớ chảy biền biệt thương
Từng năm tháng lạ lên đường
Và tôi ngồi lại với từng xuân xanh.

PHÙ DU

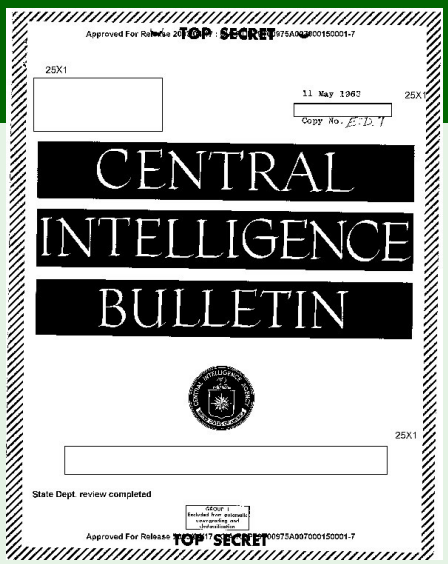

CIA BÁO CÁO TỔNG THỐNG MỸ VỀ CUỘC THẢM SÁT HUẾ 1963

Cư sĩ Nguyên Giác dịch và giới thiệu

BẢN PHÚC TRÌNH TÌNH BÁO TRUNG ƯƠNG
(CENTRAL INTELLIGENCE BULLETIN)
Central Intelligence Agency United States of America
Ngày 11 tháng 5 năm 1963
Đã duyệt bởi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ
Chấp thuận giải mật ngày 17 tháng 4 năm 2003
Tên hồ sơ: CIA-RDP79T00975A007000150001-7.pdf

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Vài ngày sau cuộc thảm sát ở đài phát thanh Huế, bản phúc trình này được Sở Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ trình lên các cấp cao nhất trong chính phủ Mỹ -- trong đó có Tổng Thống Mỹ, Phó Tổng Thống Mỹ, nhiều Bộ Trưởng trong nội các chính phủ, và các cấp cao nhất về quốc phòng và tình báo. Danh sách các nơi nhận ghi nơi trang áp chót hồ sơ PDF có tên nêu trên.

Bản phúc trình tình báo này thuộc loại TOP SECRET, tối mật, và sau khi được giải mật, vẫn còn một trang và một số câu bị xóa trắng để giữ bí mật. Các chỗ chưa giải mật trong hồ sơ PDF này có ghi mã số kế bên là 25X1, để biết là có những chữ được xóa trắng.

Hồ sơ này gồm 6 phần, mỗi phần một trang: phần 1 nói về Haiti, phần 2 về Lào Quốc, phần 3 về Nam Việt Nam, phần 4 còn xóa trắng, phần 5 về Indonesia; phần 6 là Ghi chú về Liên Bang Sô Viết, Argentina và Peru.

Nơi đây sẽ dịch riêng phần về Việt Nam, trong đó ghi rằng, khi giải tán đám đông 3,000 Phật Tử, **trách nhiệm thảm sát** tại Đài Phát Thanh Huế là do 3 lực lượng: cảnh sát, Dân Vệ và quân đội.

Hồ sơ CIA nơi đây cũng nói: chính sách của chính phủ ông Diệm là thiên vị Thiên Chúa Giáo, nhưng Phật Tử trước giờ vẫn lặng lẽ chịu đựng, cho tới khi xảy ra biến động Huế.

Kèm bản dịch sẽ là phóng ảnh trang 3 hồ sơ dạng .jpg, và hồ sơ nguyên bản PDF. Tựa đề "CIA Báo Cáo Tổng Thống Mỹ Về Cuộc Thảm Sát Huế 1963" là của người dịch ghi vào, để khỏi nhầm với các hồ sơ CIA khác đã dịch. Sau đây là bản dịch thực hiện bởi **Cư Sĩ Nguyên Giác**.)

NAM VIỆT NAM

Một sự bùng phát thái độ chống chính phủ trong các Phật Tử ở thành phố Huế vào ngày 8 tháng 5 năm 1963 có thể có các hậu quả nghiêm trọng.

Phật Tử chiếm khoảng 80% dân số, nhưng trước đây ít bày tỏ bất mãn đối với chính sách thiên vị Thiên Chúa Giáo của chính phủ Ông Diệm. Rắc rối tại Huế hiển nhiên khởi lên từ một lệnh của chính quyết – sau đó lệnh này đã thu hồi -- lệnh đó ngăn cấm treo cờ Phật Giáo trong lễ hội mừng Phật Đản.

Một phát ngôn nhân Phật Giáo đã kêu gọi Phật Tử ra biểu tình đông đảo bằng cách lên án chính quyền đàn áp tự do tôn giáo, và một số người biểu tình đã mang biểu ngữ chống ông Diệm và chống Thiên Chúa Giáo. Nỗ lực của cảnh sát, Dân Vệ, và quân đội khi giải tán đám đông khoảng 3,000 người ở đài phát thanh đã làm chết ít nhất 7 người.

Các sự kiện tiếp theo có thể dẫn tới kết quả là các lãnh tụ Phật Tử sẽ kêu gọi những cuộc biểu tình ủng hộ ở các tỉnh khác, và sẽ dẫn tới tình hình chính quyền Huế sẽ ra các biện pháp an ninh xiết chặt.

Có tin là một số nhóm Phật Tử và những người dân tộc chủ nghĩa khác có lập trường chống chính phủ ông Diệm dự định công bố những tấm ảnh chụp được trong cuộc hỗn loạn, đặc biệt là công bố ở các quốc gia Phật Giáo khác.

Đính kèm là bản PDF (Chánh Pháp không đăng nơi đây), và ảnh trang 3.

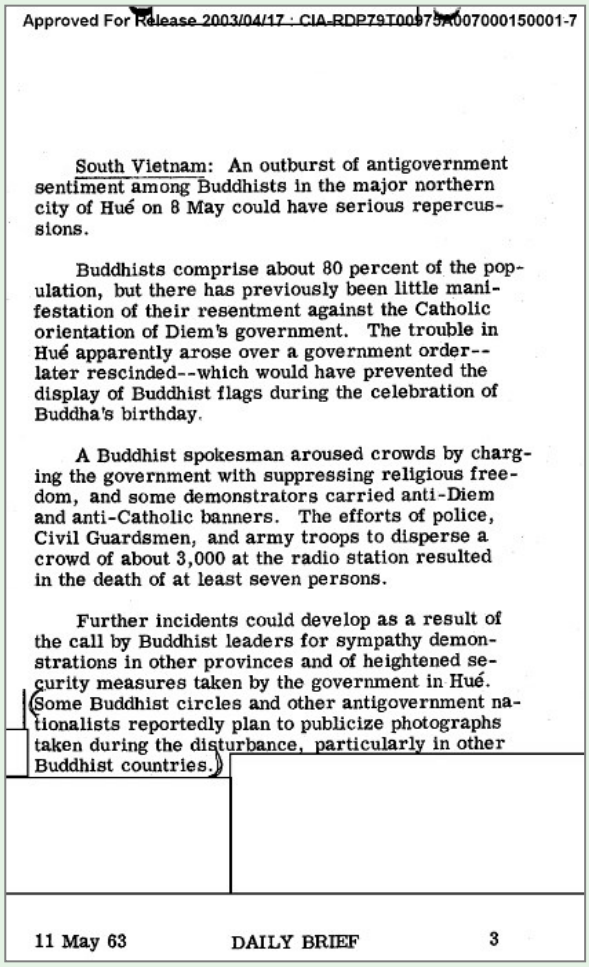
Approved For Release 2003/04/17 : CIA-RDP79T00975A007000150001-7

South Vietnam: An outburst of antigovernment sentiment among Buddhists in the major northern city of Hué on 8 May could have serious repercussions.

Buddhists comprise about 80 percent of the population, but there has previously been little manifestation of their resentment against the Catholic orientation of Diem's government. The trouble in Hué apparently arose over a government order--later rescinded--which would have prevented the display of Buddhist flags during the celebration of Buddha's birthday.

A Buddhist spokesman aroused crowds by charging the government with suppressing religious freedom, and some demonstrators carried anti-Diem and anti-Catholic banners. The efforts of police, Civil Guardsmen, and army troops to disperse a crowd of about 3,000 at the radio station resulted in the death of at least seven persons.

Further incidents could develop as a result of the call by Buddhist leaders for sympathy demonstrations in other provinces and of heightened security measures taken by the government in Hué. Some Buddhist circles and other antigovernment nationalists reportedly plan to publicize photographs taken during the disturbance, particularly in other Buddhist countries.

11 May 63 DAILY BRIEF 3

Hình như em cũng

TOẠI KHANH

Một câu chuyện của thời chưa ai biết gì về computer hay internet. Ngày ấy, một thương gia bí ẩn đến từ Trung Đông bất ngờ ra một thông cáo tuyển vợ với hai điều kiện quái dị là người chấp nhận lấy ông phải tuyệt đối lìa bỏ mọi quan hệ liên lạc với bất cứ ai ngoài ông và điều thứ hai là dám theo ông đến cùng trời cuối đất mà không cần biết trước đó là đâu, cũng như sẽ làm gì, sống ra sao. Tất cả người đẹp sau khi đọc xong thông cáo trên đều lạnh người lắc đầu nguầy nguậy. Ai lại dại đến thế chứ, con người chứ đâu phải thứ gì… Thân gái dặm trường, biết đâu ông chồng kỳ lạ kia lại đem vợ tế thần ở chốn hoang đảo rừng sâu hay bắt làm chuột bạch cho một thí nghiệm tàn độc nào đó thì có mà tiêu một kiếp hồng nhan.

Vậy mà phút cuối cũng có một người đẹp đã liên lạc với người đại diện của ông thương gia. Nàng là một sinh viên xuất thân cô nhi viện theo chân các Sơ lưu lạc nhiều nước và tự nhận là không có tình thân, không quê hương và thậm chí hồi ức kỷ niệm với nàng cũng là một thứ xa lạ. Ông thương gia vui quá, tiệc tùng suốt mấy ngày để mừng mình tìm thấy báu vật. Người con gái ấy đẹp và rõ ràng chẳng giống ai trong đám quần thoa rặt giống đàn bà và đó chính là mẫu người mà ông ao ước.

Mười năm rồi ba mươi năm trôi qua, chuyện tình của người thương gia vẫn đẹp như trong mùa cưới. Tuổi già, hai vợ chồng ông về sống lặng lẽ ở một thôn trang bên Ý và ông đã mất trước bà mấy năm.

Một chiều kia ở nghĩa trang có hai người viếng mộ, một bà cụ và một người đàn ông trẻ tuổi, nhìn hệt mẹ con. Ngồi trên chiếc băng đá xanh rêu nằm cạnh dãy mộ, giọng người đàn bà đều đặn thong thả:

- Ngày con dắt Verona về ra mắt, mẹ chợt nhớ đến tờ thông cáo tuyển vợ của ba con ngày xưa. Mẹ đã muốn nói đôi điều với nó nhưng lại thôi. Bây giờ thời thế đã khác, mỗi người một phận, thôi thì cứ xuôi theo tự nhiên. Có chuyện này ngộ lắm, ngày ba con còn, mỗi lần nhắc lại ông đều cười đến chảy nước mắt. Ba con có chút ấn tượng xấu về phụ nữ qua mấy cô bạn gái trước lúc gặp mẹ. Thế là ông ra cái thông cáo quái gở kia để tìm một người vợ không tò mò, ít nói và không có quá nhiều quan hệ với thân nhân hay bè bạn. Chỉ vậy thôi. Còn mẹ, gốc cô nhi mà, mẹ đã hiểu thông cáo kia theo cách của mình nên gật đầu cái rụp để theo ba con. Nhiều người cứ bảo chắc tại mẹ nghèo nên liều mạng, nhưng chỉ có mẹ hiểu mình muốn gì, nghĩ gì. Sau này nghe mẹ giải thích, ông ấy nói lấy bà coi như tôi cưới hết tinh hoa phụ nữ trên đời. Ổng ninh đầm giỏi lắm, nhưng mẹ tin câu nói đó là thiệt, dù không dám nhận mình xứng đáng vậy.

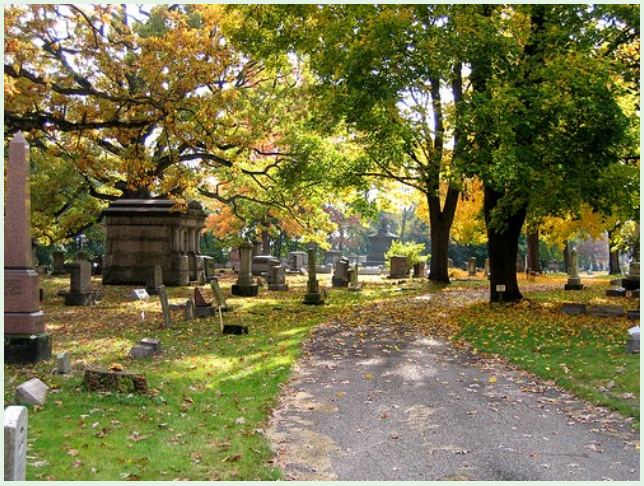

Người đàn ông đang dõi mắt nhìn ra cổng nghĩa trang, nghe đến đây thì đưa mắt nhìn vào bà cụ như thôi thúc bà nói tiếp. Bà cụ hắng giọng khe khẽ, rồi chậm rãi bằng một giọng nói xa xôi như đưa người quay về một dĩ vãng nào xa lơ lắc:

- Mẹ là cô nhi nên dĩ nhiên không thân thích, từ bé đã quen với những bất trắc, bất toàn. Đọc thấy thông cáo bắt mình không được tò mò chỗ sẽ đi là đâu, sẽ sống như thế nào, thì mẹ bật cười một mình. Có độc thân hay lấy ai ngoài ông ấy thì cuộc đời mẹ làm gì lại chẳng có những điều không thể ngờ trước. Chuyện huề vốn. Điều kiện thứ hai là ngoài ông ấy thì mình không còn một liên lạc quan hệ nào với bất cứ ai, kể cả sự nắm níu một nơi chốn cũng là điều ông ấy không muốn. Cứ nhắm mắt theo ông là được. Ba của con muốn mẹ chỉ biết có ông ấy và chỗ hai người đang có mặt. Mẹ lại cũng hiểu điều này theo cách của mình. Chuyện quan trọng nhất đời chính là điều gì sinh tử nhất trong mỗi thời điểm, mỗi lúc mình chỉ có thể dốc lòng cho một chuyện hay một người thôi. Lăng xăng quá thường hỏng việc. Kể cả những bận lòng kiểu hồi ức nhiều khi cũng không phải điều cần thiết. Lắm lúc phải quên cho bằng được con người cũ của chính mình thì người ta mới học được những điều mới lạ. Điều kiện thứ hai này lại cũng là chuyện có nói thêm thừa. Thế là mẹ gật đầu không do dự. Hiểu được chừng đó thì những thói xấu thường thấy như tò mò, nhiều chuyện, hiếu sự sẽ không còn nữa. Ba của con thâm thúy chỗ này.

Gió chiều thổi lồng lộng qua nghĩa trang. Nắng đã tắt từ lâu. Hai mẹ con bà cụ từng bước ra cổng. Sau lưng họ là một nấm mồ của một trong những người đàn ông may mắn nhất thế giới.

MỆT MỎI KINH NIÊN

Bs. Nguyễn Ý Đức

Hội chứng Mệt Mỏi Kinh Niên (Chronic Fatigue Syndrome) không phải là vấn đề mới lạ.

Bệnh đã được mô tả từ thế kỷ thứ 19. Rồi trong thập niên 30 tới 50 của thế kỷ trước, có nhiều trường hợp bệnh xẩy ra tại các quốc gia trên thế giới. Vào năm 1980, sự lưu tâm tới hội chứng này tăng lên và đã có nhiều triệu người đi khám bác sĩ với than phiền luôn luôn mệt mỏi, không có sinh lực.

Định nghĩa

Hội chứng này được định nghĩa như tình trạng mệt mỏi kéo dài quá sáu tháng, gây ảnh hưởng xấu tới các sinh hoạt hàng ngày và không do một bệnh nào về thể xác gây ra.

Đặc tính của tình trạng mệt mỏi là:

a- Phải trầm trọng đến nỗi nghỉ và ngủ không làm thuyên giảm.

b- Mệt mỏi không gây ra do làm việc hay tập dượt nặng nhọc.

c- Mệt mỏi ảnh hưởng tới mọi công việc thường lệ.

đ-Mệt mỏi phải là hiện trạng mới chứ không phải do một bệnh tật nào đó, và phải kéo dài liên tục.

Hội chứng Mệt Mỏi Kinh Niên khá phổ thông nhất là tại các quốc gia kỹ nghệ cao.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu, hội chứng này vẫn được coi như là một bệnh kinh niên có nhiều điều chưa được sang tỏ. Khác với các bệnh truyền nhiễm vì hội chứng không do một vi khuẩn rõ ràng nào gây ra. Không như bệnh tiểu đường, bệnh thiếu hồng cầu vì mệt mỏi kinh niên không thể đo lường. Lại chẳng như bệnh tim mạch vì phương thức trị liệu rất hiếm hoi.

Bệnh có nhiều ở nữ giới hơn nam giới, trong khoảng tuổi từ 20 tới 50, thường thấy ở lớp người có kiến thức tương đối cao, khá hiểu biết về bệnh tật, có bảo hiểm sức khỏe và thường hay đi khám bác sĩ. Nữ giới có kinh kỳ bất thường bị chứng này nhiều hơn.

Riêng đối với dân Mỹ, Trung Tâm Kiểm Soát và Phòng Ngừa Bệnh cho hay cứ 100.000 người thì 3 người bị bệnh.

Nguyên nhân

Đã có nhiều thuyết được nêu ra để giải thích nguyên nhân của hội chứng này và các thuyết đều cho nó là tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau. Tuy vậy một số người trong y giới vẫn nghĩ rằng hội chứng chỉ là dấu hiệu của vài bệnh về tâm thần hay về thể xác, giống như sự thiếu hồng cầu, cao huyết áp trong một vài bệnh. Hầu như bất cứ một bệnh trạng kinh niên nào cũng gây ra mệt mỏi được như bệnh tiểu đường, u bướu giáp trạng, phong thấp khớp, viêm cơ tim, bệnh trầm cảm, lo âu.

Sau đây là một số giải thích:

1- Thay đổi trong hệ thần kinh trung ương như viêm não, rối loạn sự điều hòa giấc ngủ, trung tâm kiểm soát căng thẳng, Cấu tạo dưới đồi" (hypothalamus) bị xáo trộn; giảm chất cortisol hoặc hóa chất trung gian thần kinh.

2- Nhiễm độc đặc biệt là với các loại virus.

3- Suy yếu hệ thống miễn nhiễm phòng vệ cơ thể.

4- Ở một số người bị Mệt Mỏi Kinh Niên, huyết áp xuống thấp khi họ đứng lên. Nguyên do là có một thay đổi ở hệ thần kinh khiến nhịp tim chậm lại, huyết áp giảm, máu dồn xuống chân, gây ra chóng mặt, buồn nôn, ngất xỉu.

5- Sự suy yếu chung của các bắp thịt và hệ thống xương cốt cũng được nêu ra như một giải thích cho hội chứng.

6- Nhiều người đôi khi bị rối loạn hô hấp, hơi thở dồn dập, căng thẳng quá mức, có thể đưa đến ho suyễn, lo âu, tức ngực, tê đầu ngón chân tay vì mất thăng bằng giữa dưỡng khí và thán khí trong cơ thể.

7- Sau cuộc chiến vùng Vịnh năm 1990, nhiều cựu chiến binh Hoa Kỳ nhất là nữ giới bị hội chứng này. Sự việc được giải thích là sự căng thẳng cơ thể khiến máu lưu thông trên óc giảm, virus dễ xâm nhập và gây ra hội chứng.

8- Một số dược phẩm gây ra mệt mỏi như thuốc chữa bệnh cao huyết áp, đau nhức, thuốc tâm thần, thuốc trị dị ứng.

Triệu chứng

Việc chẩn đoán bệnh đều căn cứ vào lời khai của bệnh nhân về các dấu hiệu, y sử cá nhân, gia đình, các thuốc đang dùng.

Ngoài sự mệt mỏi, hội chứng cần có ít nhất bốn hay nhiều hơn những dấu hiệu sau đây để được xác định bệnh:

Mất trí nhớ ngắn hạn, kém tập trung vào việc làm, sự học hay các sinh hoạt khác;

2- Đau cuống họng;

3- Nổi hạch ở nách và cổ;

4- Đau nhức các bắp thịt;

5- Một số khớp xương bị đau nhưng không sưng hay đỏ;

6- Nhức đầu trầm trọng;

7- Mệt mỏi rã rời suốt ngày sau bất cứ một gắng sức nào;

8- Ngủ không ngon giấc hoặc có nhiều nhu cầu ngủ hơn thường lệ.

Kết quả thử nghiệm thường không có gì đặc biệt và ít giúp ích cho việc định bệnh.

Ta cũng cần lưu ý là có nhiều bệnh có thể nhầm lẫn với hội chứng này như trầm cảm, nhiễm độc, mang thai, chứng mất ngủ, tâm thần thường xuyên căng thẳng, sử dụng sức lực quá đáng, tiếp xúc với hóa chất môi trường độc, nghiện rượu, ma túy và nhiều bệnh khác.

Cho nên khi ta bị mệt mỏi kéo dài cả tháng không bớt thì cần đi tham khảo bác sĩ.

Tương lai của người bị bệnh rất khó đoán.

Có trường hợp trầm trọng khiến phải nằm liệt giường vì không còn sức di chuyển, sinh hoạt. Nhẹ hơn có người cũng nói là không hoàn tất chu đáo được công việc hàng ngày. Nhiều người than phiền làm việc mà tâm trí để ở đâu đâu hoặc không làm được việc có tính cách tỉ mỉ. Cũng có người cảm thấy tự cô lập, giảm sinh hoạt, rơi vào tình trạng trầm buồn, ưu phiền.

Điều trị

Điều đáng tiếc là cho tới nay chưa có phương thức điều trị nào được coi như hữu hiệu, đáng tin cậy để chữa hội chứng mệt mỏi mà chỉ có thể làm nhẹ bớt khó khăn ngõ hầu bệnh nhân có thể tiếp tục các sinh hoạt hàng ngày.

Các lời khuyên về việc áp dụng một nếp sống lành mạnh với tập luyện cơ thể vừa phải, ăn uống cân bằng bổ dưỡng, giữ tâm thần an lạc, hoạt động vừa sức, tất cả đều có ích.

Bác sĩ có thể cho dùng vài loại thuốc an thần, chống đau để làm bớt trầm cảm, đau đớn thể xác.

Vài trung tâm điều trị khảo cứu có dùng mấy loại thuốc mới như Ritalin, Corticosteroid... Ta có thể xin bác sĩ gia đình giới thiệu tới các trung tâm này để dùng thử.

Ngoài ra, một số người bệnh còn tìm sự chữa trị ở các phương pháp khác như châm cứu, Đông y cổ truyền, thuốc ta.

Có bệnh thì vái tứ phương là vậy.

Nhưng nên đề phòng khi có người khoe khoang rằng họ có thuốc chữa dứt hội chứng để khỏi rơi vào tình trạng tiền mất, tật mang. Chẳng hạn như là muốn khỏi bệnh chỉ nên dùng thuốc của họ. Rằng muốn hết mệt mỏi thì phải sinh hoạt thường xuyên với họ cũng như mua thuốc trực tiếp qua các cơ sở thương mại của họ, với giá tiền quá cao.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, M.D.

Tiệm Cơm Chay

AN LẠC DUYÊN

Vegetarian Restaurant

8851 Garden Grove Blvd., Suite 115
Garden Grove, CA 92844
(Khu New Seoul Plaza)

(714) 534-4400

Mở cửa Monday — Sunday
Từ 9 AM đến 10 PM

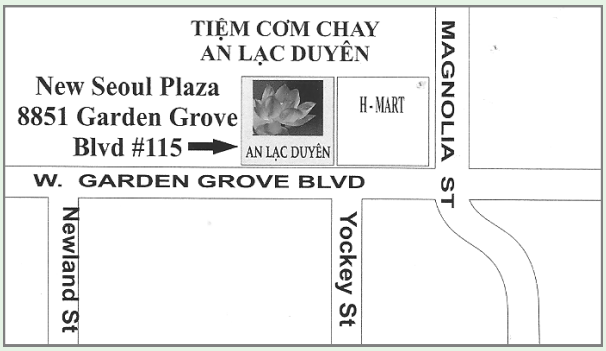

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH NUÔI

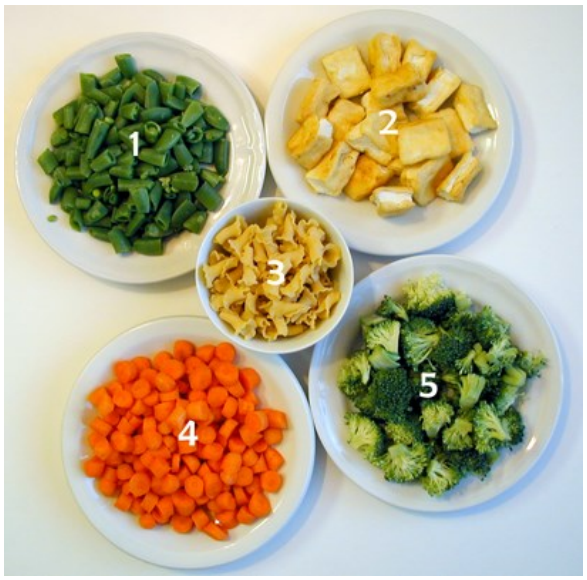

Vật Liệu:

1) 1/2 cup đậu xanh
2) 1/2 cup tàu hủ chiên hoặc không chiên
3) 1/2 cup nuôi khô
4) 1/2 cup carrot
5) 1/2 cup brocoli
6) 2 muỗng cafe bột nêm chay (có thể mua ở các tiệm thực phẩm Á châu) hoặc thay thế vào bằng muối và đường phèn
7) Tiêu.

Cách Làm:

Cho lên lò một nồi nhiều đủ nước để luộc nuôi. Khi nước sôi thì cho nuôi vào và luộc cho đến khi nuôi mềm. Khi nuôi vừa mềm thì đổ ra rổ cho ráo nước và để qua một bên.

Bắc một nồi khác lên lò. Cho vào khoảng 6 cup nước lã hoặc nước rau luộc. Nấu cho nước sôi, rồi dặn lửa nhỏ lại. Cho nuôi luộc và các thứ ở hình trên (1, 2, 3, 4, và 5) đã được cắt nhỏ vào nồi. Nấu thêm khoảng 5-10 phút nữa là quý vị sẽ có một tô canh nuôi thật ngon và bổ.

Chúc quý vị có một tô canh nuôi thật ngon cho buổi ăn hôm nay.

(Chú thích của CP: Nuôi hoặc nui, là tiếng phiên âm từ chữ tiếng Pháp là *nouille*, tiếng Ý là *pasta*, một loại mì của người Âu-Mỹ, làm bằng bột mì – wheat flour, có đủ loại hình và cũng có loại mì sợi cọng lớn, nhưng không giống mì sợi của Á đông)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia xẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

ĂN CHAY VÀ VITAMIN B-12

Tâm Diệu biên soạn

***Lời người biên tập**: Có một số nghiên cứu đo lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) trong máu nơi những nhóm người ăn chay từ nhiều vùng khác nhau trên thế giới, trong đó có những người theo Ấn Độ Giáo và Kỳ Na Giáo ở Ấn Độ. Họ thấy những nhóm người ăn chay có lượng vitamin B-12 thấp. Mặc dầu sự liên hệ giữa hàm lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) chưa được hiểu hết hoàn toàn nhưng kết quả cho biết những người có lượng vitamin B-12 thấp lại có chỉ số homocysteine (tHcy) cao và một khi chỉ số tHcy cao là chỉ dấu báo hiệu yếu tố nguy cơ có thể gây ra chứng suy tim. Bài viết dưới đây nhằm giúp những người ăn chay trường loại thuần chay (vegan), nhất là các tu sĩ Phật Giáo trong các cộng đồng Phật Giáo Bắc Truyền (Bắc Tông hay Đại Thừa Phật Giáo) nên lưu ý đến vấn đề ăn chay cho đúng phương pháp và cần bổ sung thêm thuốc bổ đa năng (multivitamins) và vitamin loại methylcobalamin B-12.*

Hiện nay chế độ ăn chay được phân làm hai loại chính, trong tiếng Anh gọi là vegetarian và vegan. Theo thống kê năm 2011của *Harris Interactive* nước Mỹ có 2.5% dân số là vegan và 2.5% dân số là vegetarian.

Vegetarian dùng để chỉ những người không ăn thịt các loài động vật. Nhưng họ có thể ăn trứng và uống sữa. Thịt động vật được định nghĩa là thịt các loài sinh vật có cảm giác và tự cử động được, tức là các sinh vật biết đi, biết bò, biết cọ quậy, biết bay và biết bơi. **Vegetarian** lại được phân chia làm ba loại tuỳ theo sở thích (1) **Lacto Vegetarians (**ăn chay có sữa): Những người này không ăn thịt động vật và trứng, nhưng dùng thêm sữa và các phó sản của sữa như bơ, phó mát. (2) **Ovo Vegetarians** (ăn chay có trứng): Những người này không ăn thịt động vật và không uống sữa, nhưng có dùng thêm trứng. (3) **Lacto-Ovo Vegetarians** (ăn chay có trứng và sữa): Những người này không ăn thịt động vật, nhưng ăn trứng, uống sữa và các phó sản của sữa như bơ, phó mát. Loại này phổ thông nhất.

Vegan (ăn chay thuần): Những người này không ăn các thực phẩm có nguồn gốc từ các loài động vật, tức là không ăn bất cứ loại thịt động vật nào, không ăn trứng, không uống sữa và không ăn các sản phẩm của sữa, không ăn mật ong, cũng như không tiêu dùng các vật dụng có liên hệ tới sự sống của con vật như mặc áo lụa dệt bằng tơ, áo len dệt bằng lông cừu, áo lông thú, mang giầy, bóp, ví bằng da cá sấu, hoặc da bò.

Nhiều nghiên cứu khoa học cho biết những người ăn chay dù ăn theo bất cứ loại nào nếu có kế hoạch đều đạt được nhiều lợi ích đáng kể và chỉ ra rằng chế độ ăn dựa trên thực phẩm có nguồn gốc thực vật có liên quan với giảm nguy cơ bệnh tim mạch, một số loại ung thư và một số bệnh thoái hóa mạn tính khác . [01, 02] Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy người **ăn chay thuần** (vegan), có hàm lượng vitamin B-12 thấp hơn và chỉ số homocysteine (tHcy) cao hơn so với những người không ăn chay, điều này cho thấy tiềm năng thiếu hụt một số chất dinh dưỡng.

Mặc dù các triệu chứng đáng chú ý đầu tiên của tình trạng thiếu vitamin B-12 không có chỉ dấu đặc biệt như mệt mỏi bất thường hay có vấn đề tiêu hóa. Tuy nhiên, những triệu chứng lâm sàng xuất hiện từ từ và kín đáo trong nhiều tuần, đôi khi trong nhiều tháng. Chúng có biểu hiện đầu tiên là mệt mỏi tăng dần, chán ăn, gầy sút rồi sau đó xuất hiện thiếu máu, tổn thương hệ thần kinh, da và niêm mạc.

Có hai nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thiếu vitamin B-12 là (1) không cung ứng đủ cho cơ thể thực phẩm có chứa vitamin B-12 (như nghèo đói và ăn chay chay thuần (vegan), và (2) hấp thụ kém vitamin B-12. Phần lớn những người thiếu vitamin B-12 do bởi nguyên nhân thứ hai. Sự hấp thụ vitamin B12 cần có yếu tố nội tại (một protein do tế bào thành của niêm mạc dạ dày tiết ra) và enzyme phân hủy protein của tụy. Vitamin B12 được hấp thụ bởi đoạn cuối ruột non. Theo thống kê năm 2010 nước Mỹ có 16% dân số tức khoảng 48 triệu người Mỹ bị rối loạn dinh dưỡng do thiếu vitamin B12 nhưng không được các bác sĩ chẩn đoán và điều trị đúng, gây ra rất nhiều chứng bệnh.

Vitamin B-12 thường không có ở những thực phẩm chay, chỉ có ở các sản phẩm chế biến từ thịt động vật và một số ít có trong trứng và bơ sữa. Vì thế với những người ăn chay loại **thuần chay và trường chay**, phải có kế hoạch cẩn thận cho một chế độ ăn uống, cần thử máu theo dõi tình trạng vitamin B-12 và chỉ số tHcy (total homocysteine) trên cơ sở thường xuyên để có thể phát hiện sớm tình trạng thiếu vitamin B-12, và nên sử dụng hàng ngày các loại thực phẩm như thức ăn sáng cereals, sữa đậu nành có pha trộn thêm vitamin B-12 hay hay uống thêm thuốc bổ sung loại đa năng (multivitamins), hoặc dùng thuốc vitamin B-12 bổ sung.

Có một số nghiên cứu đo lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) nơi những nhóm người ăn chay từ nhiều vùng khác nhau trên thế giới. Mặc dầu sự liên hệ giữa hàm lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) chưa được hiểu hết hoàn toàn nhưng kết quả cho biết những người có **lượng vitamin B-12 thấp lại có chỉ số tHcy cao** [03]

Homocysteine (Hcy) là amino acid. Khi cơ thể chuyển hóa amino acid methionine, homocysteine được hình thành như một sản phẩm của quá trình này. Thông thường, hầu hết các homocysteine được tái chế như amino acid khác. Tuy nhiên, cơ thể cần đủ lượng vitamin B12 và folate acid trong chế độ ăn uống để làm điều này. Nếu không có đủ vitamin B12 và folic acid, quá trình tái chế trở nên bị trục trặc, gây ra mức độ homocysteine trong máu tăng lên. Tổng số homocysteine (tHcy) cao trong máu thường chỉ ra rằng cơ thể không nhận được đủ folate acid hoặc vitamin B12 từ thực phẩm hay thuốc bổ sung.

Theo một công trình nghiên cứu của Mỹ đã được công bố, chỉ số homocysteine (tHcy) cao trong máu là một yếu tố nguy cơ gây ra chứng suy tim (congestive heart failure). Nhiều nghiên cứu khác của Austria,

Đức và Đài Loan cũng khẳng định sự liên quan giữa chỉ số homocysteine (tHcy) trong máu và nguy cơ phát sinh các cơn đau tim, đột quỵ, thậm chí cả chứng viêm tĩnh mạch.[04, 05]

Theo tiêu chuẩn của nhiều phòng xét nghiệm trên thế giới, chỉ số homocysteine (tHcy) được coi là bình thường nếu nằm trong giới hạn: 6–12 μmol/L.

Theo lời khuyên của các chuyên gia y tế, mọi người đều nên làm xét nghiệm chỉ số homocysteine (tHcy) để có cách xử trí kịp thời nếu mức homocysteine trong máu lên cao bất thường; vì tình trạng này có thể dẫn đến chứng mất trí nhớ và nhiều bệnh tim mạch. Nếu chỉ số tHcy cao, có thể khắc phục bằng cách uống vitamin B6, vitamin B12 [06] và folic acid B-9. Nên lưu ý (1) vitamin B-12 phải là loại **Methylcobalamin B-12. (2)** Folic acid B-9 phải là loại **Methyl Folate** (thế hệ thứ 4 của folic acid và (3) Vitamin B-6 cần có thêm Mg++.

Trên thế giới hiện có một dược phẩm giúp hạ homocysteine mang tên Homocysteine Formula. Mỗi viên chứa 50 mg vitamin B6, 400 mcg folic acid, và 125 mcg vitamin B-12 (số lượng thay đổi tuỳ theo nhà sản xuất).

Nói tóm lại, những người ăn chay trường loại **thuần chay** (vegan), nhất là các tu sĩ Phật Giáo trong các cộng đồng Phật Giáo Bắc Truyền (Bắc Tông hay Đại Thừa Phật Giáo) nên lưu ý đến vấn đề ăn chay cho đúng phương pháp và cần bổ xung thêm thuốc bổ đa năng (multivitamins) và vitamin loại methylcobalamin B-12.

Bài viết này chỉ có tính cách thông tin, mọi liên quan đến việc chẩn và chữa bệnh là thuộc thẩm quyền của bác sĩ y khoa.

Dẫn chiếu

[01] Sabaté. The contribution of vegetarian diets to health and disease: a paradigm shift? Am J Clin Nutr 2003;78(suppl):502S–7S. [http://ajcn.nutrition.org/content/78/3/502S.abstract?ijkey=dcbb971e905279f3baeb6df83e652ff723e3ed56&keytype2=tf_ipsecsha]

[02] Appleby PN, Key TJ, Davey GK, Appleby PN. Health benefits of a vegetarian diet. Proc Nutr Soc 1999;58:271–5. [http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/10466166?dopt=Abstract]

[03] Vitamin B-12 and homocysteine status among vegetarians: a global perspective Am J Clin Nutr 2009 89: 1693S-1698S Abstract/Full Text/ Full Text (PDF)

[04] The American Journal of Clinical Nutrition http://ajcn.nutrition.org/content/89/5/1693S.full

[05] The Journal of the American Medical Association March 12, 2003, Vol 289, No. 10

[06] Methylcobalamin được nhiều nhà nghiên cứu cho là loại hoạt động mạnh nhất của vitamin B12. Methylcobalamin bảo vệ tế bào thần kinh vỏ não chống NMDA và thúc đẩy việc tái tạo tế bào thần kinh. Methylcobalamine là dạng duy nhất của vitamin B-12 có tham gia trong việc điều chỉnh nhịp sinh học (chu kỳ ngủ-thức). Nó đã được chứng minh trong việc cải thiện chất lượng giấc ngủ và làm mới từ giấc ngủ, cũng như tăng cảm giác hạnh phúc, sự tập trung và sự tỉnh táo.

CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và độc giả đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ấn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

TT. Thích Tuệ Uy $500 TT. Thích Minh Hạnh $400, ĐĐ. Thích Chúc Hiền $200, Ns. Thích nữ Huệ Nghiêm $160, Ns. Thích nữ Giới Định $20, Ns. Thích nữ Như Quang $50, Sc. Tâm Hòa $50, Ns. Thích nữ Đức Thường $300, Sc. Tuệ Chơn $500, Sc. Tuệ Đức $200, Sc. Trí Hòa $100, Sc. Hoa Liên $50, Sc. Đức Huy $100, Quảng Nguyện $200, Quách Thanh Dung $60, Lang Trương $100, Đường Nguyễn $60, Hoàng Thịnh $60, Phan Vệ $150, Nguyễn Lương Quyên $60, Trang thị Hạnh (Canada) $300, Đinh Trần $100, Nguyễn thị Lua $60, Võ Doãn Nhẫn $20, Pháp Tuệ Tấn $60, Diệu Tâm (HI) $60, Huệ Trân $30, Kimberly Khương $10, Victoria Đinh $100, Katherine Ngọc Nguyễn $60, Chùa Thiên Trúc $100, Chùa Hương Sen $100, Diệu Tịnh $600, Lê Như Thưởng $300, Hùng – Linh $100, Linh Vũ $88, Thái Kế An $100, Trần thị Cát Tường $100…

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thùy từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp

Tuổi Thơ Chốn Thiền

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Mới bước chân vào chùa gọi là hành điệu, phải học thuộc lòng hai đường công phu, không có ngày nào mà không bị dò bài. Thuộc thì cho ra chơi, không thuộc thì quỳ hương mà học. Ôi là vất vả, nhưng cũng nhờ đầu óc con nít nên mau thuộc, chứ như bây giờ chắc quỳ suốt tháng cũng học không xong.

Điệu nào ở nhà có học chú Đại bi, thuộc các bài sám rồi thì đỡ cực hơn, chứ vô chùa rồi thì rất nhiều việc, tuy không làm việc nặng nhưng việc lặt vặt thì cứ làm hoài, với lại tuổi nhỏ ham chơi ham ngủ, nên không có nhiều thời giờ học bài, còn phải đi học ở nhà trường nên bài vở nhiều, mệt ơi là mệt!

Vô chùa còn nhỏ thì được để chóp, tức cạo đầu rồi còn một ít tóc trên mỏ ác gọi là cái vá. Tại sao gọi là cái vá, cứ thắc mắc hoài. Có phải các bậc tiền bối nhìn hình thù mớ tóc như cái vá múc canh nên gọi là cái vá hay không? Dài thì vắt qua lỗ tai, thật là thú vị, ngộ nghĩnh và dễ thương vô cùng. Có điệu tu khi nhỏ để chóp dài quấn quanh đầu, thường được các bậc tôn túc vuốt chóp, chú nguyện cho điệu tu hành đến nơi đến chốn; điệu thật sung sướng vì mỗi lần như vậy các Ngài cho điệu nhiều bánh kẹo. Có chỏm tóc như vậy rất là quý, khoảng 16 tuổi thọ sa di bị cạo sạch tóc tiếc ơi là tiếc. Có điệu cạo tóc thì mừng mà cạo chóp thì phải khóc thút thít, vì từ đây tuổi thơ đã ra đi, thay vào đó phải học thêm nhiều đức hạnh của người xuất gia.

Có người hiểu không rõ cho rằng, hành điệu là hành hạ những người còn nhỏ tuổi, vì điệu thì còn nhỏ. Thực ra hành điệu ở đây có ý nghĩa rất cao quý, là tập cho người nhỏ tuổi thực hành đúng theo phép tắc nội quy của thiền môn, vì đó là thềm thang vững chắc để bước lên Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni… Bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi của người xuất gia. Nếu không có oai nghi tế hạnh thì lấy đâu làm nền tảng để trang nghiêm thân mình, làm chỗ quy kính cho hàng phật tử. Bậc Thầy Tổ dạy rằng người xuất gia: đi như tượng vương, đứng như tường vách, nằm như sư tử, ngồi như chuông úp. Hành giả tu tập thật hành cho trọn vẹn suốt cả một đời tu chưa chắc đã hoàn hảo, nếu không nỗ lực gia tâm luyện tập không gián đoạn.

Học kinh không phải dễ, vì chữ này lộn với chữ kia, câu này nhảy qua câu khác như chú Đại bi *"Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ da…"* hoặc thần chú Lăng Nghiêm đệ thứ ba thì lộn hoài học không xong, thật là khó như *"Tỳ đà dạ xà sân đà dạ ni, kê ra dạ di…"* tới 15 lần *Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di kê ra đa di,* học mà không thuộc thì tụng lui tụng tới không ra khỏi, cho nên tụng kinh thân tâm phải chánh niệm và ý phải trụ vào một chỗ, còn thân ngồi đó mà tâm đi rong thì kết quả không tốt. Tuy vậy nhiều điệu có duyên lành sâu dày với Phật pháp hàng ngày đi công phu theo đại chúng không học kinh cũng thuộc làu.

Thuộc kinh rồi được học bốn quyển Luật Tiểu trong đó có Tỳ ni, Sa Di, Oai nghi, Cảnh sách. Vị luật sư khởi lập Luật Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu này chính là Hòa thượng Kiến Nguyệt, hiệu Độc Thể, tự Hoằng Giới ở núi Bảo Hoa đời nhà Thanh. Nương theo tâm từ bi của Đức Phật và muốn sách tấn hàng hậu học, nên Ngài lược rút ở phẩm Tịnh Hạnh trong Kinh Hoa Nghiêm, cũng như trong Mật Bộ và trong các Kinh Luận khác. Ngài làm thành 45 bài kệ, 38 câu chú để kẻ sơ cơ làm phép tắc cho thân tâm, khắp bốn oai nghi, trong suốt ngày đêm đều lấy đó làm thềm bậc tiến tu đạo nghiệp, là cửa ngõ để thành Phật tác Tổ.

Cổ Đức dạy: *"Người nào khi mới làm điệu chịu khó học Luật Tỳ Ni và 24 oai nghi, thì thân tướng đoan nghiêm ngôn từ chậm rãi, nhu hòa thuận tịnh. Đây là căn bản cho tiến trình thành Phật tác Tổ. Còn người nào khi mới bước chân vào chùa lo chạy theo danh lợi… không ứng dụng pháp hành Tỳ Ni hàng ngày, đa phần hay tạo việc ác cho tha nhân, ít có tâm tùy hỷ cho người khác."*

Từ sáng tới tối, tâm ta như khỉ nhỏ, như ngựa chạy rông đồng nội… ít khi nào dừng một chỗ. Do đó Tổ mới lập pháp hành Tỳ Ni để thúc liễm ba nghiệp không cho tạo các ác pháp. Pháp hành Tỳ Ni này có năng lực rất lớn, phàm nghĩ gì, hành động gì điều có phép tắc khuôn mẫu Tỳ Ni ràng buộc. Chẳng hạn sáng sớm thức dậy thì đọc kệ **Tảo giác** *"Thùy miên thỉ ngộ, đương nguyện chúng sanh, nhất thiết trí giác, châu cố thập phương,"* nghĩa là: Ngũ nghỉ mới thức, nên nguyện chúng sanh, tất cả trí giác, nhìn khắp mười phương. Nghe tiếng chuông thầm đọc **Minh chung** *"Nguyện thử chung thanh siêu pháp giới, thiết vi u ám tất giai văn, văn trần thanh tịnh chứng viên thông, nhất thế chúng sanh thành chánh giác".* Nguyện tiếng chuông này khắp pháp giới, thiết vi u ám cùng nghe được, căn cảnh thanh tịnh chứng viên thông, hết thảy chúng sanh thành chánh giác. **Văn chung** thầm đọc *"Văn chung thanh, phiền não khinh, trí tuệ trưởng, bồ đề sanh, ly địa ngục, xuất hoả khanh, nguyện thành Phật, độ chúng sanh. Án già ra đế da tóa ha."* Nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ, trí tuệ lớn, bồ đề sanh, thoát địa ngục, vượt hầm lửa, nguyện thành Phật, độ chúng sanh…

Mỗi bài chú đều mang một ý nghĩa thúc liễm sáu căn, thanh tịnh ba nghiệp, phát sanh lòng từ hộ mạng chúng sinh. Không những sống tốt với người nhân gian mà còn trải lòng từ bi đến vạn loại chúng sanh đang chìm đắm trong đêm dài vô minh, nguyện nhờ ánh sáng Phật pháp soi rọi, cứu thoát họ trầm luân trong địa ngục A tỳ nhiều đau khổ.

Tỳ Ni đã thông thuộc kế đến là học luật Sa Di, tức học mười giới, mà làm tiểu Ni thì phải học hai phần luật là Sa di và Sa di ni mới cho thọ Sa di ni, ban đầu học cũng vấp tới vấp lui, vì nó hơi giống nhau nhưng rồi cũng quen. Hành điệu các chùa ở miền trung rất là khó, không thuộc bốn quyển Luật Tiểu thì không cho thọ giới, mà không cho thọ giới thì không bao giờ được đắp y, chỉ mặc áo năm thân mà thôi, nên tất cả các điệu phải tâm phục khẩu phục mà học. Nhớ lại hồi còn điệu thật là tức cười, thấy quý sư cô đắp y mình không có y nên mấy điệu lén ở

trong phòng lấy mền quấn tưởng tượng đang đắp y, nhờ lòng mong ước tha thiết được như vậy mà tồn tại đến ngày nay.

Thứ đến là học Oai nghi, cũng phải học hai loại của Tăng và Ni. Sa di có 24 oai nghi, Sa di ni có 22 oai nghi, lại phải để tâm nhiều mới không bị lộn. Bên tăng oai nghi đầu tiên: Kỉnh Đại Sa môn đệ nhất (thứ 1, Kỉnh đại sa môn), Sự Sư đệ nhị (thứ 2, Thờ Thầy), Tùy Sư xuất hành đệ tam (thứ 3, theo Thầy đi ra)… Sa di ni oai nghi đầu tiên: Kính Tam bảo đệ nhất (thứ 1, Kính Tam bảo), Kỉnh đại sa môn đệ nhị (thứ 2, kỉnh Đại sa môn), Sự Sư đệ tam (thứ 3, Thờ Thầy). Cổ đức dạy rằng Oai khả kính, Nghi khả sợ, là chỉ cho người xuất gia có đầy đủ oai nghi khiến người khác trông thấy liền phát tâm lành kính thuận, cung kính chứ không phải sợ theo nghĩa thế gian, thấy người có chức quyền, có thế lực mình phải khiếp sợ bởi quyền lực của họ, bị phục tùng, bị ép buộc nhưng không hề có sự kính nể, trân trọng.

Nhớ lại hồi còn nhỏ, mỗi lần đi ngang qua Sư bà, đi thật oai nghi, tế hạnh nhưng đều bị Sư bà gọi lại và dạy "Con phải đi nhẹ nhàng, không nên khua dép có tiếng..." Mình thầm nghĩ đi ngang Sư bà con đi rất nhẹ mà, nhưng ai ngờ càng nghĩ đi nhẹ thì tiếng động càng mạnh. Để cho biết rằng không phải chỉ học trên lý thuyết mà phải thực hành trong từng hơi thở, trong từng bước chân mới có đủ chánh niệm để trang nghiêm thân tướng.

Người nào có nhân duyên tốt nhiều đời khi phát tâm xuất gia, tâm hồn như tờ giấy trắng tinh anh, nếu gặp thầy hay bạn tốt răn dạy hướng dẫn đi trên con đường thánh thiện thì đó là một phước báu vô biên. Còn có vị tuy cũng xuất gia nhưng không được ở trong đại chúng, ở những tịnh thất riêng lẻ là một mất mát lớn. Bởi chúng ta *"Nhiễm tâm dị xí, tịnh đức nan thành,"* nếu không ở gần những vị tôn túc hướng dẫn gọt rửa cho từng giây từng phút thì nghiệp chướng trần lao từ vô lượng kiếp chúng ta khó mà loại bỏ. Ở trong đại chúng một hành động không hợp với oai nghi, một lời nói không hòa nhã liền được các sư bà sư chị răn dạy liền. Người xuất gia nào thường được gần gũi chư vị tôn túc, được làm thị giả quý Ngài, đó là một điềm phúc lớn cho đời mình, tại sao như vậy? Gần gũi để học hỏi những oai nghi từ thân khẩu ý, tuy các ngài không dạy nhiều, không nói nhiều nhưng hành động thanh tịnh của ba nghiệp được lưu xuất nơi các Ngài, từ những công việc lặt vặt như quét chùa, tưới cây, ăn cơm, nói chuyện... học suốt đời cũng không hết. Lại được học hỏi những kinh nghiệm tu tập, kinh nghiệm hoằng pháp mà suốt một đời các Ngài đã dấn thân cho đạo pháp cho nhân loại, trên hành trình tiến về bảo sở. Có vị dạy bằng lời nói bằng hành động nhưng có vị chỉ nhìn thôi mình cũng đã hiểu ý, gọi là ý giáo. Chỉ chừng ấy thôi nếu ai gia tâm học hỏi sẽ có rất nhiều lợi ích thiết thực trong đời sống tu tập. Không cần tốn nhiều thì giờ học hỏi nhiều lý thuyết trên sách vở, trên băng từ, mà học bằng hành động sống, con người sống có phải là thực tiễn và hạnh phúc hay không?

"Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tầm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu…" nghĩa là Luận người xuất gia bước đi trên con đường cao rộng, tâm hình khác người thế tục, nối tiếp dòng thánh, điều phục ma quân, đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi. Đọc đến đây cũng làm cho người sơ cơ lo sợ, vì quá cao siêu, mình là con nít không hiểu chư Tổ muốn nói gì. Nói thật các bạn nghe hồi đó học để trả bài chứ thật không hiểu chi hết, học thì chữ nho lại âm Hán Việt. Bắt đầu bài văn Quy Sơn cảnh sách là: *"Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy, bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cọng thành. Tuy nãi tứ đại phò trì, thường tương vi bội…"* Học cho thuộc đâu phải đơn giản mà còn hiểu ý nữa, nhờ học nghĩa mới hiểu được đôi chút, nhưng cũng chỉ hiểu trên văn từ còn ý thì lờ mờ như người đi đêm.

Song tiền nhân có nói: "Vô minh là áng mây mù, khêu đèn trí tuệ phải nhờ sách kinh." Lâu ngày chầy tháng ở chốn già lam, ăn cơm nhà Phật, được học kinh, luật, luận được Sư bà các sư chị răn dạy nên tâm thần sáng ra, hiểu được bổn phận và trách nhiệm của người xuất gia là "Trưởng tử của Như Lai, phước điền của chúng sanh, bậc trung tôn của đại chúng." Bổn phận thật bao la, thật huyền diệu, gánh nặng cả hai vai, trên đền ân chư Phật, chư tổ, phụ mẫu, đàn na tín thí; dưới cứu khổ muôn loài. Nhìn lại bản thân mình chưa làm được gì thật đáng xấu hổ! Cho nên trong cuộc sống đời thường nguyện cố gắng làm những gì hợp với khả năng của mình, dù một việc rất nhỏ, để không cô phụ chí nguyện xuất gia, mong đền đáp phần nào tứ trọng ân mà một đời mình đã thọ nhận.

Ai có một thời hành điệu, có tuổi thơ ở chốn thiền, đó là hạnh phúc cho đời mình, tuy hơi cực khổ vì phải thức khuya dậy sớm, ngủ không đủ giấc, ăn uống thì thiếu thốn, mặc thì vải thô nâu sồng, nhưng đó là nền tảng cơ bản cho mình tiến tu đạo nghiệp. Nếu không có những lần quỳ hương, không sám hối trước đại chúng, không bị cử tội trong nửa tháng phát lộ, không bị ăn đòn khi ham ngủ, trốn tụng kinh, không có ăn vụng… thì cũng giảm đi ý nghĩa hành điệu.

Các bạn nào đang hành điệu xin hãy tận hưởng những giây phút hạnh phúc thần tiên đó, vì một khi trưởng thành khó tìm lại được buổi đầu sơ phát tâm. Chúc các điệu luôn vui tươi, an lành trong chốn thiền môn. Hai chữ "hành điệu" nghe thật dễ thương đến lạ lùng! Tuổi thơ chốn thiền chỉ còn trong ký ức nhưng đáng trân trọng biết bao.

Thích Nữ Giới Định

KHỞI TÂM KIÊU MẠN KHINH THƯỜNG VIÊN THÀNH ĐẠO QUẢ CÒN VƯƠNG VẾT HẰN

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thuở nọ có một thanh niên mắc bịnh phong cùi, tên Xúp-pa-bút-đa (Suppabuddha), ngồi cách xa ngoài Tăng đoàn nghe Thế Tôn thuyết pháp và chứng đắc Thánh quả. Lòng lâng lâng khinh khoái, cậu muốn bày tỏ phước duyên thành đạt của mình cho Thế Tôn biết, nhưng thấy thân hình tiều tụy, lở loét chân tay, cậu không dám tự nhiên chen chân qua giữa Tăng đoàn, bèn kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi đại chúng đảnh lễ Thế Tôn, xá chào tạm biệt, cậu mới giả vờ theo họ đi được một đoạn, rồi quay trở lại, định vào tu viện Kỳ Viên trình diện Đức Đạo Sư.

Bấy giờ thiên chủ Đế Thích (Sakka) thầm nghĩ:

- Xúp-pa-bút-đa mắc bịnh phong cùi mà thành tựu thánh quả, lại còn muốn minh chứng trí tuệ siêu việt của mình với Đức Thế Tôn. Ta phải thử xem!

Đế Thích hiện nguyên hình giữa không trung, ngay trước mặt Xúp-pa-bút-đa, nói:

- Này, Xúp-pa-bút-đa, ngươi đang mắc bịnh hiểm nghèo, bơ vơ lạc lõng, khốn khổ bần hàn. Ta sẽ ban cho ngươi vô số ngọc ngà châu báu, nếu như ngươi quả quyết khẳng định: "Phật đó không phải Phật, Pháp đó không phải Pháp, Tăng đó không phải Tăng. Ta không cần Phật, không cần Pháp, không cần Tăng."

Cậu cùi nhìn thẳng vào mặt Đế Thích, sắc giọng nói:

- Ngươi là ai?

- Ta là Đế Thích, là vua của các cảnh giới chư thiên.

- Ngớ ngẩn! Nói vậy mà không biết xấu hổ! Ngươi không xứng đáng nói chuyện với ta. Ngươi bảo ta nghèo khổ, túng thiếu, đau buồn; ngược lại thì đúng hơn, ta đã đạt được niềm an lạc và bảy kho báu vật. Đó là: chánh tín Tam bảo, huân tập đức hạnh, hành xử khiêm cung, sợ vương tội lỗi, ngộ đạt thánh trí, viễn ly tịch tịnh và thành tựu trí tuệ. Ai có bảy kho báu này, chư Phật không coi người ấy là nghèo khổ, và cuộc đời của họ tất nhiên là có ích cho mình, cho người, cho hiện tại và cho mai sau.

Thấy rõ sự thật, Đế Thích hân hoan đến gặp Thế Tôn, trình bày cung cách vấn đáp của bậc ngộ đạo, và được Thế Tôn xác định một lần nữa:

- Đế Thích, cho dù ngươi có tốn trăm ngàn lượng vàng nén bạc đi nữa thì cũng không thể nào thuyết phục được Xúp-pa-bút-đa nói: "Phật đó không phải Phật, Pháp đó không phải Pháp, Tăng đó không phải Tăng."

Sau đó Xúp-pa-bút-đa đến tu viện, đảnh lễ Đức Thế Tôn, trình Phật ấn chứng sở đắc, rồi nhẹ nhàng quay gót ra về. Vừa đi được một đoạn thì bị một con bò cái tơ từ trong một lùm cây hùng hục xông ra, đâm hai sừng vào mạn sườn của cậu, hất tung người lên, cậu rớt xuống đất và chết ngay tức khắc.

Thấy cảnh thương tâm, Tăng chúng hoảng hốt chạy đến gặp Phật, trình bày sự thể vừa mới xảy ra; nêu thắc mắc vì sao một người mắc bịnh nan y, hình hài ô uế lại sớm thành đạo quả, rồi bị ngộ nạn chết oan, khổ đau chồng chất, và được Thế Tôn giải thích:

- Này các thầy Tỳ-kheo, các thầy thắc mắc là phải. Mọi việc diễn ra trên đời chưa hẳn do ngẫu nhiên hay tình cờ, mà thường bị chi phối bởi những mắc xích nhân quả, móc dính vào nhau. Trường hợp bất hạnh vừa qua cũng thế. Các thầy muốn biết lai lịch chuyện này sao?

- Vâng ạ, bạch Thế Tôn!

- Vậy thì hãy lắng nghe và chiêm nghiệm!

* * *

Vào một đêm trăng thanh gió mát, trong một tiền kiếp xa xưa, có bốn thanh niên con nhà giàu có đưa một cô gái làng chơi hạng sang đến một hoa viên hành lạc. Khi đêm về khuya, bốn bề vắng lặng, cô gái cũng đã thật sự ngây ngất với lạc thú men nồng, một tên rít giọng nói:

- Phải bế khẩu phi tang đi thôi, thượng sách đấy! Đêm hôm khuya khoắt thế này mấy ai hay biết mà lo sợ!

- Không được, tàn nhẫn quá! Dẫu sao chúng mình cũng đã tỏ tình và dan díu với nàng. Tên thứ hai ngỏ lời ngăn cản.

- Cậu lạc hậu quá! Tên thứ ba lên tiếng. Ăn bánh khỏi trả tiền mà cậu còn thắc mắc cái nỗi gì!

- Đúng!...Không những được ăn ngon mà còn được tiền nữa chứ! Một trăm quan tiền mua vui chứ đâu phải năm cắc ba xu. Đó là chưa kể ngọc ngà châu báu nó đeo đầy tay đầy cổ kia kìa! Ra tay nhanh gọn là hợp lý. Tên thứ tư gằn giọng quả quyết.

Thế là bốn tên bất lương, gian ác kia ra tay giết chết cô gái mà chúng đã từng trao lời đường mật, ôm ấp nồng nàn. Sau đó chúng lấy lại tiền bạc và cướp hết vòng vàng của nạn nhân rồi bỏ đi. Trong cơn mê sảng, cô gái vẫn thấy loáng thoáng trong đầu những ý niệm trả thù: "Được rồi! Nhớ đấy!... Bọn bay dày xéo thân thể tao, lường gạt tiền bạc tao, cướp đoạt tài sản tao Tao nguyện làm quỷ Dạ-xoa bám theo hồn ma bóng quế tụi bay cho đến ngày tụi bay tan xương nát thịt. Vì lời báo

thù tuyệt hậu đó mà quỷ Dạ-xoa đã đầu thai dưới dạng con bò cái, và lần lượt húc chết bốn thanh niên đã một thời gây án mạng, trong đó có Xúp-pa-bút-đa, biệt danh là hai cùi, mà các thầy đã từng nghe kể theo truyền thuyết.

- Mô Phật, ghê quá!... Nhưng vì sao cậu ấy bị cùi mà chóng thành đạo nghiệp, và rồi cậu ấy sẽ thác sanh về đâu, bạch Thế Tôn? Một chú Sa-di hỏi.

- Không phải nhanh chóng, đúng ra là lâu lắm, phải trải qua vô số kiếp tu hành thanh tịnh mới thành tựu đạo nghiệp; động cơ chính là cậu ấy đã khởi phát thiện tâm, ngăn chận các bạn giết người cướp của như trong truyện vừa kể, và dĩ nhiên là cậu ấy được thác sanh ở tầng trời thứ Ba mươi ba. Còn việc bị cùi là vì trong một tiền kiếp, cậu ấy thấy thân hình gầy gò đen đúa của Đức Phật độc giác Ta-ga-ra-xi-ki (Tagarasikhi) mà sanh tâm gớm ghiếc, khạc nhổ nước bọt sau lưng Ngài. Vì tâm khinh bạc ngạo mạn nên cậu bị đọa địa ngục lâu dài, và cũng chính vì hành động thô ác như thế mà mãn kiếp đọa đày, đầu thai làm người, tu hành tinh tấn, chứng đắc thánh trí, nhưng phải mang trọng nghiệp cùi hủi, bị mọi người nhờm tởm, xa lánh.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn tiếp:

- Này các thầy Tỳ-kheo, trên thế gian này, ai cũng có một thế giới nghiệp lực riêng biệt. Và nghiệp, như các thầy đều biết, là sự vận hành, tạo tác của thân khẩu ý. Chủ yếu là ý. Có tác ý là đã tạo nghiệp. Cho nên, giàu sang hay khốn cùng, hạnh phúc hay khổ đau, cao quý hay thấp hèn, tất cả đều do tâm tư thiện ác mà dệt thành.

Ngài đọc kệ:

Kẻ ngu si thiếu trí,
Tự ngã hóa ra thù,
Ác nghiệp tạo lần hồi,
Phải chịu quả cay đắng.
(PC. 66)

DHAMMAPADA Verse 66: The Story of SuppaBuddha, the Leper

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Versa (66) of this book, with reference to SuppaBuddha, a leper.

SuppaBuddha the leper, while sitting at the back of the crowd and listening attentively to the discourse given by the Buddha, attained Sotapatti Fruition.

When the crowd had dispersed, he followed the Buddha to the monastery, as he wished to tell the Buddha about his attainment of Sotapatti Fruition. Sakka, king of the devas, wishing to test the leper's faith in the Buddha, the Dhamma and the Sangha, appeared to him and said, "You are only a poor man, living on what you get by begging, with no one to fall back on. I can give you immense wealth if you deny the Buddha, the Dhamma and the Sangha and say that you have no use for them." To this, SuppaBuddha replied. "I am certainly not a poor man, with no one to rely on. I am a rich man; I possess the seven attributes which the Ariyas possess; I have faith (saddha), morality (sila), sense of shame to do evil (hiri), sense of fear to do evil (ottappa), learning (suta), generosity (caga) and understanding (paññā).

Then, Sakka went to the Buddha ahead of SuppaBuddha and related the conversation between himself and SuppaBuddha. To him the Buddha replied that it would not be easy even for a hundred or a thousand Sakkas to coax SuppaBuddha away from the Buddha, the Dhamma and the Sangha.

Soon after this, SuppaBuddha arrived at the monastery and reported to the Buddha about his attainment of Sotapatti Fruition. On his way back from the Jetavana monastery, SuppaBuddha was gored to death by an infuriated cow, who, in fact, was an ogress assuming the form of a cow.

This ogress was none other than the prostitute who was killed by SuppaBuddha in one of his previous existences and who had vowed to have her revenge on him.

When the news of SuppaBuddha's death reached the Jetavana monastery, the Bhikkhus asked the Buddha where SuppaBuddha was reborn and the Buddha replied to them that SuppaBuddha was reborn in Tavatimsa deva realm. The Buddha also explained to them that SuppaBuddha was born a leper because, in one of his previous existences, he had spat upon a Pacceka-Buddha.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 66. With themselves as their own enemies, fools lacking in intelligence, move about doing evil deeds, which bear bitter fruits.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

DHARMA FOR CHILDREN
PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): **Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho**
Biên soạn và chuyển ngữ: ***Tâm Minh Ngô Tăng Giao***

8
THE FIVE PRECEPTS
NĂM GIỚI

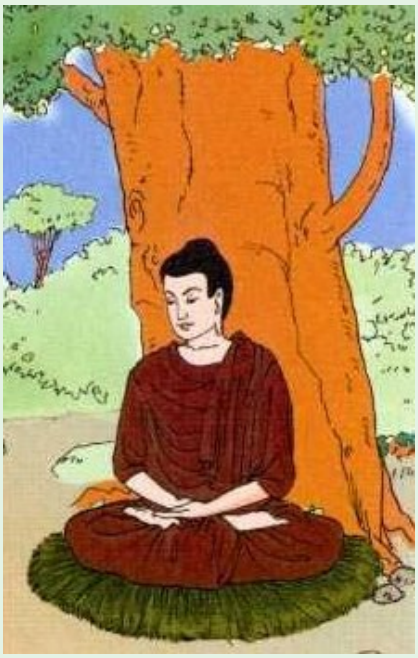

A Layman who violates the Five Precepts

THE IMPORTANCE OF KEEPING TO THE PRECEPTS

Once there was a layman who received the five precepts. At first, these precepts were very important to him and he strictly observed them. After a time, however, his past habits came back and he longed for a taste of alcohol. He thought, of the precepts, the one against drinking is really unnecessary. "What's wrong with a tot or two?" He bought three bottles of wine and started to drink.

As he was drinking the second bottle, the neighbour's little chicken ran into his house. "They've sent me a snack," he thought.

"I'll put this chicken on the menu to help send down my wine." He then grabbed the bird and killed it. Thus, he broke the precept against killing.

Since he took the chicken without the owner's permission, he also broke the precept against stealing.

Suddenly, the lady next door walked in and said, "Say, did you see my chicken?" Drunk as he was, and full of chicken, he slurred, "No… I didn't see no chicken. Your old pu… pu… pullet didn't run over here." So saying, he broke the precept against lying.

Then he took a look at the woman and thought she was quite pretty. He molested the lady and broke the precept against sexual misconduct.

Not keeping to one precept that he thought was not important had led him to break all the precepts.

THE END

Một Phật tử vi phạm Năm Giới

TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIỮ GIỚI

Trước kia có một Phật tử tiếp nhận năm giới cấm. Thoạt tiên, những giới này rất quan trọng đối với ông và ông ấy giữ giới rất nghiêm ngặt. Tuy thế, sau một thời gian, thói quen cũ của ông ấy trở lại và ông lại thèm muốn uống rượu. Ông ấy nghĩ, trong các giới, thì giới cấm uống rượu quả thật không cần thiết. "Chẳng có cái gì sai trái với một hoặc hai ly rượu nhỏ." Ông ấy mua ba chai rượu vang và bắt đầu uống.

Khi ông ấy đang uống chai thứ hai, con gà nhỏ của người hàng xóm chạy vào nhà ông. Ông nghĩ "Họ biếu mình ít đồ nhắm đây. Mình sẽ cho con gà này vào thực đơn để uống rượu vang." Rồi ông ấy chộp lấy con gà và giết nó. Như vậy ông ta đã vi phạm giới cấm sát sinh.

Vì ông ta bắt con gà mà không có phép của chủ nó, ông ấy cũng đã vi phạm giới cấm trộm cắp.

Thình lình, người phụ nữ hàng xóm đi vào và nói, "Này, ông có thấy con gà của tôi không?" Rượu đã uống say và đã ăn hết gà, ông ấy lắp bắp nói "Không… tôi không thấy con gà nào cả. Con gà của cô… không chạy qua đây." Khi nói như vậy ông ta đã vi phạm giới cấm nói dối.

Rồi ông ngó nhìn người đàn bà, ông ta nghĩ bà ta rất đẹp. Ông ấy tán tỉnh gạ gẫm bà ta và vi phạm giới cấm tà dâm.

Không giữ được một giới mà ông ta nghĩ là nó không quan trọng đã dẫn ông đến vi phạm tất cả các giới.

HẾT

KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ DO GHPGVNTNHK TỔ CHỨC TỪ NGÀY 17 ĐẾN 27.6.2013 TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, NORTH HILLS, CALIFORNIA, HOA KỲ

Photos: Hộ Pháp

NHỮNG ĐIỀU NHỚ LẠI TỪ "PHẬT GIÁO 1963" CỦA MỘT CHỨNG NHÂN

Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả

Trước hết, tôi xin cám ơn Ban Tổ Chức đã cho tôi cơ hội phát biểu hôm nay, nhân dịp kỷ niệm 50 năm **Bồ Tát Thích Quảng Đức** *"Vị Pháp Thiêu Thân"* vào ngày 11 tháng 6 năm 1963. Tôi xin nói lên những lời chân thật qua tâm sự chắt chiu ngày đó, *đứng ở vị trí một quân nhân Phật tử nhìn biến cố "Phật Giáo - 63" trên lập trường Dân Tộc như một chứng nhân thời đại*. Sở dĩ tôi dám nói thế là vì vào lúc đó, cá nhân tôi cùng một số bạn đồng ngũ là những người "vì lý tưởng Quốc Gia", đem xương máu mình bảo vệ Quê Hương, đích thực là những *người làm lịch sử*, rồi đến sau tháng 4-1975 trở thành *nạn nhân của lịch sử* - tù đầy khốn khổ - và đến khi sang đây tỵ nạn thì là *nhân chứng của thời đại.*

I. VIẾT SỬ THI:

"Hôm nay tôi nói chuyện đời
Chuyện về thế sự đầy vơi, vui buồn
Chuyện về lịch sử còn vương
Chuyện Ngài Quảng Đức yêu thương Đạo, Đời
Chuyện về ngọn đuốc sáng ngời
"Trái tim Bất Diệt" ngàn đời còn đây
Xa quê tình gửi gió mây
Về hồn sông núi tràn đầy lòng tôi."

Nói về một biến cố lịch sử có liên quan đến Đạo Pháp và Dân Tộc không chỉ là đơn thuần kỷ niệm mà là "Ôn cố nhi tri tân" tức là "nhắc lại chuyện cũ để thấy việc mới", là làm sống lại cái cũ để tiếp nối cái mới lúc này. Cho nên:

"Lên đây để nói tình thương
Lên đây ôn lại gió sương cuộc đời
Lên đây tiếp đuốc rạng ngời
Lên đây nói thật tình người với nhau
Nói mà lòng vẫn quặn đau
Nói về thấy cảnh trước sau bất hòa
Nói mà lệ vẫn tuôn ra
Năm mươi năm sử Việt ta nhạt nhòa
Thời gian nửa thế kỷ qua
Hôm nay nhìn lại thấy ta đã già
Quê người sống tạm là nhà
Nghĩ về chuyện cũ chan hòa tình ta
Đuốc Thiêng Quảng Đức sáng lòa
Trái tim bất hoại thành hoa tặng đời."

Hoa mà Bồ Tát Quảng Đức tặng đời lúc đó là *"Hoa Sen trong biển lửa"* là hiện tượng xảy ra do Phật Giáo bị nhà cầm quyền đối xử bất công, lấy uy quyền mà áp chế. Từ tình cảm đó mà có việc **"Tự Thiêu"** và có chuyện hôm nay nói lại.

Để diễn tả sự kiện đặc biệt này, ngay vào dịp sự việc xảy ra, Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương đã làm bài thơ **"Lửa Từ Bi"** với nhập đề ba câu đầu tiên thế này:

"Lửa! Lửa cháy ngất Tòa Sen!
Tám chín phương nhục thể trần tâm
hiện thành Thơ, quỳ cả xuống"

Những lời này đã khiến tôi nghĩ tới **"Ngọn Lửa và Trái Tim Bồ Tát"** đã viết thành *"Bài thơ Lịch Sử Việt"* gọi là **"Sử Thi"** giống như ở Hy Lạp Thi Hào Homère vào 800 năm trước Công Nguyên cũng đã viết **"Sử Thi"** vào thời đó của nước ông để lại cho đời.

Bài **"Lửa Từ Bi"** còn có đoạn sau đây:

"Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc!
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi
Chỗ NGƯỜI ngồi: một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét TỪ BI
Rồi đây, rồi mai sau còn chi?
Ngọc đá cũng thành tro
Lụa tre dần mục nát
Với Thời Gian lê vết máu qua đi,
Còn mãi chứ! Còn TRÁI TIM BỒ TÁT
Gội hào quang xuống tận ngục A Tỳ"

Và như vậy, sự việc này, biến cố đó đã tác động vào lòng người Việt và trở thành *dấu ấn lịch sử dân tộc* mãi mãi về sau.

II. NHỮNG DIỄN BIẾN TỪ 1957 ĐẾN 1963:

Khi muốn viết bài này, muốn nói lên lời *chân thật và hòa ái*, tôi đã ngồi một mình lắng đọng tâm tư, suy niệm về quá khứ, tô đậm lại hình ảnh đã mờ đi trong ký ức, làm sống lại những gì đang chết và đã trôi xa. Đối với tôi chế độ cầm quyền lúc đó đã giải quyết các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội và tôn giáo, v.v... trong vị trí chủ quan của người chấp chánh, vì mục đích và hướng đi của họ. Sự nhận định của người *"nhìn lại"* là không để dĩ vãng thành một ám ảnh vô bổ và phải thật sự khách quan trước các vấn đề đánh giá vì thế giới vẫn đang chuyển hóa và lịch sử vẫn còn đây, dù có những điều chưa bạch hóa.

Đến đây thì tôi thấy được vị trí lúc này của mình trong cuộc khảo sát và đánh giá là một chứng nhân trong *vai trò của người "Công dân yêu nước"* nhìn về các mặt chính trị, văn hóa, xã hội và tôn giáo chứ không còn chỉ là Phật Tử bênh vực Đạo của mình bị đàn áp. Tôi thấy rằng vấn đề Phật Giáo lúc đó chỉ là giọt nước tràn ly và *Bồ Tát Thích Quảng Đức đã hóa thân thành* **"Đuốc Soi Đường"** cho một giai đoạn lịch sử Việt Nam mới.

Thật vậy, nếu nhìn qua những biến cố lịch sử chống lại chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm lúc đó kể theo thứ tự thì diễn biến như sau:

1.- Vụ ám sát hụt Tổng Thống Diệm ở Ban Mê Thuột vào tháng 2-1957 tại Hội Chợ Xuân Tây Nguyên bởi một **tín đồ Đạo Cao Đài** tên là Hà Minh Trí nói là để trả thù cho Tướng Trình Minh Thế và chống lại vụ đàn áp Cao Đài khiến Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc phải lưu vong sang Cam Bốt.

2.- Vụ chống chính quyền của **Đại Việt Quốc Dân Đảng** vào tháng 5-1957 trong việc thành lập "Chiến Khu Ba Lòng" tại Quảng Trị, sau bị chính quyền đánh phá và tiêu diệt.

3.- Những **nhân sĩ Độc Lập Miền Nam** được gọi là Nhóm Caravelle tháng 4 năm 1960 ra tuyên ngôn chống chính quyền đòi thay đổi cứu vãn tình thế, bảo

về chế độ Quốc Gia. Kết quả 18 nhân sĩ này đều bị bắt trong đó có 10 vị đã từng cộng tác với chính phủ Ngô Đình Diệm. Một điều quan trọng cũng cần lưu ý là cũng trong năm này Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập do chế độ CS Miền Bắc giật dây.

4.- Ngày 11 tháng 11-1960 lực lượng Nhảy Dù làm đảo chánh không thành, đằng sau là các đảng phái Quốc Gia trong **Liên Minh Dân Chủ** và **Mặt Trận Quốc Gia Đoàn Kết**. Mục đích đòi hỏi "cải tổ toàn diện cơ cấu lãnh đạo quốc gia để xây dựng lại chính nghĩa dân tộc và nâng cao hiệu năng chiến đấu của Quân Dân Miền Nam".

5.- Tháng 2-1962 hai phi cơ Skyrider A-1 oanh kích và ném bom Dinh Độc Lập. Hai phi công là Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc, ông Quốc bị bắn nhảy dù ra bị bắt còn ông Cử thì sang tị nạn ở Cam Bốt. Biến cố này do **Đảng Đại Việt Quốc Dân Đảng** đứng đằng sau.

Năm vụ vừa kể là biến cố chính trị quan trọng, vụ Hòa Thượng Thích Quảng Đức Tự Thiêu là thứ sáu **mang danh Tôn Giáo**. Về mặt Tôn Giáo trong suốt chín năm cầm quyền có hàng triệu người bị bắt đổi đạo từ nơi các Ấp Chiến Lược đến các làng quê hẻo lánh, còn tại các tỉnh thành thì các công chức, quân nhân được kêu gọi theo Công Giáo sẽ được thăng quan, tiến chức và họ đã tự nguyện làm vì danh lợi cá nhân.

Sở dĩ tôi nói dài dòng như vậy là vì muốn *vẽ ra một bức tranh toàn cảnh về tình hình*, để những ai từ trước tới giờ ít quan tâm đến chuyện đất nước và không sống trong thời đại Đệ Nhất Cộng Hòa hiểu rõ. Chúng tôi chỉ trình bày ở đây những dữ kiện lịch sử đã xảy ra thời đó một cách trung thực, để tùy sự nhận định của người nghe hay đọc. Giờ đây xin đi vào thời gian trọng điểm 1963.

III. BIẾN CỐ PHẬT GIÁO 1963 VÀ NHỮNG HỆ LỤY:

Tôi còn nhớ vào năm 1963 về mặt quân sự và chính trị tại Miền Nam VN đều lên cao độ, lúc đó tôi đang ở Tiểu Đoàn Súng Cối 106 ly đóng tại Thủ Thừa, Long An, vào tháng 2 Dương lịch đã yểm trợ trận đánh Ấp Bắc là trận nổi tiếng lớn trong chiến sử VNCH. Thế rồi đến tháng 5 thì biến cố Phật Giáo xảy ra.

1. Nguyên Nhân:

Khởi phát từ Huế, khi chính phủ ra lệnh cấm treo cờ Phật Giáo tại các cổng chào ngoài đường phố mà chỉ được treo trong phạm vi tự viện bên cạnh quốc kỳ và nhỏ hơn, lệnh từ Phủ Tổng Thống ký ngày 6-5-1963 theo Công Điện số 5159. Đối với Phật tử Huế thì đây là một lệnh mới, vì năm trước các cổng đón mừng Phật Đản ngoài đường phố có treo cờ Phật Giáo không bị cấm. Đến ngày 7-5-1963 thì cảnh sát đã đến một số nơi bắt hạ bỏ cờ Phật Giáo xuống vì trái quy định, kể cả tại tư gia, đó là trước Phật Đản một ngày. Thế là các Tu sĩ và Phật tử Huế đều phản kháng, họ đã lập phái đoàn lên gặp Tỉnh Trưởng và Đại Biểu Chính Phủ để yêu cầu bãi bỏ lệnh đó.

Trước khi có lệnh từ Phủ Tổng Thống, người ra lệnh trực tiếp cho Đại Biểu Chính Phủ và Tỉnh Trưởng Thừa Thiên lại là Ngài Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, vì trên đường từ La Vang về Huế đã thấy khắp nơi ở dọc đường các cổng đón mừng Phật Đản của Phật tử Quảng Trị và Huế trang hoàng rất đẹp đã được dựng lên với đầy cờ Phật Giáo năm màu.

Đúng ngày Phật Đản là 8-5-1963 không khí đấu tranh về vụ treo cờ rất ồn ào, nhất là tại Chùa Từ Đàm, trong đám rước có vài ngàn Phật tử, các biểu ngữ phản đối được trưng ra. Vì không muốn nổ lớn, Ban Tổ Chức đã tự động thu hồi các biểu ngữ có tính cách quá khích rồi mới cho diễn hành.

Chuyện tranh đấu đến đó tuy chưa yên nhưng cũng tạm lắng xuống, các Phật tử ra về mà lòng ấm ức.

2. Cao Điểm:

Đúng tối ngày rằm theo thông lệ Phật tử đến chung quanh Đài Phát Thanh Huế để nghe phát lại buổi lễ Phật Đản tại Chùa Từ Đàm và nghe Thượng Tọa Trí Quang thuyết pháp. Thính giả mỗi lúc càng đông, ước khoảng 10,000 người, nhưng Đài chưa phát sóng. Khoảng 10 giờ 00 tối thì Thầy Trí Quang và ông Tỉnh Trưởng đến. Họ vào trong rồi mà Đài cũng chưa phát thanh, dân chúng la ó. 10 giờ 35 TT Trí Quang nói chờ 35 phút vì phải nghe lại băng. Dân chúng la ó, đập cửa, bỗng có hai tiếng nổ lớn và tiếng súng nhỏ, tiếng thiết giáp đi vào giải tán đám đông. Khi đó mọi người tán loạn và kết quả là 8 chết và 14 bị thương. Một số đồng bào tại chỗ cho biết sự tàn sát này do phía lực lượng chống biểu tình gây ra, đúng 12 giờ 00 đêm trật tự mới vãn hồi.

Từ đó, cuộc đấu tranh của Phật Giáo bắt đầu. Từ Huế tràn vào Sài Gòn và lan đi nhiều tỉnh thuộc Miền Nam. Chính quyền thông báo là Việt Cộng đã gây ra cuộc thảm sát ở Đài Phát Thanh. Một nhân chứng ngoại quốc là Bác Sĩ Erich Wulf dạy tại trường Đại Học Y Khoa nói rằng, ông thấy tại nhà xác 7 xác kẻ bị văng óc vỡ đầu, kẻ bị tan xác không nhận ra. Có 3 xác bể đầu do súng lớn từ thiết giáp bắn v.v... Ông này sau đó bị chính phủ trục xuất vì việc mô tả này. Ông có mặt tại chỗ vì đi xem cùng một sinh viên Y khoa người Việt tên Tôn Thất Kỳ và khi vụ nổ xảy ra thì đến bệnh viện để giúp cứu thương.

Về phía Phật Giáo thì ngay ngày hôm sau 9-5-1963 đã ra Tâm Thư, 10-5 ra Tuyên Ngôn xin chính phủ thực thi 5 điểm: 1/ Thu hồi lệnh cấm treo cờ Phật Giáo. 2/ Cho Phật Giáo được hưởng quy chế giống Công Giáo trong Dụ số 10. 3/ Xin chấm dứt bắt bớ Tăng Ni và tín đồ Phật Giáo. 4/ Xin cho Phật Giáo được tự do hành đạo và truyền đạo. 5/ Xin bồi thường xứng đáng cho những người vô tội bị chết oan.

Bản Phụ Đính giải thích quan điểm của Phật Giáo như sau: 1/ Phật Giáo không chủ trương lật đổ chính phủ. 2/ Phật Giáo không xem ai là kẻ thù, không chống Công Giáo mà chỉ tranh đấu cho sự bình đẳng tôn giáo. 3/ Đây là cuộc tranh đấu bất bạo động. 4/ Mục đích là bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội. 5/ Phật Giáo Việt Nam không chấp nhận cho bất cứ ai lợi dụng cuộc tranh đấu này kể cả Cộng Sản và những kẻ mưu toan địa vị.

- Ngày 25-5-1963: Cuộc đấu tranh ngày một lan rộng và được mọi tầng lớp đồng bào ủng hộ, về phía Phật Giáo có Ủy Ban Liên Phái và phía chính phủ có Ủy Ban Liên Bộ đứng ra giải quyết những mâu thuẫn.

- Ngày 31-5-1963: Các sinh viên Huế và Sài Gòn nhập cuộc đấu tranh.

- Ngày 1-6-1963: 300 Tăng Ni Huế và 800 Tăng Ni ở Sài Gòn tuyệt thực 24 giờ.

- Ngày 3-6-1963: Chính phủ ra lệnh cấm biểu tình và bao vây cô lập các chùa tranh đấu cả Huế lẫn Sài Gòn.

- Ngày 4-6-1963: Chính phủ ra lệnh cấm trại 100% những tổ chức cảnh sát và quân đội chống biểu tình. Tình hình rất căng thẳng tại hai đô thị lớn và một số thành phố nhỏ.

3. Tự Thiêu:

Năm ngày sau khi chính phủ ban hành lệnh chống biểu tình và bao vây các chùa tranh đấu thì một sự kiện lớn xảy ra là vụ tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức vào ngày 11-6-1963.

Cuộc hy sinh của Hòa Thượng Quảng Đức đã được Ngài tự ý phát tâm dâng hiến từ trước. Ngài đã bày tỏ ý định trong một buổi họp kín ở Chùa Xá Lợi, sau đó có làm đơn xin với Tổng Hội và đã bị bác, nhưng sau cùng vì sự đàn áp của chính quyền quá mạnh nên vẫn được thực thi.

Để tránh sự để ý của chính quyền, Ban Tổ Chức đã biến cuộc biểu tình của Tăng Ni thành cuộc tự thiêu và phải thông báo đi đường Trần Quốc Toản, để đánh lạc hướng cảnh sát, sau đó mới chuyển về đường Lê Văn Duyệt để Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu. Địa điểm là ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, thời gian vào khoảng 10 giờ sáng, kéo dài khoảng gần nửa tiếng, sau đó đem thi hài Ngài về lại Chùa Xá Lợi. Chúng tôi thấy không cần nói rõ thêm chi tiết ở đây vì các sách Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam đã mô tả rõ. Trong bài này chúng tôi chỉ kể lại những điều mà các chứng nhân thuật lại ngay khi đó, những gì diễn biến sau đó và ảnh hưởng cùng biểu tượng của sự hy sinh đã đưa đến hậu quả gì? Xa hơn nữa là sau đó để dấu ấn gì và ngày nay nhắc lại câu chuyện này, chúng ta còn lại gì, nghĩ gì và học được gì?

Quá Khứ - Hiện Tại và Vị Lai, qua hệ quả của một sự hy hiến vô tiền khoáng hậu của **"Đuốc Thiêng Quảng Đức"** ra sao sẽ nối tiếp sau này.

Trước hết chúng tôi xin nói về thái độ của Ngài Quảng Đức khi sắp tự thiêu đã để lại Lời Nguyện như thế này:

"Đệ tử hôm nay tự đốt mình
Làm đèn soi sáng nẻo vô minh
Khói thơm cảnh tỉnh bao người ác
Tro trắng phẳng san hố bất bình
Thân cháy nát tan ra tro trắng
Thức thần nương về giúp sinh linh
Hỡi ai mộng ảo đang còn mộng
Hãy gấp tỉnh đi kẻo giật mình"
8 tháng 4 nhuần Quý Mão 1963

Và trong lá thư để lại đã nhắc chính quyền như sau: *"Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở."*

Đọc qua những phần lưu bút kể trên của Ngài đã thể hiện đúng tinh thần của một người con Phật, Từ Bi Hỷ Xả, tâm luôn rộng mở bao la. Ngoài ra lại còn tỏ ra là một công dân yêu nước có trách nhiệm, muốn thức tỉnh cấp lãnh đạo đất nước. Sự hy hiến của Ngài đã xác nhận tinh thần nhập thế của Đạo Phật. Sau cùng là đã gửi một thông điệp làm thức tỉnh lương tri thế giới cùng cả hai bên lâm chiến rằng bạo lực nào cũng sẽ không tồn tại chỉ có niềm tin, sự thật và tình thương là làm sống mãi cuộc đời. Cũng vì vậy mà Ngài để lại "Trái Tim Bồ Tát" là tình thương bất hoại, còn hoài…

Sau sự hy hiến của Bồ Tát Quảng Đức 6 giờ thì hai bên Uỷ Ban Liên Phái và Uỷ Ban Liên Bộ đi đến một thỏa hiệp hòa hoãn để làm dịu tình hình.

4. Những Lời Nhận Xét Về Vụ Tự Thiêu

Nhìn từ những nhân chứng ngoại quốc có mặt trong vai trò ký giả và lời phát biểu từ bên ngoài của các giới chức cầm quyền của các nước bạn để thấy thế giới lúc đó xúc động ra sao?

1. Ông Malcolm Browne thuật lại: *"Khi đoàn Tăng Ni đi đến ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt thì chiếc xe đi đầu dừng lại mở nắp xe như để sửa máy rồi một vị cao tăng bước ra khỏi xe, sau này tôi mới biết đó là Thích Quảng Đức, và thêm hai vị sư trẻ tuổi khác dìu ông ấy ra giữa vòng tròn, đặt một cái gối lên đường trải nhựa. Quả là ký ức kinh hoàng! Một người quay lại xe và lấy ra một can nhựa polyethylene đầy mầu hồng, sau này tôi mới biết là có pha thêm xăng máy bay phản lực để cháy lâu hơn, rồi người này đổ xăng từ trên đầu xuống và lùi lại mấy bước.*

Ngay lúc đó, vị hòa thượng rút ra một hộp diêm, quẹt lửa rồi thả rơi vào lòng, ngọn lửa phựt lên trùm kín cả thân người. Mặt ông ấy nhăn nhúm lại, nhìn nét mặt ấy thì biết ông ấy đang đau đớn lắm, nhưng không kêu lên tiếng nào. Tôi nghĩ ông tự thiêu khoảng 10 phút hoặc hơn một chút, nhưng cảm thấy như kéo dài đến vô tận vậy! Cả giao lộ nồng lên mùi thịt cháy trong tiếng kêu gào than khóc của Tăng Ni. Xe cứu hỏa tới, định len vào nhưng các Tăng Ni đã nằm dài ra trước bánh xe để cản đường nên xe không tiến lên được, nếu không muốn cán qua người cản. Sự việc này đã xảy ra khi tôi đang chụp ảnh…" Bức ảnh tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức đã được M. Browne gửi về trụ sở AP ở Phi Luật Tân và lập tức được phổ biến toàn thế giới.

2. Tổng Thống Kennedy khi nhìn thấy bức ảnh đã nói: *"No news picture in history has generated so much emotion around the world as that one" (Không có bức ảnh thời sự nào trong lịch sử tạo nhiều cảm xúc như bức ảnh đó).*

3. Ông John Mecklin, nhân viên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn đã phát biểu như sau: *"Đây là một biến cố gây chấn động tai hại không lường được trong cuộc khủng hoảng Phật Giáo, nó đã trở thành một vấn đề quốc gia quan trọng nhất phải đối diện tại Việt Nam."*

4. Sử gia Seth Jacobs nói: *"Cuộc tự thiêu của HT Thích Quảng Đức đã đốt thành tro kinh nghiệm của người Mỹ về nhà Ngô và không có sự viện trợ nào có thể giúp cho ông Diệm lấy lại uy tín vì bức ảnh của M. Browne đã khắc sâu vào tiềm thức của quần chúng thế giới."*

IV. ỨNG XỬ CỦA CHÍNH QUYỀN:

Những nhà quan sát và bình luận thế giới, khi vụ tự thiêu của HT Quảng Đức xảy ra thì đều thấy rõ nguy cơ và ảnh hưởng cho chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa.

Ông William Colby lúc đó đã được thuyên chuyển từ Việt Nam sang coi Tình Báo CIA của Á Châu, đã có ý kiến: *"Tổng Thống Diệm đã giải quyết cuộc khủng hoảng Phật Giáo vô cùng vụng về, chính vì vậy đã cho nó cơ hội để bùng nổ. Nhưng, tất cả coi như đã xong, họ đã không còn có thể làm gì được nữa, sau khi vị sư này tự thiêu!"*

Về tình hình tại Huế, Sài Gòn và các nơi lúc đó, Phật Giáo bị theo dõi, bắt bớ và tiếp tục đàn áp. Tuy đã có Thông Cáo Chung được công bố để làm dịu tình hình nhưng chính quyền vẫn không muốn thật lòng giải quyết, mà chỉ là kế hoãn binh. Chứng cớ không thể chối cãi được là Mật Điện số 1383/VP/TT ngày 18-6-1963 do ông Đổng Lý Văn Phòng Quách Tòng Đức ký gửi cho các giới chức chính phủ cả dân sự lẫn quân sự và ngành Công An - Cảnh Sát như sau: *"Để tạm thời làm êm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bọn Tăng Ni và Phật Giáo phản động. Tổng Thống và ông Cố Vấn ra lệnh*

tạm thời nhún nhường họ – Các nơi hãy theo đúng chủ trương trên và đợi lệnh – Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau – Ngay từ giờ này chuẩn bị cho giai đoạn tấn công mới. Hãy theo dõi điều tra thanh trừng những phần tử Phật Giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp."

Đây là sự thật về việc chính quyền không thực tâm giải quyết vấn đề và nói lên sự độc tài và kỳ thị tôn giáo nặng nề.

KẾ HOẠCH ĐỐI PHÓ THÍCH NGHI là tối 20-8 rạng ngày 21-8 lực lượng quân đội và cảnh sát đã đột nhập tất cả các chùa trong toàn quốc bắt hết các tăng ni đấu tranh (xin xem ở trang sau).

Đúng vào lúc tình hình căng thẳng thì chính quyền đã gửi Bà Ngô Đình Nhu đi sang Mỹ để giải độc. Vào một dịp thuyết trình về biến cố Phật Giáo Việt Nam cho người Mỹ ngay tại Los Angeles này bà đã gọi vụ tự thiêu là "nướng thịt" (barbecue). Bà đã nói như sau: *"Let them burn and we shall clap our hands." (Hãy để cho họ tự đốt và chúng ta sẽ vỗ tay),* rồi bà nói thêm rằng *bà sẽ "cung cấp thêm dầu và diêm cho các nhà sư Phật Giáo vì sự nướng này không đủ nóng vì dùng dầu nhập cảng."* Sử gia **Howard Jones** nói rằng *chính những lời nói này đã khai tử chế độ Diệm.*

Do chủ trương của chính phủ là không thỏa hiệp và sẽ đàn áp, nên tình hình về mặt thực tế là tu sĩ cùng tín đồ Phật Giáo vẫn bị bắt và theo dõi nên càng ngày càng nặng nề hơn.

Tiếp sau vụ tự thiêu của HT Quảng Đức đến **ngày 7-7-63 có vụ tự tử của nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam** rồi liên tiếp còn thêm 6 vụ tự thiêu nữa, đó là:

1. Ngày 4-8-1963 Đại Đức Thích Nguyên Hương tự thiêu lúc 12 giờ 00 trưa trước Tòa Tỉnh Phan Thiết.

2. Ngày 13-8-1963 Đại Đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu lúc 2 giờ 00 đêm tại Chùa Phước Duyên, Hương Trà, Thừa Thiên.

3. Ngày 15-8-1963 Sư Cô Diệu Quang tự thiêu lúc 8 giờ 30 sáng tại Ninh Hòa.

4. Ngày 16-8-1963 Thượng Tọa Thích Tiêu Diêu tự thiêu lúc 4 giờ 00 sáng tại Chùa Từ Đàm, Huế.

5. Ngày 5-10-1963 Đại Đức Thích Quảng Hương tự thiêu lúc 12 giờ 25 tại bùng binh Chợ Bến Thành, Sài Gòn.

6. Ngày 27-10-1963 Đại Đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu lúc 10 giờ 00 tại Nhà Thờ Đức Bà, Sài Gòn.

Đại Đức Thích Thiện Mỹ là người hy hiến cuối cùng trong chiến dịch chống lại chính quyền Tổng Thống Diệm.

NGÀY ĐẶC BIỆT TẤN CÔNG các chùa: Đêm 20-8 rạng ngày 21-8-63, chính quyền mở *chiến dịch* "Nước Lũ" ở khắp các tỉnh bắt giữ toàn bộ các Tăng Ni tranh đấu trong toàn quốc vì bảo vệ Đạo Pháp.

Sau đợt đàn áp này thì phong trào chống đối của Phật Giáo bị tê liệt vì các Tu Sĩ lãnh đạo phần lớn đều bị bắt giam, chỉ trừ những người trốn thoát không bị bắt. (Quý vị tăng ni chỉ được thả sau ngày lật đổ Ông Diệm). Tuy nhiên phong trào sau lại phục hồi, chứng cớ là ở Sài Gòn vào tháng 10 vẫn có 2 vụ tự thiêu của ĐĐ Quảng Hương và Thiện Mỹ như vừa kể ở trên.

Liệt nữ Quách Thị Trang bị súng của lực lượng chống biểu tình bắn chết tại bùng binh Chợ Bến Thành trong cuộc biểu tình ngày 25-8-63 (năm ngày sau Chiến Dịch Nước Lũ tấn công các chùa của chính quyền).

V. NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ SAU:

"Tạm ngừng tường thuật ở nơi đây
Để lắng nghe đời luận gió mây
Chờ tâm thanh tịnh và trí sáng
Sẽ lại trở về tình đong đầy"

Âm vang của câu chuyện **"tự thiêu"** đã được thuật lại bởi Mục Sư Harrington vào một buổi giảng tại New York ngày 30 tháng 6-1963, như sau:

"Cách đây hơn hai tuần, vào ngày 11 tháng 6, vị sư Thích Quảng Đức đã ngồi theo theo kiểu tọa thiền trên đường nhựa nóng. Trong tay Người cầm xâu chuỗi và bắt đầu niệm Phật, còn áo cà sa thì đã tẩm đầy xăng. Các Tăng Ni lùi lại kính cẩn và kinh sợ, còn khách bộ hành thì đoán rằng sắp có việc gì đặc biệt diễn ra nên dừng lại chờ đợi.

Với vẻ yên tĩnh và bình thản trên khuôn mặt, Ngài niệm lớn "Nam Mô A Di Đà Phật", rồi bật diêm châm lửa, ngọn lửa bốc lên phủ khắp toàn thân. Ngài ngồi thẳng, không rên la lay động trong 10 phút chìm trong khối lửa, khi lửa tàn, nằm xuống bất động…

*Người ta có thể tự hỏi sự khủng khiếp và niềm phẫn hận nào đã có thể khiến cho một người của **"Tình Thương"** và **"Hòa Bình"**, quyết chí tự thiêu?*

*Nếu sự tuyệt vọng hoàn toàn và chán đời cực độ đã đưa con người trên đời này đến chỗ tự tử thì **một lý tưởng cao cả nhất và lòng yêu đời nồng nàn nhất** một đôi khi cũng đã sản xuất những NGƯỜI TỰ ĐẠO quả cảm nhất trong lịch sử…*

*Hòa Thượng Quảng Đức hy sinh đời mình bằng cách tự thiêu để thức tỉnh lương tâm của Tổng Thống Diệm và **lưu ý toàn thế giới**!"*

Tờ báo *Le Journal de Genève* thì nói rằng: *"Người ta có thể tuyên truyền rằng đó chỉ là cuộc nổi loạn của phe đa số khắc khổ kiếm chuyện với chính phủ chỉ là một thiểu số bó kết chặt chẽ với nhau, mà bộ tịch lại vênh váo và cứng nhắc. Nhưng dù sao việc hy sinh của Ngài Thích Quảng Đức cũng cho thấy Phật Giáo Việt Nam đang phải bảo vệ nếp sống và tư tưởng của họ."*

Đó là dư luận bên ngoài còn trong nước thì vô số kể, không thể nào dẫn chứng hết được. Riêng đối với tôi, một người quan sát, một chứng nhân thời đại thì xin nêu ra 7 điểm sau đây do Ngọn Lửa Thiêng Quảng Đức sinh ra:

1. Tạo ra một siêu nhân, một vị **Bồ Tát Việt Nam** trong thời đại thế giới ở thời kỳ "Chiến Tranh Lạnh".

2. Sản xuất ra **"một Trái Tim Bất Diệt"** biểu tượng của xá lợi Đại Bi.

3. Hành động đánh thức Lương Tri Nhân Loại.

4. Nói lên Phật Giáo tranh đấu cho Bình Đẳng và Hòa Bình, cùng đồng hành với Dân Tộc.

5. Thắp sáng ngàn vạn trái tim kẻ khác.

6. Soi rọi con đường điêu linh của dân tộc kêu gọi đoàn kết và thương yêu.

7. Đưa đến một ngả rẽ về chính trị của Mỹ.

Đây chỉ là những nhận xét cá nhân, nếu quý vị

thức giả thấy có điều gì sai sót thì xin chỉ dạy, tôi xin vô cùng cảm tạ.

Về nhận xét của các vị thức giả Việt Nam thời đó thì tóm gọn 4 điều đánh giá chính quyền Đệ Nhất VNCH như sau:

- **Thứ nhất**: Kể từ ngày cầm quyền đã có những hành động tiêu diệt các đảng phái và đối lập với chủ trương độc tài chính trị và độc tôn Thiên Chúa Giáo La Mã.
- **Thứ hai**: Lập Đảng Cần Lao Nhân Vị và các tổ chức ngoại vi như: Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Đoàn Thanh Niên Cộng Hòa, Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới v.v… để làm công cụ chính trị, hậu thuẫn cho chính quyền cai trị Miền Nam.
- **Thứ ba**: Điều hành đất nước theo tinh thần quan liêu, gia đình trị, và muốn Ki Tô hóa đất nước.
- **Thứ tư**: Không tạo được sức mạnh đoàn kết quốc gia để chống Cộng hiệu quả.

Cực chẳng đã chúng tôi mới ghi lại những điều này vì biết rằng nói ra có thể đụng chạm một số người còn thượng quý nhà Ngô bởi ơn nghĩa hay cùng quan điểm hoặc cùng tôn giáo. Nhưng vì những thế hệ đi sau, chúng ta phải nói ra sự thật vì lịch sử vẫn là lịch sử. Nhìn lại lịch sử là coi những diễn biến trung thực của dân tộc và đất nước một cách khách quan, không thiên vị, không ai có quyền bóp méo, xuyên tạc lịch sử. Và nhất là không một người nào hoặc đoàn thể hay đảng phái hoặc tôn giáo nào có thể dựa vào lịch sử để nhận công hay chạy tội cho phe phái mình. Lịch sử bao giờ cũng công chính!

Nhân nói đến chuyện âm mưu xuyên tạc lịch sử, chúng tôi xin cảnh báo quý vị thường dùng Internet là trong hai năm gần đây, ngay việc Tự Thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức cũng đã bị xuyên tạc bằng hai DVD tung lên You Tube:

- Một vào ngày 3-5-2010 nói về Vụ Mất Miền Nam Sài Gòn 1975 có đề cập đến vụ tự thiêu 1963 của HT Quảng Đức. Họ nói rằng tên sư giả là Việt Cộng nằm vùng Nguyễn Công Hoan lúc đó do âm mưu của CIA đã tiêm thuốc an thần quá độ để Ngài thành cái xác không hồn, rồi đem ra thiêu, đó là bịa đặt. Tên này theo tìm hiểu của chúng tôi thì tên thật là Huỳnh Văn Thạnh, sinh năm 1944 (như vậy năm 1963 mới 19 tuổi), sau này là dân biểu của Việt Cộng vùng Khánh Hòa. Người đổ xăng lên Ngài Quảng Đức chính là Đại Đức Chân Ngữ nay đã 80 tuổi sống ở San Jose California.
- Vụ thứ hai xuyên tạc là video mang tên "A Shot in "Mondo Cane"" phát lên You Tube ngày 24-7-2011 nói là của hai người Ý quay được dài 7 phút 8 giây. Trong video này họ trộn lẫn đóng giả và một vài cảnh thật lấy từ ảnh chụp. Cái sai của nó là đóng cảnh đồng bào chung quanh, rồi có cảnh sát cản không cho đến gần. Đây là màn đóng ở Cam Bốt vì có cả người mặc xa-rông và chùa theo kiến trúc Thái-Cam Bốt.

Tôi nêu ra ở đây để chúng ta cẩn thận, vì đây là tập đoàn những người buôn thù hận và cực đoan tôn giáo làm ra, họ có mục đích riêng của họ ngoài việc xuyên tạc và bôi nhọ Phật Giáo.

"Họ là những chuyên gia bán buôn thù hận
Lấy việc đời đem bôi bẩn bùn nhơ
Xin Ơn Trên hãy thứ tha cho họ
Vì họ làm trong u muội, mê mờ"

VI. KẾT LUẬN:

Về cuộc cờ Việt Nam từ 1954 đến 1975, cả Miền Bắc lẫn Miền Nam đều bị động giữa hai thế lực lớn là Tư Bản và Cộng Sản. Họ đã lấy đất Việt Nam là chiến trường và dùng xương máu Việt để tranh chấp. Những người bận rộn không nhìn thấy việc này. Người Việt vì những khó khăn trong cuộc sống nên quên cả thương nhau và đoàn kết. Vấn đề Phật Giáo bị lôi cuốn vào sự tranh chấp với chính quyền Ngô Đình Diệm cũng là bị đặt trong bàn cờ lớn.

Đứng ở vai trò của một chứng nhân thời đại, thuộc thế hệ lớn lên trong nạn nước, đã đi suốt chiều dài lịch sử của chiến tranh tan nát và mất mát trên quê hương mình. Từ Bắc vào Nam rồi trải qua một giai đoạn đầy bi kịch của lịch sử, đất nước chia đôi, quê hương tan nát. Tôi đã trưởng thành trong khói lửa, cứ tưởng mình cầm súng giữ quê hương. Nhưng, đến khi cuộc cờ tàn thì bị tù đầy rồi lưu vong tỵ nạn. Nhìn thấy quê hương cho đến giờ vẫn chưa theo kịp trào lưu thế giới, thật buồn thương khôn xiết. Vì cuộc đời là bi hài kịch nên thắng thua chỉ là giai đoạn, chỉ là mộng tưởng mà thôi! Nếu nhìn sâu trên bàn cờ thế giới thì thân phận nhược tiểu vẫn là thua thiệt. Và kẻ thắng có thể là thua và người thua chưa chắc là thua thật. Nếu nhìn sâu từ 30-4-75, Miền Bắc thắng Miền Nam về quân sự, nhưng về mặt thực tiễn và tâm lý họ đã thua hoàn toàn về văn hóa, giáo dục, kinh tế và nhân phẩm nên đã sinh ra một Dương Thu Hương và nhiều cán bộ tỉnh ngộ xét lại như Bùi Tín, Vũ Thư Hiên, v.v..

Tôi xin kết luận bằng ba đoạn thơ thế này:

Một là NHỚ XƯA
"Hôm nay nhắc lại chuyện ngày qua
Tôi vẫn buồn thương việc nước nhà
Vẫn thấy quê hương tan nát quá!
Khóc cười cuộc mộng… vẫn đi xa…
Hai là VẪN
Tôi vẫn yêu đời thương quê hương
Vẫn cười nhân thế, ngẫm vô thường
Vẫn mong Đạo Pháp trường tồn mãi
Buông bỏ mộng đời chẳng vấn vương!
Ba là CÁM ƠN
Cám ơn Quý vị lắng nghe tôi
Phải-Trái, Đúng-Sai cũng thế thôi
Lịch sử muôn đời là bài học
Học thành giọt nước… cuốn sông trôi!

Và cuối cùng là bài thơ XIN CHÀO để kính chào Chư Tôn Đức cùng toàn thể Pháp Hội, xin hẹn một lần sau sẽ trình bày những vấn đề khác của một chứng nhân:

XIN CHÀO
Ta vẫn còn đây, vẫn sống đây
Vẫn cười, vẫn hát với trời mây
Vẫn chào cuộc sống đang trôi chảy
Vẫn thấy hoa cười, vẫn vỗ tay
Ta thấy kiếp người một phút giây
Tại sao không biết sống ngay đây
Mặc trời mưa nắng hay giông bão
Ta vẫn cùng đi tay nắm tay
Hôm nay hội ngộ ở nơi đây
Ôn lại chuyện xưa thương xót đầy
Cùng nhau, buông hết mà vui sống
Ta cũng mừng ta biết phủi tay
Lịch sử ngàn đời cất cánh bay
Đời thực ngay đây chính phút này
Quá khứ vị lai đều ảo ảnh
Sống Đạo nơi đời vui lắm thay!

Cali ngày 23-6-2013
Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả

KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ DO GHPGVNTNHK TỔ CHỨC TỪ NGÀY 17 ĐẾN 27.6.2013 TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, NORTH HILLS, CALIFORNIA, HOA KỲ

Photos: Hộ Pháp

KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ DO GHPGVNTNHK TỔ CHỨC TỪ NGÀY 17 ĐẾN 27.6.2013 TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, NORTH HILLS, CALIFORNIA, HOA KỲ

Photos: Hộ Pháp

LỄ TƯỞNG NIỆM 50 NĂM BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC VỊ PHÁP THIÊU THÂN TẠI HỘI TRƯỜNG JEROME CENTER, SANTA ANA, NGÀY 23.6.2013

Photos: TV Hộ Pháp